

BẢN TIN THÔNG TIN SINH HOẠT CHI BỘ, SỐ CHUYÊN ĐỀ

TƯ DUY CHIẾN LƯỢC CỦA ĐỒNG CHÍ TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM VỀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC THỊNH VƯỢNG, HÙNG CƯỜNG TRONG KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH

----- LỜI MỞ ĐẦU

Trong bối cảnh tình hình thế giới và khu vực thay đổi nhanh chóng, khó đoán định với những biến động sâu sắc, phức tạp về chính trị, kinh tế, công nghệ, môi trường, an ninh phi truyền thống,... việc hoạch định chiến lược mới cho sự phát triển của đất nước trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Việt Nam đang trong một giai đoạn lịch sử trọng đại, yêu cầu phải tiếp tục, nhanh chóng đổi mới để hiện thực hóa khát vọng trở thành một quốc gia thịnh vượng, hùng cường, có vị thế xứng đáng trên trường quốc tế.

Dưới sự lãnh đạo toàn diện của Đảng và đặc biệt là tư duy chỉ đạo sâu sắc, tầm nhìn chiến lược của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, công cuộc phát triển đất nước bước sang một giai đoạn mới - giai đoạn của đổi mới tư duy, hành động quyết liệt và khát vọng vươn lên mạnh mẽ. Những chỉ đạo, định hướng chiến lược quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư không chỉ là kim chỉ nam cho sự phát triển bền vững của đất nước, mà còn là lời hiệu triệu cả hệ thống chính trị, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân chung sức, đồng lòng, vượt qua mọi khó khăn, biến khát vọng thành hành động, biến tiềm năng thành sức mạnh thực tế, để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển mới.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Vụ Thông tin - Đối ngoại biên soạn Bản tin Thông tin sinh hoạt chi bộ, số chuyên đề *“Tư duy chiến lược của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm về phát triển đất nước thịnh vượng, hùng cường trong kỷ nguyên vườn mình”*¹, gồm các bài viết, chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư từ tháng 02 đến tháng 7/2025 phục vụ sinh hoạt chi bộ định kỳ.

Đề nghị các cấp ủy, tổ chức đảng, Ban Tuyên giáo và Dân vận các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội, đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của Đảng tiếp tục quán triệt, tuyên truyền sâu rộng chỉ đạo, định hướng chiến lược quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, góp phần tạo sự thống nhất cao về nhận thức, hành động của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ trọng yếu của Đảng cũng như các nhiệm vụ chính trị quan trọng của địa phương, cơ quan, đơn vị.

VỤ THÔNG TIN - ĐỐI NGOẠI

¹ Trích một số bài viết quan trọng của đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam từ tháng 02/2025 đến ngày 03/7/2025.

RẠNG RỖ VIỆT NAM²

Một mùa Xuân mới đang về, mang theo niềm hân hoan, sức sống mới trên khắp mọi miền của Tổ quốc. Mùa xuân này càng trở nên ý nghĩa hơn khi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta kỷ niệm 95 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2025) như một mốc son chói lọi để cả nước bước vào một chặng đường phát triển mới, hướng tới một tương lai rạng ngời.

Trong suốt 95 Xuân qua, Đảng ta - đội tiên phong của giai cấp công nhân, của Nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam - đã lãnh đạo đất nước vượt qua muôn vàn gian nan, thử thách, làm nên những thắng lợi, thành tựu vĩ đại, ghi dấu ấn đậm nét trong lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời trong một bối cảnh lịch sử đặc biệt và với một sứ mệnh đặc biệt. Từ giữa thế kỷ XIX, thực dân Pháp xâm lược nước ta và áp đặt ách thống trị tàn bạo, khiến dân tộc ta chịu cảnh nô lệ, lầm than. Với truyền thống yêu nước và tinh thần không chịu khuất phục, Nhân dân ta đã vùng lên đấu tranh liên tục và mạnh mẽ bằng nhiều con đường với nhiều khuynh hướng khác nhau, từ phong trào Cần Vương đến khởi nghĩa Yên Thế, từ các phong trào Đông Du, Đông kinh Nghĩa Thục, Duy Tân đến khởi nghĩa Yên Bái... Nhân dân ta đã đấu tranh vô cùng anh dũng và chịu nhiều hy sinh, nhưng đều không thành công vì thiếu một đường lối đúng đắn, chưa tập hợp và phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc, thiếu một phương pháp đấu tranh thích hợp và nhất là chưa có được một tổ chức lãnh đạo, một chính đảng đáp ứng được yêu cầu của dân tộc và của thời đại.

Cùng lúc đó, trên thế giới, sự phát triển của phong trào công nhân cùng thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra một chân trời mới, thấp sáng hy vọng cho các dân tộc bị áp bức, bóc lột, cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giành độc lập trên khắp các châu lục.

Trước yêu cầu của lịch sử và với một khát vọng cháy bỏng về giải phóng dân tộc, người thanh niên yêu nước nòng nọc Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Người đã đi khắp các châu lục, qua gần 30 quốc gia, hàng trăm thành phố, vượt qua muôn vàn gian khổ, chông gai và làm rất nhiều nghề để kiếm sống, để học những “sàng khôn” của nhân loại. Chính hành trình này đã giúp Người thanh niên Việt Nam hiểu rõ cội nguồn những khổ đau của các tầng lớp nhân dân lao động là ở sự áp bức, bóc lột của chủ nghĩa tư bản đế quốc và hình thành nên ý thức giai cấp rõ rệt. Với quyết tâm hướng tới: “*Tự do cho đồng bào tôi, độc lập cho Tổ quốc tôi*”, Nguyễn Tất Thành đã đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin một cách tự nhiên, như một tất yếu lịch sử và đã tìm thấy ở đó những vấn đề cơ bản của

² Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 02/02/2025, <https://special.nhandan.vn/rang-ro-Viet-Nam/index.html>

đường lối giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, giải phóng con người; độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.

Trước yêu cầu lịch sử và dưới ánh sáng soi đường của Chủ nghĩa Mác - Lênin, người thanh niên Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành nhiều hoạt động, dày công chuẩn bị cả về tư tưởng, lý luận và con người cho sự ra đời của một tổ chức chính trị tiên phong lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Người đã truyền bá Chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam thông qua các tác phẩm như Bản án chế độ thực dân Pháp (1925), Đường Kách Mệnh (1927), đào tạo cán bộ cách mạng và thúc đẩy phong trào đấu tranh trong nước.

Ngày 03/02/1930, tại Cửu Long (Hồng Kông, Trung Quốc), dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã diễn ra, thống nhất thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Đây là một quyết định có ý nghĩa lịch sử trọng đại, quy tụ các tổ chức cộng sản Việt Nam thành một lực lượng duy nhất, có đường lối cách mạng rõ ràng, thống nhất. Cương lĩnh đầu tiên của Đảng được thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng đã xác định con đường cơ bản của cách mạng Việt Nam, đáp ứng yêu cầu bức thiết của lịch sử và trở thành ngọn cờ tập hợp, đoàn kết thống nhất các tổ chức cộng sản, các lực lượng cách mạng và toàn thể dân tộc. Sự kiện lịch sử này đã chấm dứt cuộc khủng hoảng đường lối và tổ chức của cách mạng Việt Nam, mở ra một kỷ nguyên mới trong lịch sử nước ta - kỷ nguyên đấu tranh giành độc lập dân tộc và tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Từ khi thành lập, với đường lối đúng đắn, với phương pháp thích hợp và sáng tạo, với năng lực tổ chức thực tiễn và sự chiến đấu ngoan cường, hy sinh anh dũng của nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên, và sự tin yêu, đùm bọc, hết lòng che chở, bảo vệ của Nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo đất nước giành được những thắng lợi to lớn có ý nghĩa lịch sử và thời đại.

Chỉ trong vòng 15 năm sau khi ra đời, Đảng ta đã không ngừng phát triển và lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám, thành lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 02/9/1945, xóa bỏ chế độ thuộc địa nửa phong kiến ở Việt Nam, mở ra chương mới của lịch sử dân tộc. Nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và cuộc sống của chính mình.

Ngay sau thành công của Cách mạng Tháng Tám, đất nước ta phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, thử thách; cùng một lúc phải đương đầu với “*giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm*”. Trong hoàn cảnh “*ngàn cân treo sợi tóc*”, Đảng đã lãnh đạo nhân dân ta kiên cường bảo vệ và xây dựng chính quyền non trẻ, đồng thời tích cực chuẩn bị về mọi mặt cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Với đường lối đúng đắn, phát huy được sức mạnh của toàn dân tộc, Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta lần lượt đánh bại mọi âm mưu, kế hoạch xâm lược của kẻ

thù trong chín năm kháng chiến gian khổ và anh dũng, đỉnh cao là Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, buộc thực dân Pháp phải ký Hiệp định Geneva (năm 1954) về hòa bình ở Đông Dương.

Trong suốt hơn hai mươi năm sau đó, đất nước ta bị chia cắt và chưa có hòa bình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, với một ý chí sắt đá và quyết tâm không gì có thể lay chuyển, nhân dân ta đã vượt qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, thực hiện cuộc kháng chiến vĩ đại, lần lượt đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, viết nên một trong những trang sử hào hùng nhất của dân tộc, một sự kiện có tầm vóc quốc tế và có tính thời đại sâu sắc. Đây là sự hiện thực hóa của tầm nhìn và quyết tâm mà Đảng ta đã đưa ra từ Đại hội III (tháng 9/1960): *“Nước Việt Nam ta là một, dân tộc Việt Nam ta là một. Nhất định nước ta sẽ được thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ, nhất định dân tộc sẽ được đoàn tụ trong hòa bình, tự do và hạnh phúc. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng ý chí thống nhất Tổ quốc của Nhân dân cả nước ta quyết không bao giờ lay chuyển và cuối cùng chúng ta nhất định sẽ giành được thắng lợi”*.

Trong lúc phải khăn trương khắc phục những hậu quả vô cùng nặng nề do chiến tranh để lại, đất nước ta lại tiếp tục phải đương đầu với những thử thách mới. Đảng tiếp tục lãnh đạo toàn quân và toàn dân ta vừa ra sức khôi phục kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của người dân, vừa kiên cường chiến đấu giữ vững từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc, bảo vệ độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và không gian sinh tồn của dân tộc. Đồng thời làm nghĩa vụ quốc tế cao cả đối với nhân dân Campuchia.

Trước những yêu cầu mới trong phát triển đất nước, để khắc phục những bất cập của cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp dẫn tới khủng hoảng kinh tế-xã hội những năm sau chiến tranh, trên cơ sở tổng kết sáng kiến, sáng tạo trong thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và sự thực thi của cả hệ thống chính trị và nhân dân, Đảng ta đã đề ra và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện đất nước, đánh dấu bước ngoặt quan trọng trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Đường lối đổi mới ra đời đã đáp ứng đòi hỏi của thực tiễn quá trình xây dựng nền kinh tế, nền quốc phòng, an ninh, công tác đối ngoại của đất nước, thể hiện bản lĩnh vững vàng, tư duy sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và mở ra một thời kỳ mới cho sự phát triển của đất nước.

Sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã vượt qua mọi khó khăn, vươn tới những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Từ một nước nghèo nàn, bị chiến tranh tàn phá, bị bao vây, cô lập, đến nay Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, hội nhập sâu, rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu, nền văn minh nhân loại, đảm nhiệm nhiều trọng trách quốc tế, phát huy vai trò tích cực tại nhiều tổ chức quốc tế,

diễn đàn đa phương quan trọng. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; lợi ích quốc gia, dân tộc được bảo đảm. Quy mô nền kinh tế năm 2024 đã đạt trên 470 tỉ USD, đứng thứ 32 thế giới và nằm trong nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài. Đời sống của người dân được cải thiện rõ rệt, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh, hiện chỉ còn 1,93% (theo chuẩn đa chiều) so với mức 60% năm 1986. Tiềm lực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh không ngừng nâng cao. Cục diện đối ngoại không ngừng được mở rộng; vị thế, uy tín của đất nước không ngừng được lan tỏa, có những đóng góp tích cực vào giải quyết các vấn đề khu vực và toàn cầu, đã thực hiện nhiều nhiệm vụ trong vai trò thành viên ASEAN, Liên hợp quốc và các tổ chức, thể chế quốc tế khác được cộng đồng quốc tế ghi nhận, đánh giá cao.

Những thành tựu to lớn của cách mạng Việt Nam suốt 95 năm qua bắt nguồn từ nhiều nhân tố, trong đó sự lãnh đạo đúng đắn và sáng suốt của Đảng là nhân tố quyết định hàng đầu, cùng sự hy sinh, chiến đấu, lao động sáng tạo của toàn dân, toàn quân dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, sự hỗ trợ, giúp đỡ của bạn bè quốc tế. Trong những thời điểm khó khăn, thử thách, Đảng ta đã thể hiện rõ bản lĩnh, tinh thần đoàn kết, là một khối thống nhất về ý chí và hành động, từ đó lãnh đạo, chỉ đạo cả hệ thống chính trị nỗ lực cố gắng đạt được những thành tựu to lớn, toàn diện trên các lĩnh vực. Đồng thời, thông qua quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta được tôi luyện và ngày càng trưởng thành, vững mạnh, xứng đáng với vai trò và sứ mệnh lãnh đạo cách mạng và sự tin cậy, kỳ vọng của Nhân dân. Thực tiễn đó đã khẳng định: Ở Việt Nam, không có một lực lượng chính trị nào khác ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam có đủ năng lực, bản lĩnh, trí tuệ, kinh nghiệm và uy tín để lãnh đạo đất nước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, đưa sự nghiệp cách mạng của dân tộc ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Nhìn lại chặng đường 95 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Đảng Cộng sản Việt Nam, chúng ta bày tỏ lòng biết ơn vô hạn và thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - vị lãnh tụ thiên tài, người Anh hùng giải phóng dân tộc, người đã khai sáng con đường cách mạng, làm rạng danh non sông ta, đất nước ta. Chúng ta cũng thành kính tưởng nhớ các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng, các anh hùng liệt sĩ, đồng bào, đồng chí đã chiến đấu kiên cường và hy sinh quên mình trong sự nghiệp cách mạng vẻ vang vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, vì cuộc sống bình yên, hạnh phúc và ấm no của Nhân dân.

Đảng, Nhà nước và Nhân dân Việt Nam mãi mãi ghi nhớ công lao của những người có công với nước, các gia đình liệt sĩ, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, Anh hùng lực lượng vũ trang, Anh hùng lao động, các thương binh, bệnh binh, các đồng chí từng bị giam cầm trong nhà tù của thực dân, đế quốc, các chiến sĩ đã chiến đấu trên mọi mặt trận và thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả, các cựu chiến binh và

những người miệt mài lao động, sáng tạo làm ra của cải vật chất cho xã hội. Chúng ta cũng luôn biết ơn các đồng chí, bạn bè quốc tế đã luôn đồng hành, ủng hộ và giúp đỡ Nhân dân Việt Nam trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc trước đây, cũng như tiếp tục hợp tác, hỗ trợ trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước ngày nay.

Nhìn lại lịch sử, truyền thống vẻ vang và đầy tự hào của Đảng trong 95 năm qua, chúng ta càng thấy rõ hơn trách nhiệm của thế hệ lãnh đạo và đảng viên hôm nay trong tiến trình lịch sử của dân tộc. Sứ mệnh của Đảng hiện nay là phải lãnh đạo, đưa đất nước bước vào kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu; bảo đảm mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của khu vực và thế giới, vì hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Ưu tiên hàng đầu là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao.

Để tiếp tục gánh vác trọng trách đó của lịch sử, Đảng phải không ngừng lớn mạnh, giữ vững bản chất cách mạng, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu và sự gắn bó mật thiết với nhân dân. Đảng phải luôn tự đổi mới, tự chỉnh đốn, phát huy dân chủ trong nội bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ vững mạnh, trong sạch, kiên định với mục tiêu, lý tưởng của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, Đảng phải không ngừng hoàn thiện lý luận, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, tạo nền tảng vững chắc để lãnh đạo đất nước phát triển nhanh và bền vững. Trước những yêu cầu mới của sự nghiệp cách mạng, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và những thách thức từ tình hình thế giới, công tác xây dựng Đảng càng cần được quan tâm, đổi mới và thực hiện quyết liệt hơn nữa, tập trung vào các nhóm vấn đề trọng tâm sau đây:

Một là, tiếp tục kiên định mục tiêu, lý tưởng của Đảng. Đảng ta ra đời với sứ mệnh lãnh đạo cách mạng, đại diện cho lợi ích của giai cấp công nhân, Nhân dân lao động và toàn thể dân tộc Việt Nam. Ngay từ những ngày đầu đấu tranh giành độc lập, đến khi trở thành Đảng cầm quyền, Đảng luôn kiên định mục tiêu giải phóng dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội, đem lại ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân. Đảng không tồn tại vì lợi ích riêng mà hoạt động vì quyền lợi của toàn dân. Quyền lực lãnh đạo của Đảng không phải tự thân mà có, mà do Nhân dân trao quyền, là sự ủy thác của nhân dân. Đảng không có mục đích nào khác là đấu tranh vì lợi ích của Nhân dân, quốc gia và dân tộc.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh: *“Đảng không phải là một tổ chức để làm quan phát tài. Nó phải làm tròn nhiệm vụ giải phóng dân tộc, làm cho Tổ quốc*

giàu mạnh, đồng bào sung sướng”. Chính vì vậy, Đảng phải luôn gắn bó mật thiết với Nhân dân, lấy lợi ích của Nhân dân làm mục tiêu cao nhất, giữ vững bản chất cách mạng và vai trò tiên phong của mình. Trong bối cảnh hiện nay, Đảng càng phải kiên định nền tảng tư tưởng của mình, tiếp tục vận dụng sáng tạo Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào thực tiễn, bảo vệ vững chắc con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, Đảng phải không ngừng đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh để tiếp tục dẫn dắt dân tộc trên con đường phát triển trong kỷ nguyên mới, hiện thực hóa mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là, không ngừng hoàn thiện hệ thống lý luận của Đảng. Nền tảng lý luận vững chắc là kim chỉ nam cho hành động của Đảng, quyết định sự đúng đắn trong đường lối lãnh đạo và chiến lược phát triển đất nước. Trải qua hơn 95 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng đã đúc kết nhiều bài học kinh nghiệm, từng bước phát triển tư duy lý luận về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, về mô hình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về quốc phòng, an ninh và đối ngoại cùng nhiều lĩnh vực quan trọng khác. Việc hoàn thiện nền tảng lý luận là yêu cầu cấp thiết để Đảng tiếp tục lãnh đạo đất nước trong bối cảnh thế giới hôm nay đang diễn ra những biến chuyển sâu sắc trên tất cả các mặt của đời sống. Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, thực tiễn luôn đặt ra những vấn đề mới, đòi hỏi Đảng phải không ngừng tổng kết thực tiễn, bổ sung, phát triển lý luận.

Công tác tổng kết thực tiễn cần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá chính xác kết quả đạt được, thẳng thắn, khách quan chỉ ra những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm và nguyên nhân; nhận diện rõ những điểm nghẽn, nút thắt đang kìm hãm sự phát triển của đất nước, từ đó đề xuất các giải pháp đột phá, tạo động lực mạnh mẽ cho quá trình phát triển trong thời gian tới. Công tác nghiên cứu cũng cần chỉ rõ hơn đâu là cơ hội lớn cần tận dụng, đâu là thách thức lớn cần vượt qua, những yếu tố mới của thực tiễn cần bổ sung là gì. Sự thẳng thắn, khách quan, khoa học, trung thực, kiên định và thận trọng là cần thiết để tránh sai lầm, duy ý chí. Các vấn đề này cần được làm rõ trong quá trình xây dựng các văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV. Đây không chỉ là công việc của cơ quan chuyên môn của Đảng mà còn đòi hỏi sự tham gia của toàn hệ thống chính trị, đội ngũ trí thức, các cơ quan nghiên cứu lý luận và từng cán bộ, đảng viên và nhân dân cả nước.

Ba là, tiếp tục xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh. Đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quyết định đối với sự tồn tại, phát triển của Đảng. Cần không ngừng củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của từng tổ chức Đảng; xây dựng tổ chức cơ sở Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh, làm nòng cốt trong hệ thống chính trị và gắn bó mật thiết với nhân dân. Đồng thời, cần tiếp tục tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật

Đảng; đẩy mạnh tự phê bình và phê bình, kiên quyết xử lý những cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*”; nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát để giữ vững kỷ luật, kỷ cương trong Đảng. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí cần được tiếp tục triển khai quyết liệt, đồng bộ, toàn diện, bài bản, không có vùng cấm, không có ngoại lệ, tạo sức răn đe, cảnh tỉnh, góp phần làm trong sạch bộ máy, củng cố niềm tin của Nhân dân vào Đảng. Cán bộ, đảng viên, đặc biệt là người đứng đầu các cấp ủy đảng cần đề cao trách nhiệm nêu gương, luôn lắng nghe ý kiến của Nhân dân, kịp thời giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân, tạo sự đồng thuận xã hội. Đồng thời, cần phát huy vai trò giám sát của nhân dân đối với cán bộ, đảng viên, bảo đảm Đảng luôn là lực lượng lãnh đạo trung thành với lợi ích của dân tộc, vì hạnh phúc của Nhân dân.

Bốn là, quyết tâm củng cố tổ chức bộ máy hệ thống chính trị theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, khắc phục tình trạng chồng chéo, chồng chéo. Trong nhiều kỳ đại hội gần đây, các văn kiện đại hội đều nhấn mạnh các nhiệm vụ cụ thể về tinh gọn tổ chức bộ máy hoặc nghiên cứu xây dựng mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị trong giai đoạn mới. Đảng cũng đã liên tục ban hành nhiều nghị quyết, kết luận để lãnh đạo thực hiện chủ trương đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Tuy nhiên, nhận thức và hành động của một số cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu ở một số cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương chưa đầy đủ, chưa sâu sắc, quyết tâm chưa cao, hành động chưa quyết liệt, việc sắp xếp tổ chức bộ máy chưa đồng bộ, tổng thể, chưa gắn tinh giản biên chế với cơ cấu lại,...

Chính vì vậy, cho đến nay tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn chồng chéo, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, quan hệ công tác giữa nhiều cơ quan, bộ phận chưa thật rõ ràng, còn trùng lặp, chồng chéo; phân định trách nhiệm, phân cấp, phân quyền chưa đồng bộ, hợp lý, có chỗ bao biện làm thay, có nơi bỏ sót hoặc không đầu tư thích đáng. So với những thay đổi to lớn của đất nước sau 40 năm đổi mới, sự phát triển của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và những thành tựu khoa học công nghệ, tổ chức bộ máy hệ thống chính trị nước ta cơ bản vẫn theo mô hình được thiết kế từ hàng chục năm trước, nhiều vấn đề không còn phù hợp với điều kiện mới là trái với quy luật phát triển; tạo ra tình trạng “*Nói không đi đôi với làm*”. Vì vậy, công tác trọng tâm trong giai đoạn hiện nay và thời gian tới là xây dựng và tổ chức thực hiện mô hình tổng thể tổ chức bộ máy hệ thống chính trị Việt Nam đáp ứng những yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Năm là, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt các cấp. Trước yêu cầu phát triển và hội nhập ngày càng cao, đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ

chủ chốt các cấp, phải đáp ứng những tiêu chuẩn quan trọng: Có bản lĩnh chính trị vững vàng; có đạo đức trong sáng, tinh thần trách nhiệm cao, thực sự gương mẫu, liêm chính, tận tụy phục vụ Nhân dân, không vụ lợi cá nhân, không tham nhũng, tiêu cực; có tư duy đổi mới, sáng tạo; biết nắm bắt cơ hội, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không né tránh, trì trệ, thụ động trước những vấn đề mới phát sinh; có năng lực thực tiễn, khả năng lãnh đạo, quản lý. Để làm được điều này, cần đổi mới mạnh mẽ tư duy trong công tác cán bộ. Các quy trình về công tác cán bộ phải trở thành cơ chế để lựa chọn người tốt nhất, người xứng đáng nhất, chứ không phải là cơ chế để hợp thức hóa việc tuyển chọn, bổ nhiệm, đề bạt người không đảm bảo tiêu chuẩn, không thực sự tiêu biểu, không thực sự vì dân. Ngoài việc minh bạch hóa quy trình bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ và tăng cường kiểm tra, giám sát, cần xây dựng cơ chế phát hiện, bảo vệ và trọng dụng người tài, đồng thời có cơ chế xử lý trách nhiệm rõ ràng, trong đó ai giới thiệu, bổ nhiệm cán bộ sai tiêu chuẩn, thiếu phẩm chất, yếu năng lực thì phải chịu trách nhiệm. Đồng thời, cần kiên quyết chống chạy chức, chạy quyền, lợi ích nhóm trong công tác quy hoạch, bổ nhiệm, sử dụng cán bộ.

Sáu là, tăng cường công tác ứng dụng khoa học - công nghệ, chuyển đổi số trong công tác xây dựng Đảng. Các tiến bộ về công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và chuyển đổi số đang tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống xã hội. Việc ứng dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào công tác xây dựng Đảng không chỉ là yêu cầu cấp thiết mà còn là một bước đột phá nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng trong tình hình mới. Công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo sẽ góp phần hiện đại hóa công tác quản lý đảng viên, điều hành tổ chức Đảng. Việc xây dựng hệ thống quản lý đảng viên trên nền tảng số giúp tăng cường tính minh bạch, chính xác và hiệu quả trong quản lý hồ sơ, quá trình công tác, đánh giá, phân loại đảng viên. Điều này giúp các cấp ủy nắm bắt chính xác tình hình đội ngũ, từ đó có cơ chế đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển hợp lý, khắc phục tình trạng quan liêu, thiếu thực tiễn. Công nghệ số cũng giúp nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng. Các nền tảng số, mạng xã hội có thể được sử dụng để tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng đến đông đảo cán bộ, đảng viên và Nhân dân một cách nhanh chóng, sinh động, hiệu quả. Các công nghệ mới cũng giúp nâng cao năng lực phát hiện sớm các vấn đề nổi cộm, phân tích, dự báo, đề xuất giải pháp phù hợp. Công nghệ số cung cấp dữ liệu chính xác, khách quan, giúp các cấp ủy đưa ra quyết định đúng đắn, dựa trên những phân tích khoa học thay vì cảm tính.

Bảy là, nhiệm vụ trọng tâm cấp bách trong năm 2025 của các cấp ủy đảng, từng chi bộ, mỗi đảng viên, tập trung sức lực, trí tuệ cùng Nhân dân phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đã được nêu trong các nghị quyết của các cấp ủy Đảng, đặc biệt chú trọng các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức tiến hành đại hội đại biểu Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của

Đảng, trong đó chú trọng đóng góp ý kiến vào nội dung văn kiện của Đảng; giới thiệu và lựa chọn những người thật tiêu biểu, vì nước, vì dân tham gia vào hệ thống chính trị các cấp; tạo không khí thật sự dân chủ, đoàn kết, hăng say lao động sản xuất, xây dựng, phát triển quê hương đất nước trong mọi tầng lớp nhân dân.

Nhìn lại 95 năm xây dựng và trưởng thành của Đảng, chúng ta có quyền tự hào và hoàn toàn tin tưởng vào tương lai rạng rỡ của Đảng và của dân tộc. Năm 1945, khi lãnh đạo toàn dân thực hiện thành công Cách mạng Tháng Tám, Đảng ta chỉ có gần 5.000 đảng viên, nhưng với đường lối đúng đắn, tinh thần kiên trung, ý chí quật cường và lòng yêu nước, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân giành thắng lợi vẻ vang, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đến năm 1960, khi đất nước bước vào giai đoạn kháng chiến trường kỳ chống Mỹ, cứu nước, số lượng đảng viên đã tăng lên khoảng 500.000 người, trở thành hạt nhân dẫn dắt toàn dân tộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước. Ngày nay, với hơn 5,4 triệu đảng viên, lực lượng của chúng ta không ngừng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, đủ sức gánh vác trọng trách đưa đất nước tiến lên trong thời kỳ mới. Mỗi đảng viên chính là biểu tượng của niềm tin, trí tuệ và ý chí đoàn kết của cả dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam, dưới ánh sáng của Chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, sẽ tiếp tục hoàn thành xuất sắc sứ mệnh lịch sử của mình. Vững tin vào sức mạnh của Đảng và sự đoàn kết của toàn dân tộc, chúng ta khẳng định: Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta sẽ đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đưa đất nước phát triển nhanh, bền vững trong kỷ nguyên mới, xây dựng một tương lai huy hoàng, rạng rỡ cho dân tộc Việt Nam.

TỔ CHỨC TỐT ĐẠI HỘI ĐẢNG BỘ CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2025 - 2030³

Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Đây không chỉ là đợt sinh hoạt chính trị to lớn, sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân mà còn là tiền đề để tổ chức thành công Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Cao hơn, chuỗi sự kiện này là một trong những yếu tố then chốt tạo nền tảng chính trị vững chắc đưa đất nước vững bước tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, phồn vinh, thịnh vượng, sánh vai với các cường quốc năm châu như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh muôn vàn kính yêu và ước vọng của toàn dân tộc.

Thực tiễn cách mạng Việt Nam cho thấy, Đại hội đảng bộ các cấp có vai trò dẫn dắt, định hướng, trụ cột, có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong toàn Đảng và toàn xã hội. Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ này có 03 nhiệm vụ trọng tâm, đó là: thảo luận, thông qua Văn kiện đại hội cấp mình và góp ý với dự thảo Văn kiện Đại

³ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 11/02/2025, <https://special.nhandan.vn/to-chuc-tot-Dai-hoi-Dang-bo-cac-cap-nhiem-ky-2025-2030/index.html>

hội cấp trên, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng; lựa chọn nhân sự tham gia cấp ủy các cấp; hoàn thiện nhân sự trong hệ thống cơ quan lãnh đạo của Đảng từ cấp cơ sở đến cấp Trung ương. Những nội dung trên đều là vấn đề “*cốt tử*”, hệ trọng, liên quan đến vai trò lãnh đạo, cầm quyền, sức chiến đấu của Đảng; đến việc hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách, biện pháp lãnh đạo; quyết định sức mạnh nội bộ Đảng và hệ thống chính trị; đến toàn bộ hoạt động lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp trong nhiệm kỳ tới cũng như sức mạnh của toàn dân tộc trong tương lai.

Đảng ta là đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo bằng đường lối. Văn kiện Đại hội các cấp là sự cụ thể hoá quan điểm, định hướng chỉ đạo của Đảng thành hệ thống những giải pháp có sức sống từ thực tiễn ngành, địa phương, cơ quan đơn vị, địa bàn, lĩnh vực được phân công nhiệm vụ; có giá trị định hướng sự lãnh đạo, dẫn đường, khắc phục triệt để tồn tại, bất cập, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, tháo gỡ triệt để điểm nghẽn, rào cản, huy động tối đa sự tham gia của cán bộ, đảng viên và Nhân dân, tạo sức mạnh to lớn để đạt và vượt mục tiêu đã định, góp phần hoàn thành thắng lợi những mục tiêu, chỉ tiêu, kế hoạch mà Trung ương hoặc đảng bộ cấp trên đã đề ra. Bảo đảm chất lượng tham gia ý kiến với Văn kiện Đại hội của cấp mình, dự thảo Văn kiện cấp trên trực tiếp, của cấp trên cũng như dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, nhất là đề xuất những giải pháp bắt nguồn từ nhịp sống cơ sở, từ hơi thở của đời sống xã hội của từng địa phương, thậm chí từng làng xã, cộng đồng và cá nhân tạo động lực, khí thế, sức lan toả mạnh mẽ trong cả nước là mục tiêu mà các cấp ủy cần đạt được.

Nhân sự cấp ủy cũng chính là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, chủ trì, chủ chốt ở từng bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị; là “*cầu nối*” giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, là lực lượng lãnh đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện, quyết định việc đưa chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước đi vào cuộc sống; đồng thời, nắm bắt tình hình đề xuất với Đảng, Nhà nước đề ra chủ trương, chính sách phù hợp nguyện vọng, lợi ích chính đáng của Nhân dân. Bí thư, Phó bí thư, cấp ủy viên luôn là nhân tố quan trọng, quyết định kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị, sự ổn định, phát triển, vững mạnh của địa phương, cơ quan, đơn vị cả trước mắt và lâu dài.

Để tổ chức thành công Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030, cấp ủy các cấp cần bám sát nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW, ngày 14/06/2024 của Bộ Chính trị “*về tổ chức Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng*” và Kết luận số 118 KL/TW ngày 18/01/2025 của Bộ Chính trị về sửa đổi, bổ sung Chỉ thị 35-CT/TW nêu trên. Ngoài ra, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Văn phòng Trung ương đến nay đã có 21 văn bản hướng dẫn liên quan đến Tổ chức Đại hội

đảng bộ các cấp, các đồng chí coi đó là “*sách giáo khoa*” để tổ chức triển khai thực hiện.

Trong bối cảnh chúng ta tích cực triển khai Nghị quyết số 18-NQ/TW của Bộ Chính trị về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, các cấp ủy cần nhanh chóng kiện toàn tổ chức, đưa guồng máy vào hoạt động và tiếp tục tinh gọn bộ máy bên trong của từng cơ quan, đơn vị, địa phương. Bốn Đảng bộ mới được thành lập là Đảng bộ các cơ quan Đảng Trung ương, Đảng bộ Chính phủ, Đảng bộ Quốc hội, Đảng bộ Mặt trận Tổ quốc; một số Ban Đảng Trung ương mới được cơ cấu lại; các đảng bộ, chi bộ mới của một số bộ, các tỉnh, thành phố... căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy được qui định sớm ổn định tổ chức và duy trì hoạt động theo đúng điều lệ Đảng và những qui định mới của Ban Chấp hành Trung ương trong điều hành hoạt động cũng như trong quá trình tổ chức Đại hội đảng bộ, chi bộ.

Để tiến hành tốt đại hội đảng bộ các cấp, các cấp ủy cần tập trung vào ba vấn đề chính sau đây:

Thứ nhất, cần thống nhất nhận thức, những thành tựu của đất nước đạt được sau 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, đặc biệt sau 40 năm đổi mới là rất vĩ đại, rất đáng trân trọng, tự hào. Nhưng đất nước ta vẫn đang phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức mà toàn Đảng, toàn Dân, toàn quân ta phải nỗ lực đoàn kết, quyết tâm hơn nữa để vượt qua, trong đó Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2025 - 2030 có trách nhiệm phải tham gia và là lực lượng nòng cốt giải quyết hiệu quả những khó khăn, thách thức này. Nhiều điểm nghẽn, rào cản, nút thắt về thể chế tồn tại lâu năm vẫn chưa được tháo gỡ, loại bỏ. Nguy cơ “*dậm chân tại chỗ*”, nguy cơ tụt hậu, nhất là tụt hậu về kinh tế, về khoa học, công nghệ và rơi vào “*bẫy thu nhập trung bình*” còn tiềm tàng. Gần đây, thiên tai, bão lũ và nhiều hậu quả của biến đổi khí hậu, môi trường liên tiếp xảy ra đã để lại những hậu quả nặng nề đối với nhiều địa phương. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, tiêu cực chưa được khắc phục triệt để; tình trạng “*nói không đi đôi với làm; nói một đằng, làm một nẻo*”, “*đánh trống bỏ dùi*”, “*lạc quan tếu*”, báo cáo không trung thực, cán bộ thiếu năng lực, thiếu gương mẫu, cục bộ, bè phái... đều là những “*miếng mồi*” để các thế lực thù địch, phản động lợi dụng tuyên truyền chống phá, để thực hiện âm mưu “*diễn biến hoà bình*”, thúc đẩy “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” trong nội bộ nhằm làm suy giảm lòng tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước, Chế độ ta. Những nguy cơ, thách thức này đe dọa trực tiếp đến quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, 100 năm thành lập nước, đến giữa thế kỷ XXI, nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao. Định vị chính xác “*nguy và cơ*”, đặt rõ mục tiêu vươn tới để thống nhất cao về quyết tâm chính trị, với những bước đi, hành động đúng, trúng, quyết liệt để giải quyết hiệu quả những khó khăn, vướng mắc,

khắc phục triệt để điểm nghẽn, rào cản, khơi thông mọi nguồn lực, phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế từng ngành, lĩnh vực, địa phương.

Thứ hai, về xây dựng Văn kiện và tham gia ý kiến vào Văn kiện đại hội cấp trên, Văn kiện Đại hội XIV của Đảng. Báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng bộ các cấp cần bám sát tinh thần dự thảo các Văn kiện trình Đại hội XIV; tập trung phân tích, đánh giá khách quan việc thực hiện nghị quyết đại hội vừa qua; phản ánh đầy đủ, sát thực tình hình và thực tiễn phát triển của các địa phương, ngành, lĩnh vực, cơ quan, đơn vị. Làm rõ những thành tựu đổi mới, nổi bật trong sự lãnh đạo, chỉ đạo của tổ chức đảng; trên tinh thần nhìn thẳng sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, cần thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm còn tồn tại, nhất là những điểm nghẽn, nút thắt đối với sự phát triển chưa được tháo gỡ, khắc phục. Phân tích sâu sắc nguyên nhân của thành tựu và hạn chế, nhất là về đường lối, chủ trương, biện pháp, giải pháp tại đơn vị, địa phương; về khâu tổ chức thực hiện; về tính chất quyết định của nhân tố con người và công tác cán bộ; về sự tham gia, đồng thuận, ủng hộ của Nhân dân. Chú trọng tổng kết những mô hình mới, cách làm hay, rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị phục vụ phát triển. Chủ động nghiên cứu, nắm bắt, dự báo sát tình hình; phân tích thấu đáo những vấn đề nổi lên đang tác động trực tiếp đến các ngành, các cấp, các địa phương, các cơ quan, đơn vị; xác định rõ tiềm năng, lợi thế phát triển, với phương châm “*Tầm nhìn quốc gia, hành động địa phương, đồng hành của doanh nghiệp, trách nhiệm của người dân*”, đề ra các định hướng, các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá, đối sách phù hợp; tất cả vì sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước với mục tiêu cuối cùng là nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và hạnh phúc của Nhân dân.

Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cần được xây dựng thống nhất với Báo cáo chính trị. Không để xảy ra tình trạng sao chép, rập khuôn báo cáo một cách máy móc hoặc kiểm điểm qua loa, đại khái, hình thức cho có. Việc kiểm điểm cấp ủy cần bám sát quy chế làm việc, chương trình hành động, kết quả lãnh đạo tổ chức thực hiện nghị quyết của đảng bộ, chi bộ, sự chỉ đạo của cấp ủy cấp trên và tình hình cụ thể của địa phương, cơ quan, đơn vị; kết quả thực hiện các nghị quyết, kết luận Hội nghị Trung ương 4, khóa XI, XII, XIII gắn với việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Quy định những điều đảng viên không được làm; Quy định nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Lấy kết quả đầu ra cụ thể của công tác lãnh đạo, chỉ đạo và việc thực hiện nhiệm vụ chính trị cùng với sự hài lòng của quần chúng, nhân dân làm tiêu chí đánh giá. Cần thẳng thắn, khách quan chỉ ra những hạn chế, thiếu sót, mức độ khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, yếu kém đã được phát hiện, trên tinh thần tự phê bình và phê bình, không nể nang, né tránh. Nhận diện, làm rõ những nguyên nhân, nhất là nguyên nhân chủ quan, để từ đó rút kinh nghiệm, đề ra kế hoạch, lộ trình, biện pháp hiệu quả nhằm sửa chữa, khắc phục trong nhiệm kỳ 2025 - 2030. Báo cáo kiểm điểm cần gắn trách nhiệm của tập thể với trách nhiệm cá

nhân, nhất là người đứng đầu, người được phân công phụ trách các lĩnh vực, địa bàn; coi đây là cơ sở quan trọng để đánh giá cấp ủy viên trong nhiệm kỳ và giới thiệu nhân sự cho khóa mới. Cần nhận thức rõ, việc thực hiện kiểm điểm là cơ hội để tăng cường hiểu biết lẫn nhau, đoàn kết, thống nhất, giúp xây dựng môi trường làm việc tốt hơn. Tuyệt đối không được lợi dụng việc kiểm điểm để đấu đá nội bộ, tìm cách triệt hạ, làm mất uy tín của cán bộ, đảng viên.

Thảo luận, đóng góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện Đại hội XIV của Đảng và văn kiện đại hội đảng bộ cấp trên trực tiếp theo hướng thực chất, hiệu quả, có trọng tâm, trọng điểm, tránh góp ý theo kiểu hình thức. Căn cứ điều kiện cụ thể của tổ chức đảng và đại hội để định hướng, gợi mở những nội dung cốt lõi, những vấn đề mới, những vấn đề có nhiều phương án cho thảo luận; lựa chọn hình thức trao đổi, góp ý cho phù hợp, từ đó tiếp nhận, tiếp thu được nhiều ý kiến tâm huyết, có chất lượng. Trong quá trình thảo luận, bàn bạc, cần hết sức cầu thị, lắng nghe, tôn trọng ý kiến lẫn nhau, nhất là đối với những vấn đề mới, vấn đề khó, đồng thời kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, không được phép ngả nghiêng, dao động; luôn tỉnh táo, cảnh giác với mọi âm mưu lợi dụng việc góp ý để xuyên tạc, chống phá.

Thứ ba, đặc biệt chú trọng chuẩn bị nhân sự Đại hội. Cần ý thức sâu sắc, chuẩn bị nhân sự không chỉ cho một kỳ đại hội; xa hơn, đó là sự chuẩn bị nhân sự cho tương lai phát triển của tổ chức đảng, sự phát triển của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị; rộng hơn, đó là vận mệnh của Đảng, sự tồn vong của chế độ và sự phát triển của đất nước, của dân tộc. Đây là công việc mà cán bộ, đảng viên và Nhân dân quan tâm theo dõi; đây cũng là việc mà các phần tử xấu, cơ hội chính trị tìm mọi cách tác động, tung tin thất thiệt, xuyên tạc hòng chia rẽ nội bộ. Về cơ cấu cấp ủy, phải bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy đối với những địa bàn, lĩnh vực quan trọng; coi trọng chất lượng, không vì cơ cấu mà hạ thấp tiêu chuẩn; không nhất thiết địa phương, ban, ngành nào cũng phải có người tham gia cấp ủy; cấp ủy viên được lựa chọn phải thật sự là hạt nhân lãnh đạo chính trị, là đại diện cho đội ngũ đảng viên và được quần chúng tin yêu, tín nhiệm; các cấp ủy viên phải xứng tầm là thành viên “*bộ tham mưu*” chiến đấu và phải đoàn kết, thống nhất cao về ý chí và hành động, thật sự trong sạch, vững vàng, trung kiên. Cần đề cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc đề xuất, giới thiệu nhân sự, nhất là người kế nhiệm theo các quy định mới của Trung ương. Chuẩn bị nhân sự phải kết hợp hài hòa giữa nguồn nhân sự tại chỗ với việc điều động, luân chuyển cán bộ từ nơi khác đến. Đối với các địa phương, đơn vị có cơ cấu cấp ủy nhưng chưa chuẩn bị được nhân sự tại chỗ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét, điều động nhân sự từ nơi khác có đủ tiêu chuẩn, điều kiện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị để giới thiệu, chỉ định tham gia cấp ủy hoặc bổ sung sau đại hội. Phần đầu đạt tỉ lệ cấp ủy viên nữ từ 15% trở lên và có cán bộ nữ trong ban thường vụ; phần đầu tỉ lệ cán bộ trẻ từ 10% trở lên, tỉ lệ cấp ủy viên là

người dân tộc thiểu số bảo đảm phù hợp với đặc điểm, cơ cấu dân tộc và điều kiện cụ thể từng địa phương, cơ quan, đơn vị.

Bên cạnh thực hiện đúng điều lệ Đảng và các qui định hiện hành, công tác nhân sự của các ủy Đảng phải được tiến hành bài bản, khoa học, nhân văn. Phải chuẩn bị kỹ càng cả nhân sự cấp ủy và đại biểu đi dự đại hội đảng bộ cấp trên. Việc giới thiệu, lựa chọn nhân sự phải bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện; dựa trên cơ sở quy hoạch, quy chế, quy định, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; dựa trên phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, trình độ chuyên môn, uy tín, sản phẩm và hiệu quả công tác cụ thể; tuyệt đối không lựa chọn cán bộ không được quần chúng nhân dân tín nhiệm, cũng không giới thiệu những cán bộ lãnh đạo “*dĩ hoà vi quý*”, “*tròn vo*” để lấy phiếu bầu. Nhân sự tham gia cấp ủy, các nhân sự được lựa chọn đi dự đại hội cấp trên phải là tinh hoa của Đảng, thật sự tiêu biểu về phẩm chất chính trị, bản lĩnh, trí tuệ; có tầm nhìn và tư duy chiến lược; có trách nhiệm cao, có tư duy đổi mới, biết nắm bắt cơ hội, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, không né tránh, trì trệ, thụ động trước những vấn đề mới phát sinh; có năng lực thực tiễn, khả năng lãnh đạo, quản lý; mạnh dạn, sáng tạo trong đóng góp ý kiến, để giúp đại hội đề ra được các quyết sách đúng đắn đáp ứng những yêu cầu mới nặng nề, phức tạp hơn đối với sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Công tác nhân sự đại hội phải được tiến hành theo một quy trình chặt chẽ, khoa học và nhất quán theo hướng dẫn của Trung ương; tránh cách làm giản đơn, tùy tiện, vô nguyên tắc, cài cắm “quân xanh, quân đỏ” hoặc máy móc, cứng nhắc, xa rời thực tiễn; phải bảo đảm lựa chọn được những người tốt nhất, người xứng đáng nhất, không bỏ sót những người thật sự có đức, có tài, đủ điều kiện, tiêu chuẩn, đồng thời kiên quyết chống các biểu hiện cơ hội, tham vọng quyền lực, vận động cá nhân, phe cánh, lợi ích nhóm, tư tưởng cục bộ, địa phương, thân quen. Cán bộ là cái gốc của mọi vấn đề cho nên trong quá trình lựa chọn nhân sự bên cạnh việc phát hiện đúng- trúng thì cố gắng không bỏ sót nhân tài bởi không tìm chọn, sử dụng nhân tài là sự lãng phí về tài nguyên và tiềm năng con người.

Quá trình chuẩn bị, tổ chức Đại hội, đặc biệt ở các đảng bộ mới thành lập, kiện toàn, cần giữ vững các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc “*tập trung dân chủ*”, “*đoàn kết thống nhất*”, “*tự phê bình và phê bình*”; quán triệt các nguyên tắc kiên định và đổi mới, kế thừa và phát triển để chuẩn bị thật nghiêm túc, chu đáo, toàn diện các nội dung đại hội, vừa tập trung chuẩn bị cho đại hội, vừa lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị. Tổ chức đại hội theo hướng thiết thực, tiết kiệm, tránh phô trương, lãng phí, bảo đảm trang trọng, ý nghĩa; gắn với đổi mới cách thức xây dựng, ban hành, quán triệt nghị quyết; tăng cường trao quyền và ủy quyền, giảm thiểu các ban bộ và đầu mối trung gian; phát huy sự chủ động, gương mẫu của cán bộ, đảng viên và sự tham gia đóng góp, ủng hộ tích cực của quần chúng nhân dân. Chủ động, tích cực làm tốt công tác tư tưởng, thông tin tuyên truyền để tạo sự thống nhất trong toàn đảng bộ và sự đồng

thuận trong tập thể quần chúng, Nhân dân; củng cố, nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với tổ chức cơ sở đảng. Tạo điều kiện và môi trường thật tốt để phát huy trí tuệ và sự tham gia của các tầng lớp nhân dân trong xây dựng các văn kiện và công tác cán bộ, góp phần tích cực, có hiệu quả vào thành công của đại hội, sớm đưa nghị quyết đại hội Đảng đi vào thực tiễn cuộc sống, mang lại cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc cho mọi người dân.

HỌC TẬP SUỐT ĐỜI⁴

Học tập suốt đời để dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh vì lợi ích chung, để trở thành người có ích cho xã hội.

Cách mạng khoa học - công nghệ đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu, tạo nên sự biến cách to lớn trong đời sống xã hội, đặt ra những yêu cầu mới, nhu cầu mới, nhiệm vụ mới, suy nghĩ mới, hành động mới với mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt đối với cán bộ, đảng viên của hệ thống chính trị trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhất là tận dụng tối đa thời cơ, vận hội, đi tắt đón đầu, đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Để thực hiện thắng lợi yêu cầu, nhiệm vụ, trọng trách trong giai đoạn mới, học tập suốt đời để dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh vì lợi ích chung, để trở thành những người hữu dụng đang là đòi hỏi cấp thiết đối với từng cá nhân, mỗi công dân, đặc biệt là những cán bộ, nhân viên trong hệ thống chính trị.

Học tập suốt đời không phải là vấn đề mới. Ngay sau Cách mạng tháng Tám thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động phong trào toàn dân, toàn quân xóa nạn mù chữ, Người căn dặn: “... Muốn biết thì phải thi đua học. Học không bao giờ cùng. Học mãi để tiến bộ mãi. Càng tiến bộ, càng thấy càng phải học thêm”⁵; “Xã hội càng đi tới, công việc càng nhiều, máy móc càng tinh xảo. Mình mà không chịu học thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự mình đào thải mình”⁶. Trong các giai đoạn cách mạng, đặc biệt trong những năm đổi mới, Đảng ta luôn quan tâm, khuyến khích học tập suốt đời và xây dựng cả nước thành xã hội học tập. Chủ trương học tập suốt đời được đề cập trong nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Đảng như: Nghị quyết Trung ương 4, khóa VII về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, Kết luận số 14-KL/TW, ngày 26/7/2002, Hội nghị Trung ương 6, khóa IX về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, khóa VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, XI, Nghị quyết số 29-NQ/TW, ngày

⁴ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 02/3/2025, https://special.nhandan.vn/hoc_tap_suot_doi_TBT_To_Lam/index.html

⁵ Hồ Chí Minh: Toàn tập, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2011, t.6, tr.61.

⁶ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.333.

04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về “*Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*”, Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII khẳng định “*Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời*”⁷ bởi “*Người Cách mạng phải học suốt đời, học trong sách vở, học lẫn nhau và học từ Nhân dân*”; “*bể học*” mênh mông, không bao giờ cạn.

Thực hiện các quan điểm, chủ trương của Đảng, việc xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời đã trở thành phong trào, thành nhu cầu, thành nếp văn hóa và đạt nhiều kết quả quan trọng. Theo đó, đã hình thành hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất từ giáo dục mầm non đến đào tạo sau đại học; các loại hình trường, lớp, loại hình đào tạo được đa dạng hóa, mang lại cơ hội học tập cho người dân ở mọi lứa tuổi. Phương thức cung ứng, kết nối giữa các trình độ đào tạo được cải thiện; mạng lưới, quy mô giáo dục mở rộng khắp các vùng, miền của đất nước; các phong trào thi đua khuyến học, khuyến tài từng bước đi vào chiều sâu, thực chất hơn ở hầu khắp các địa phương; môi trường giáo dục lành mạnh, học đi đôi với hành, gắn với cuộc vận động xóa đói, giảm nghèo, xây dựng đời sống văn hóa, gia đình văn hóa. Trong nhiều dòng họ, làng, xã, thôn, bản phong trào thi đua học tập phát triển mạnh. Ý thức học tập suốt đời đã và đang thấm sâu vào từng gia đình, từng khu dân cư, từng cơ sở đào tạo, từng vùng, miền... Đã có nhiều tấm gương tiêu biểu là nông dân, người lao động, cán bộ, giáo viên tích cực tự học, sáng tạo trong lao động, công tác, có nhiều đóng góp cho cộng đồng; nhiều tấm gương tiêu biểu trong áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, có nhiều nghiên cứu, sáng kiến giải pháp hiệu quả mang tính ứng dụng cao trong thực tiễn, trong sản xuất và đời sống; nhiều người lớn tuổi nhờ tự học, tự nghiên cứu áp dụng kiến thức, kinh nghiệm để sản xuất đã giúp gia đình thoát nghèo, xây dựng đời sống văn hóa mới và đóng góp cho kinh tế - xã hội ở địa phương. Những mô hình mới, những tấm gương sáng về tinh thần học không bao giờ muộn, có nhiều người ở tuổi “*thất thập cổ lai hy*” những vẫn theo học cao học, làm luận án tiến sĩ chỉ với mục đích học để làm gương cho con cháu noi theo và khuyên con cháu “*học, học nữa, học mãi*”; “*Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và Nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại*”⁸, góp phần để đất nước ta đạt được những thành tựu vĩ đại sau gần 40 năm đổi mới.

Bên cạnh kết quả, thực hiện chủ trương học tập suốt đời vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Đào tạo, bồi dưỡng còn chạy theo số lượng mà chưa thực sự chú trọng tới chất lượng; việc tự học, thực học và học tập suốt đời của đội ngũ cán bộ, đảng viên chưa đạt kết quả như mong muốn; còn tình trạng học theo phong trào, sinh bằng cấp mà chưa thực sự căn cứ vào đòi hỏi thực tiễn, ngại khó, ngại khổ trong

⁷ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.1, tr.137.

⁸ Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.208.

học tập, không đào sâu suy nghĩ để vươn lên chinh phục những đỉnh cao trong khoa học. Tình trạng hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, chủ nghĩa cá nhân, bệnh kinh nghiệm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ảnh hưởng đến chất lượng thực thi công vụ, chất lượng phục vụ Nhân dân; ảnh hưởng đến tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm; triệt tiêu động lực đổi mới, sáng tạo, không đủ nền tảng kiến thức và tự tin về năng lực đề xuất và thực hiện những sáng kiến, giải pháp đột phá. Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thỏa mãn với kiến thức đã học trong các trường lớp, cơ sở đào tạo, hoặc chạy theo việc học để hoàn thiện bằng cấp đủ điều kiện thăng tiến, không chịu nghiên cứu, học hỏi thường xuyên để nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực quản lý, kiến thức, kỹ năng hội nhập và khả năng thích ứng,... Một bộ phận biểu hiện ngại học, không có khái niệm học thường xuyên, học suốt đời nên trở thành lạc hậu, bảo thủ, không thích nghi và bắt nhịp với “*guồng quay*” hối hả của nhịp sống “*vũ bão*” thời khoa học và công nghệ 4.0 và X.0.

Đất nước đang đứng trước thời cơ, vận hội mới để vươn mình, để “*sánh vai*” với thế giới như ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và khát vọng của toàn dân tộc. Đảng ta không có lợi ích nào khác ngoài đưa đất nước, dân tộc bước vào xã hội giàu mạnh, người dân ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển; hơn lúc nào hết, chúng ta cần có những cán bộ có tư duy, tầm nhìn, việc làm đột phá, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh, đặc biệt trong thực hiện các cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh - gọn - mạnh; hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả và thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Cách mạng 4.0 đang diễn ra với quy mô và tốc độ chưa từng có, sự phát triển mạnh mẽ của kinh tế tri thức, chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số khiến một phần nội dung giảng dạy tại nhà trường hôm nay có thể thành lạc hậu, lỗi thời sau vài năm; hơn thế, những điều phổ biến hiện nay thì 10 năm trước còn chưa xuất hiện và có 65% những công việc hiện nay sẽ bị thay thế bởi công nghệ trong những năm tới. Với thế giới phức tạp, không ổn định và biến đổi khôn lường, tri thức phải không ngừng được bổ sung, tuổi thọ con người dài hơn, thời gian về hưu đủ dài, buộc người cao tuổi phải học và hoạt động để không bị lạc hậu với xã hội hiện đại.

Trong bối cảnh đó, học tập suốt đời trở thành một quy luật sống; không chỉ giúp mỗi cá nhân nhận biết, thích nghi, không tụt hậu trước sự biến đổi từng ngày của thế giới hiện tại, làm giàu trí tuệ, hoàn thiện nhân cách, vượt qua khó khăn, thử thách để ngày càng tiến bộ và định vị bản thân trong xã hội hiện đại; cao hơn, đây là chìa khóa quan trọng để nâng cao dân trí và đào tạo nhân lực, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, là con đường duy nhất, hướng đi tất yếu của mọi quốc gia để đảm bảo sự phát triển thịnh vượng, bền vững. Học tập suốt đời giúp mỗi thành viên trong xã hội có đủ điều kiện và cơ hội tự hoàn thiện mình, nâng cao chất lượng cuộc sống của chính mình, của gia đình, họ tộc, thôn, xóm, phường, xã và cả nước

dưới sự lãnh đạo của Đảng trên con đường trở thành quốc gia dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và xã hội chủ nghĩa.

Chỉ khi đẩy mạnh thực chất học tập suốt đời, chúng ta mới giàu có những ý tưởng, giải pháp, sáng kiến để giải quyết những đòi hỏi cấp thiết của thực tiễn, những vấn đề mới, chưa có tiền lệ; khắc phục triệt để những "điểm nghẽn" trong cơ chế, chính sách, biểu hiện hình thức trong tự phê bình và phê bình; xóa bỏ tình trạng trì trệ, lúng túng trong giải quyết công việc tại các địa phương, cơ quan, đơn vị; tạo ra được đội ngũ cán bộ dũng cảm, nhận thức đúng quy luật khách quan, chủ động suy nghĩ và làm chủ suy nghĩ, dám nói những vấn đề nảy sinh từ thực tiễn, từ cuộc sống sinh động, từ đòi hỏi của đổi mới và yêu cầu, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; có quyết tâm, dám chịu trách nhiệm về kết quả công việc, lĩnh vực, ngành mà mình đảm trách, dám nhận lỗi, sửa sai, chịu trách nhiệm trước dân, trước Đảng, biết làm chủ bản thân và công việc; dám chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng và nếu cần, dám hy sinh lợi ích cá nhân vì Đảng, vì Tổ quốc và Nhân dân. Khi đó, chúng ta sẽ xây dựng thành công đội ngũ cán bộ có trình độ, năng lực, phẩm chất đạo đức tốt, có khát vọng vươn lên, khát vọng phát triển, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm về những quyết định của mình để hiện thực hoá nhiệm vụ cách mạng, tạo ra đột phá vì lợi ích của nhân dân, vì sự phát triển của đất nước.

Xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời chỉ thành công khi mỗi công dân ý thức được trách nhiệm của bản thân mình đối với việc tự học tập suốt đời; mỗi cán bộ, đảng viên luôn ý thức rõ học tập suốt đời là nhiệm vụ cách mạng với thái độ nghiêm túc và ý thức tự giác cao. Qua học tập suốt đời để nhận thức được trách nhiệm đối với xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong từng giai đoạn, thời điểm cụ thể; có năng lực làm chủ, năng lực tổ chức cuộc sống; để không ngừng tiến bộ, có sức khoẻ, có chất lượng sống tốt hơn; hiểu biết, giữ gìn và góp phần xây dựng truyền thống văn hóa dân tộc; tin tưởng vào tương lai đất nước, vào đường lối và sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, có khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Mỗi công dân cần không ngừng học tập về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, phương pháp, kinh nghiệm làm việc và khả năng phối hợp trong tập thể để nâng cao tính kỷ luật của tổ chức, năng suất lao động và phát huy sức mạnh tổng hợp; mỗi cán bộ, đảng viên cần học về tư cách người cán bộ cách mạng, học ở sách vở, học lẫn nhau và học Nhân dân; không ngừng tự học tập, tự cập nhật kiến thức mới, tham gia tích cực phong trào "*học tập số*", phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học công nghệ, kiến thức số; tích cực tuyên truyền, vận động người thân, gia đình, dòng họ tự học tập suốt đời. Qua học tập suốt đời để hoàn thành được mọi nhiệm vụ mà Đảng, cách mạng và nhân dân giao phó.

Mỗi cấp ủy, tổ chức chính trị - xã hội, hội nghề nghiệp cần nhận thức rõ mục tiêu chính của học tập suốt đời là phát triển con người xã hội chủ nghĩa, từ đó xác

định các nội dung học tập suốt đời cho cán bộ, đảng viên, thành viên gắn với phát động thi đua, đánh giá, biểu dương, khen thưởng. Đảng, Nhà nước sẽ sớm tổng kết, đánh giá, nghiên cứu ban hành quy định, quy trình, đổi mới quan điểm đánh giá, sàng lọc, quy hoạch đội ngũ cán bộ, nhằm xây dựng hoàn chỉnh bộ máy công quyền trong sạch, vững mạnh, hết lòng, hết sức phục vụ Nhân dân; bảo vệ cán bộ sẵn sàng đi tiên phong, sẵn sàng “vượt rào” đột phá vì lợi ích chung. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống giáo dục theo định hướng mở, linh hoạt, liên thông, tạo cơ hội học tập suốt đời cho mọi công dân và thực hiện đào tạo theo nhu cầu của thị trường lao động. Có các giải pháp cụ thể nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò, ý nghĩa của học tập suốt đời và sự đóng góp của học tập suốt đời đối với nâng cao chất lượng và tính cạnh tranh của nguồn nhân lực quốc gia. Theo dõi, kiểm tra, giám sát quá trình triển khai thực hiện thí điểm các đề xuất đổi mới, sáng tạo; chủ động phát hiện những vấn đề nảy sinh, kịp thời động viên, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc hoặc xem xét, điều chỉnh, có quyết định phù hợp với tình hình thực tế; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với cán bộ thực hiện thí điểm mà kết quả không đạt hoặc chỉ đạt được một phần mục tiêu đề ra hoặc gặp rủi ro, xảy ra thiệt hại do nguyên nhân khách quan.

Chúng ta đang sống trong thời đại mà tri thức, kiến thức, hiểu biết sẽ giúp con người phát huy cao độ tiềm năng để tận dụng tốt các cơ hội, ứng phó hiệu quả với những thách thức để phát triển bền vững; cũng là thời đại mà khối lượng kiến thức của nhân loại tăng lên hàng ngày theo cấp số nhân. Chỉ khi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, nhà nhà, người người thực hiện hiệu quả học tập suốt đời, xây dựng được đội ngũ cán bộ dám làm, dám nói, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh, chúng ta mới vững vàng tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN - ĐÒN BẨY CHO MỘT VIỆT NAM THỊNH VƯỢNG⁹

Chặng đường gần 40 năm đổi mới đã ghi dấu một Việt Nam kiên cường, bút phá và khát khao phát triển. Từ một nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, kém hiệu quả, với thu nhập bình quân đầu người vắn vện 96 USD vào năm 1989, Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ, dự kiến cuối năm 2025, sẽ bước vào nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình cao, tương đương mức trên 5.000 USD/người/năm. Kỳ tích này không chỉ là kết quả của đường lối phát triển đúng đắn dưới sự lãnh đạo của Đảng với những cải cách táo bạo, quyết đoán về thể chế, chính sách và hội nhập

⁹ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 17/03/2025, <https://special.nhandan.vn/phat-trien-kinh-te-tu-nhan-don-bay-cho-VN-thinh-vuong/index.html>

mà còn là thành quả của tinh thần lao động chăm chỉ, sáng tạo, ý chí quyết tâm và sự nỗ lực không ngừng của toàn dân tộc ta.

Điều đáng tự hào hơn nữa là tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam luôn cao gấp đôi mức trung bình của các quốc gia đang phát triển, bất chấp những biến động kinh tế toàn cầu. Từ một nền kinh tế nghèo nàn, phụ thuộc vào viện trợ quốc tế, Việt Nam đã không ngừng bứt phá mạnh mẽ để trở thành nền kinh tế lớn thứ 24 thế giới tính theo sức mua tương đương (PPP). Những thành tựu đạt được không chỉ trong lĩnh vực kinh tế mà còn bao gồm những tiến bộ to lớn về xã hội, góp phần mang lại đời sống ngày càng ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân.

Thành công này có sự đóng góp rất quan trọng của khu vực kinh tế tư nhân. Nếu như trong giai đoạn đầu đổi mới, kinh tế tư nhân chỉ giữ vai trò thứ yếu, nền kinh tế chủ yếu dựa vào khu vực nhà nước và vốn đầu tư nước ngoài (FDI), thì trong hai thập niên trở lại đây, nhất là khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết 09 năm 2011 và Trung ương ban hành Nghị quyết 10 năm 2017 về phát triển kinh tế tư nhân, khu vực kinh tế này đã trở dậy mạnh mẽ, trở thành một trong những trụ cột quan trọng hàng đầu của nền kinh tế và ngày càng thể hiện là động lực quan trọng nhất để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế quốc gia. Với gần một triệu doanh nghiệp, khoảng 5 triệu hộ kinh doanh cá thể, khu vực kinh tế tư nhân hiện đóng góp khoảng 51% GDP, hơn 30% ngân sách nhà nước, tạo ra hơn 40 triệu việc làm, chiếm hơn 82% tổng số lao động trong nền kinh tế, đóng góp gần 60% vốn đầu tư toàn xã hội.

Kinh tế tư nhân không chỉ giúp mở rộng sản xuất, thương mại, dịch vụ mà còn góp phần quan trọng trong việc nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia. Sự vươn lên mạnh mẽ của nhiều doanh nghiệp tư nhân Việt Nam không chỉ làm chủ thị trường nội địa mà còn khẳng định thương hiệu trên thị trường quốc tế. Điều này chứng tỏ rằng nếu có môi trường phát triển thuận lợi, doanh nghiệp Việt Nam hoàn toàn có thể vươn xa, cạnh tranh sòng phẳng với thế giới.

Tuy nhiên, dù đóng góp ngày càng lớn, kinh tế tư nhân hiện vẫn đối mặt với nhiều rào cản kìm hãm sự phát triển, không thể bứt phá về quy mô và năng lực cạnh tranh. Nhiều hộ kinh tế cá thể vẫn theo nếp kinh doanh cũ, thiếu động lực phát triển thành doanh nghiệp, thậm chí “*không muốn lớn*”. Phần lớn doanh nghiệp tư nhân Việt Nam thuộc nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, tiềm lực tài chính và trình độ quản trị hạn chế, thiếu sự kết nối với nhau cũng như với khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài; chưa tận dụng tốt các cơ hội mà cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại, vẫn chậm chuyển đổi số, rất ít doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và phát triển (R&D), ít chú trọng đổi mới mô hình kinh doanh, đổi mới công nghệ hoặc sáng tạo sản phẩm mới. Vì vậy, rất khó nâng cao giá trị gia tăng, thúc đẩy năng lực cạnh tranh, nâng tầm giá trị doanh nghiệp và vươn tới đẳng cấp quốc tế.

Ngoài những hạn chế nội tại, các doanh nghiệp tư nhân còn gặp nhiều rào cản trong tiếp cận nguồn lực, đặc biệt là vốn tín dụng, đất đai, tài nguyên và nhân lực chất lượng cao, nhất là trong các ngành công nghệ, kỹ thuật và tài chính. Trong khi đó, một số doanh nghiệp nhà nước nắm giữ nhiều tài nguyên, đất đai, nguồn vốn, nguồn nhân lực chất lượng nhưng lại chưa khai thác hiệu quả, thậm chí còn để lãng phí. Bên cạnh đó, hệ thống pháp luật còn nhiều bất cập, chòng chẹo, môi trường kinh doanh nhiều trở ngại, thủ tục hành chính phức tạp, tốn nhiều thời gian, chi phí và tiềm ẩn rủi ro. Nhiều trường hợp quyền tự do kinh doanh và quyền tài sản vẫn bị xâm hại bởi sự yếu kém hoặc lạm quyền của một số cán bộ công chức trong thực thi công vụ.

Mặt khác, các chính sách ưu đãi, hỗ trợ của Chính phủ chưa thực sự hiệu quả và công bằng giữa các khu vực kinh tế và không dễ tiếp cận đối với kinh tế tư nhân. Trong nhiều trường hợp, doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp nước ngoài vẫn nhận được nhiều ưu đãi hơn so với khu vực tư nhân. Doanh nghiệp nhà nước thường thuận lợi hơn trong tiếp cận đất đai, vốn, tín dụng; trong khi doanh nghiệp nước ngoài thường được hỗ trợ tốt hơn về thuế, thủ tục hải quan, và cả tiếp cận đất đai. Ngoài ra, hiện tượng nhũng nhiễu, chi phí không chính thức vẫn còn tồn tại, tạo ra một gánh nặng vô hình đối với doanh nghiệp tư nhân, làm giảm hiệu quả sản xuất kinh doanh và gây tâm lý e ngại khi mở rộng đầu tư.

Rõ ràng, những hạn chế phát triển của doanh nghiệp tư nhân xuất phát một phần từ những bất cập của hệ thống thể chế và chính sách kinh tế và môi trường kinh doanh. Những điểm nghẽn này không chỉ kìm hãm tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế tư nhân, khiến tỷ trọng đóng góp của khu vực này trong GDP gần như không thay đổi trong hơn một thập kỷ qua, mà còn cản trở nền kinh tế nâng cao giá trị gia tăng, thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình, làm chậm tiến trình đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045 theo mục tiêu Nghị quyết của Đảng và kỳ vọng của Nhân dân.

Hướng đến tầm nhìn chung của đất nước, kinh tế tư nhân cũng cần xác định rõ hơn về sứ mạng và tầm nhìn của mình. Kinh tế tư nhân phải là lực lượng tiên phong trong kỷ nguyên mới, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia, có trách nhiệm xã hội, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân, tham gia xây dựng xã hội văn minh, hiện đại và góp phần xây dựng một Việt Nam năng động và hội nhập quốc tế. Kinh tế tư nhân cần phấn đấu trở thành lực lượng chủ lực, đi đầu trong ứng dụng công nghệ và đổi mới, sáng tạo, để đạt mục tiêu đóng góp khoảng 70% GDP vào năm 2030; ngày càng nhiều doanh nghiệp tư nhân có năng lực cạnh tranh toàn cầu, làm chủ công nghệ và hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng quốc tế; cùng cả nước xây dựng nên một Việt Nam năng động, độc lập, tự chủ, tự cường và phát triển thịnh vượng.

Để khu vực kinh tế tư nhân có thể thực hiện được sứ mệnh và hiện thực hóa được tầm nhìn đầy khát vọng đó, yếu tố quan trọng nhất chính là cần tiếp tục có những cải cách đột phá về thể chế, chính sách và môi trường kinh doanh để kinh tế tư nhân có thể phát huy tối đa tiềm năng, trở thành động lực dẫn dắt nền kinh tế vươn ra thị trường quốc tế. Một nền kinh tế cường thịnh không thể chỉ dựa vào khu vực nhà nước hay đầu tư nước ngoài, mà phải dựa vào nội lực là khu vực tư nhân vững mạnh, đóng vai trò tiên phong trong đổi mới và phát triển đất nước. Nền kinh tế quốc gia chỉ thực sự cường thịnh khi toàn dân tham gia lao động tạo ra của cải vật chất, một xã hội mà người người, nhà nhà, ai cũng hăng say lao động.

Trước yêu cầu đó, chúng ta cần phải quán triệt lại định hướng quan điểm và nhận thức trong cả hệ thống chính trị về vai trò của kinh tế tư nhân như là động lực tăng trưởng quan trọng hàng đầu của đất nước. Điều này đòi hỏi một sự thay đổi căn bản trong hoạch định chính sách, khắc phục những hạn chế và phát huy tính ưu việt của cơ chế thị trường để hỗ trợ khu vực kinh tế tư nhân nâng cao năng suất lao động và đổi mới sáng tạo. Nhà nước phải có phương thức quản lý phù hợp với cơ chế thị trường, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền cạnh tranh bình đẳng của kinh tế tư nhân; xóa bỏ mọi rào cản, minh bạch hóa chính sách, loại bỏ lợi ích nhóm trong hoạch định chính sách và phân bổ nguồn lực, không phân biệt đối xử giữa khu vực kinh tế tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp đầu tư nước ngoài trong mọi chính sách. Đồng thời, nhất quán quan điểm “*mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm*”, xây dựng chính sách làm yên lòng các nhà đầu tư, doanh nghiệp và doanh nhân, cần tạo dựng niềm tin mạnh mẽ hơn giữa Nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân, qua đó khuyến khích doanh nghiệp mạnh dạn đầu tư, đổi mới sáng tạo và tham gia vào các lĩnh vực kinh tế có tính chiến lược.

Nghị quyết sắp tới của Bộ Chính trị về kinh tế tư nhân cần khuyến khích, hỗ trợ và định hướng sự phát triển của kinh tế tư nhân, phải tạo ra một động lực đột phá, mở ra kỷ nguyên vươn mình của doanh nghiệp tư nhân Việt Nam. Cần xác định phát triển kinh tế tư nhân là chiến lược, chính sách lâu dài của quốc gia. Kinh tế tư nhân cùng với kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể là tập hợp nòng cốt để xây dựng nền kinh tế tự chủ, tự lực, tự cường. Trong đó tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau đây:

Thứ nhất, tiếp tục đẩy nhanh việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường đầy đủ, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hiện đại, năng động và hội nhập. Đây là điều kiện tiên quyết để khu vực kinh tế tư nhân có thể phát triển nhanh và bền vững. Để đạt được điều này, Nhà nước cần tập trung vào ổn định kinh tế vĩ mô, hoàn thiện thể chế, đảm bảo nền kinh tế vận hành theo nguyên tắc thị trường, giảm thiểu sự can thiệp và xóa bỏ các rào cản hành chính, cơ chế xin - cho, thực sự quản lý kinh tế theo nguyên tắc thị trường và sử dụng các công cụ thị trường để điều tiết nền

kinh tế. Đặc biệt, cần kiểm soát chặt chẽ tình trạng doanh nghiệp độc quyền và thao túng chính sách, bảo vệ cạnh tranh lành mạnh, đảm bảo doanh nghiệp tư nhân có cơ hội bình đẳng để phát triển. Điểm cốt lõi của hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là phân định mạch lạc vai trò của nhà nước trong nền kinh tế, theo đó Nhà nước tập trung vào điều tiết vĩ mô, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bảo đảm cơ chế thị trường vận hành hiệu quả, bảo đảm công bằng xã hội. Phải coi nhiệm vụ thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân là nhiệm vụ trọng tâm của chúng ta hiện nay.

Thứ hai, bảo vệ hữu hiệu quyền tài sản, quyền sở hữu, quyền tự do kinh doanh và bảo đảm thực thi hợp đồng của doanh nghiệp tư nhân. Một trong những chức năng của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường hiện đại là bảo vệ quyền sở hữu tài sản của nhà đầu tư. Do đó, Nhà nước cần xây dựng và thực thi cơ chế pháp lý chặt chẽ về bảo vệ quyền sở hữu tài sản, trong đó có quyền sở hữu trí tuệ và tài sản vô hình; giảm thiểu rủi ro pháp lý, hạn chế tối đa tình trạng thay đổi chính sách đột ngột gây tổn thất cho doanh nghiệp. Tạo lập cơ chế hỗ trợ và bảo vệ nhà đầu tư tư nhân, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, giúp họ an tâm và phát triển thuận lợi. Ngoài ra, một nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCHN) hiện đại đòi hỏi một hệ thống thực thi hợp đồng minh bạch, hiệu lực, hiệu quả, giúp doanh nghiệp yên tâm trong các giao dịch thương mại và đầu tư. Để thực hiện điều này, Nhà nước cần cải cách hệ thống tư pháp thương mại, rút ngắn thời gian giải quyết tranh chấp hợp đồng, giảm thiểu chi phí và rủi ro cho doanh nghiệp, giảm tình trạng hợp đồng bị vi phạm mà không có biện pháp chế tài hiệu quả; tăng cường tính minh bạch và hiệu quả của tòa án kinh tế, trọng tài thương mại, đảm bảo phán quyết công bằng, khách quan, giúp doanh nghiệp bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Tăng cường giám sát thực thi pháp luật, khắc phục tình trạng thiếu nhất quán giữa Trung ương và địa phương; xử lý nghiêm các hành vi lạm dụng thanh kiểm tra để những nhiễu, gây khó cho doanh nghiệp, tăng cường đầu tư, hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển. Đồng thời kiên quyết xử lý các hành vi vi phạm pháp luật của doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, xây dựng giá trị, đạo đức kinh doanh nhằm thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển lành mạnh.

Thứ ba, bên cạnh việc phải củng cố mạnh mẽ khu vực doanh nghiệp nhà nước, nhất là các tập đoàn kinh tế nhà nước; cần ưu tiên xây dựng các tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và toàn cầu, tích cực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, đồng thời nâng đỡ thành phần kinh tế hộ, kinh tế hợp tác; khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia vào các lĩnh vực chiến lược của đất nước: thực hiện quan điểm kinh tế tư nhân đóng vai trò quan trọng trong cấu trúc kinh tế thị trường định hướng XHCHN, loại bỏ tư tưởng “*Trọng công hơn tư*” và sự “*độc quyền*” của doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực. Hình thành và phát triển các tập đoàn kinh tế tư nhân lớn, mạnh, có năng lực cạnh tranh quốc tế, có sứ mệnh dẫn dắt, hỗ trợ trở lại các doanh nghiệp nội địa khác cùng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.

Đồng thời phải có chính sách riêng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển, cũng như thành phần kinh tế hộ gia đình và kinh tế hợp tác xã, khuyến khích hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp và phát triển mô hình hợp tác xã kiểu mới, hiệu quả. Để kinh tế tư nhân không chỉ phát triển về quy mô mà còn đóng góp tích cực vào sự phát triển dài hạn của đất nước, cần khuyến khích doanh nghiệp tư nhân tham gia các lĩnh vực chiến lược, phát triển cơ sở hạ tầng quan trọng, công nghệ cao, công nghiệp mũi nhọn và an ninh năng lượng. Mở rộng cơ hội cho doanh nghiệp tư nhân trong các dự án quan trọng quốc gia, cùng tham gia với Nhà nước trong một số ngành công nghiệp chiến lược và một số lĩnh vực đặc biệt, nâng cao năng lực nghiên cứu và đổi mới công nghệ. Nhà nước có cơ chế chính sách giao đặt hàng khu vực kinh tế tư nhân tham gia vào một số dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, những nhiệm vụ cấp bách như xây dựng đường sắt tốc độ cao, đường sắt đô thị, hạ tầng năng lượng, hạ tầng số, công nghiệp quốc phòng, an ninh,...

Thứ tư, thúc đẩy làn sóng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ mới. Đây là yếu tố then chốt giúp kinh tế tư nhân bứt phá và vươn tầm quốc tế. Cần có những chính sách hỗ trợ mạnh mẽ và hiệu quả để thúc đẩy doanh nghiệp tư nhân ứng dụng công nghệ, đổi mới sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng. Nhà nước cần tạo khung pháp lý thử nghiệm (sandbox) cho các lĩnh vực công nghệ mới, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào các lĩnh vực tiên phong như: trí tuệ nhân tạo, blockchain, dữ liệu lớn, thương mại điện tử, công nghệ tài chính (fintech) và y tế thông minh,... Triển khai các chính sách hỗ trợ tài chính và ưu đãi thuế cho doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu phát triển (R&D). Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp mạnh mẽ, tạo điều kiện cho các startup, các “*kỳ lân công nghệ*” mang tên Việt Nam vươn tầm quốc tế.

Thứ năm, cải cách thể chế, kiến tạo nền hành chính “*phục vụ doanh nghiệp - phục vụ đất nước*”: Cần quyết liệt cải cách thể chế trên nền tảng đổi mới tư duy trong cải cách mạnh mẽ nền hành chính hướng đến phục vụ người dân, doanh nghiệp; quyết đoán trong cắt giảm thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh, đẩy nhanh quá trình số hóa và ứng dụng công nghệ trong quản lý nhà nước nhằm giảm thời gian, chi phí tuân thủ, chi phí không chính thức; thiết lập cơ chế đối thoại, phản biện chính sách hiệu quả, tạo điều kiện để cộng đồng doanh nghiệp tư nhân tham gia góp ý vào quá trình hoạch định chính sách kinh tế, đảm bảo tính thực tiễn và khả thi cao. Phấn đấu trong vòng 3 năm tới, môi trường kinh doanh của Việt Nam nằm trong Top 3 ASEAN.

Thứ sáu, giải phóng tối đa các nguồn lực phát triển cho kinh tế tư nhân, tạo cơ hội cho kinh tế tư nhân tiếp cận hiệu quả các nguồn lực quan trọng như vốn, đất đai, nhân lực, công nghệ. Thúc đẩy kinh tế tư nhân hội nhập sâu rộng hơn nữa vào kinh tế toàn cầu, nâng cao vị thế kinh tế Việt Nam trên trường quốc tế, bảo vệ

doanh nghiệp trước các rủi ro kinh tế. Cần có những chính sách hỗ trợ hiệu quả hơn để kinh tế tư nhân tiếp cận nguồn lực một cách thuận lợi, công bằng, bình đẳng, minh bạch và hiệu quả, có thể khai thác và sử dụng tối ưu các nguồn lực này. Phát triển các kênh huy động vốn cho doanh nghiệp tư nhân, bao gồm: thị trường chứng khoán, trái phiếu doanh nghiệp, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ bảo lãnh tín dụng và các hình thức tài chính hiện đại như fintech, huy động vốn cộng đồng; xây dựng chính sách đất đai ổn định, minh bạch, tạo điều kiện để doanh nghiệp tư nhân tiếp cận quỹ đất thuận lợi, với giá hợp lý.

Nhà nước cần định hướng, hỗ trợ hiệu quả doanh nghiệp tư nhân Việt Nam tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút mạnh mẽ dòng vốn đầu tư và công nghệ tiên tiến, hình thành đội ngũ doanh nhân có tư duy toàn cầu. Đặc biệt, cần có chính sách khuyến khích và định hướng doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp hỗ trợ, công nghiệp hóa nông nghiệp, công nghệ cao, thay vì tập trung quá nhiều vào bất động sản và các lĩnh vực có tính đầu cơ ngắn hạn. Xây dựng cơ chế, chính sách bảo vệ doanh nghiệp tư nhân trước những cú sốc kinh tế, nhất là trong bối cảnh bất ổn toàn cầu, suy thoái kinh tế và biến động thị trường.

Thứ bảy, phát triển kinh tế tư nhân trên nền tảng bền vững, có đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội: Nhà nước thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên nền tảng ổn định kinh tế vĩ mô, gắn chặt với chiến lược phát triển xanh, kinh tế tuần hoàn, tiết kiệm tài nguyên, giảm phát thải và bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp tư nhân cần chủ động thực hiện trách nhiệm xã hội, không chỉ dừng lại ở việc đóng góp tài chính hay từ thiện, mà còn thể hiện qua các chính sách kinh doanh có trách nhiệm, chăm lo đời sống người lao động, hỗ trợ phát triển cộng đồng; và thực hành quản trị minh bạch, hiệu quả, xây dựng văn hóa kinh doanh dựa trên đạo đức, chống gian lận, đảm bảo công bằng với khách hàng, đối tác và người lao động. Ngoài ra, doanh nghiệp tư nhân cần chủ động tham gia các chương trình an sinh xã hội cùng Nhà nước, góp phần nâng cao phúc lợi xã hội, giảm khoảng cách giàu nghèo, góp phần xây dựng một xã hội văn minh, nhân văn, giàu đẹp, nơi lợi ích doanh nghiệp gắn liền với sự thịnh vượng chung của đất nước.

Kinh tế tư nhân góp phần rất quan trọng định hình tương lai của nền kinh tế Việt Nam. Chúng ta đều tin tưởng rằng, nếu Nhà nước có thể chế phù hợp, chính sách đúng đắn và môi trường kinh doanh thuận lợi, kinh tế tư nhân sẽ được ươm dưỡng để sinh trưởng khỏe mạnh, bứt phá mạnh mẽ, không chỉ giúp kinh tế đạt được tốc độ tăng trưởng cao mà còn sớm đưa nước ta thành nền kinh tế thu nhập cao trong hai thập niên tới. Đây chính là thời điểm để hành động, để kiến tạo một Việt Nam thịnh vượng, năng động và ngày một vươn xa trên trường quốc tế.

Chúng ta đang sống trong thời khắc lịch sử, chứng kiến sự phát triển chưa từng có của khoa học công nghệ và môi trường quốc tế đầy biến động, vừa hợp tác

vừa đấu tranh, nơi mà cơ hội và thách thức luôn song hành. Nhưng với bản lĩnh kiên cường, với ý chí quyết tâm và khát vọng cháy bỏng, Việt Nam hoàn toàn có thể làm nên kỳ tích mới trong phát triển kinh tế - xã hội! Một nền kinh tế vững mạnh đang hình thành, một thể hệ doanh nhân Việt Nam bản lĩnh và đổi mới, sáng tạo, tràn đầy nhiệt huyết kinh doanh và lòng yêu nước, đang viết tiếp câu chuyện thành công, và một tương lai rực rỡ, một nước Việt Nam XHCN sánh vai cùng các cường quốc năm châu như mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đang dần trở thành hiện thực trong tương lai gần.

TƯƠNG LAI CHO THỂ HỆ VƯỜN MÌNH¹⁰

Trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước, thanh niên - thế hệ trẻ luôn giữ vị trí quan trọng, được ví như rường cột quyết định sự hưng thịnh của dân tộc. Trong mọi thời kỳ cách mạng từ khi có Đảng lãnh đạo đến nay, thanh niên luôn là lực lượng tiên phong, đóng vai trò nòng cốt, từ đấu tranh giành độc lập, thống nhất đất nước đến công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội. Có thể nói lịch sử của Đảng ta từ khi ra đời đến nay luôn có dấu ấn, thể hiện rõ vai trò của các thế hệ thanh niên ưu tú, xuất sắc của dân tộc. Các đồng chí Tổng Bí thư đầu tiên, các nhà lãnh đạo tài ba của Đảng, các trí thức lớn của Việt Nam đều đã giữ các cương vị trọng trách ngay từ khi còn đang tuổi thanh niên.

Trong giai đoạn mới hiện nay, vai trò của lực lượng thanh niên càng trở nên quan trọng. Thanh niên là trụ cột để đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới, là nguồn lực chủ yếu để xây dựng và phát triển lực lượng sản xuất mới, đồng thời là đội ngũ tiên phong tham gia các lĩnh vực mới. Thanh niên là chủ nhân tương lai của đất nước, là nhân tố quan trọng trong xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam.

Thành tựu và thách thức

Sự trưởng thành, bền vững, thậm chí vận mệnh của đất nước phụ thuộc rất nhiều vào lực lượng thanh niên và thế hệ trẻ. Trong các cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc chống đế quốc, ngoại xâm giành độc lập, tự do, bảo vệ toàn vẹn chủ quyền, lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc, hàng triệu triệu thanh niên đã dâng hiến tuổi thanh xuân “*quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh*”. Lịch sử dân tộc mãi mãi khắc ghi lớp lớp thanh niên ra trận “*mà lòng phơi phơi dậy tương lai*” với tinh thần “*vững vàng hơn dãy Trường Sơn*”, “*Chưa hết giặc là ta chưa về*”. Trong chiến đấu, trong xây dựng và bảo vệ đất nước, chúng ta luôn thấy hình bóng của “*Thanh niên ba sẵn sàng*”, “*Phụ nữ ba đảm đang*”, “*Năm xung phong*”, “*Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên*”, “*Thanh niên đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” và “*Thanh niên Việt Nam - Dám nghĩ, dám làm, dám chịu*”

¹⁰ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 25/3/2025, <https://special.nhandan.vn/tuong-lai-cho-the-he-vuon-minh/index.html>

trách nhiệm”,... Những năm gần đây, thế hệ trẻ Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trên các lĩnh vực học thuật, thể thao và văn hóa, góp phần khẳng định vị thế đất nước trên trường quốc tế. Thanh niên Việt Nam liên tục giành được các giải thưởng uy tín trong các kỳ thi quốc tế về toán học, vật lý, hóa học, tin học, sáng tạo khoa học kỹ thuật, nghệ thuật,... Những thành công này cho thấy trí tuệ và khả năng cạnh tranh mạnh mẽ của thanh niên Việt Nam trong môi trường toàn cầu hóa. Trong lĩnh vực thể thao, thanh niên cũng liên tục lập nên những dấu mốc đáng tự hào tại các giải đấu khu vực và thế giới, thể hiện rõ sức mạnh thể chất và tinh thần thi đấu kiên cường.

Về văn hóa, thế hệ trẻ đã và đang đóng vai trò quan trọng trong việc giữ gìn, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, nhiều giá trị văn hóa truyền thống của Việt Nam đã được quảng bá rộng rãi trên thế giới thông qua những nỗ lực không ngừng của các bạn trẻ trong các hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế, các chương trình văn hóa nghệ thuật đa dạng và sáng tạo.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đó, chúng ta cũng đang phải đối mặt với nhiều thách thức lớn. Chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam, dù đã được nâng cao, nhưng vẫn còn khoảng cách khá xa so với các quốc gia phát triển, đặc biệt là ở khả năng sáng tạo, năng suất lao động, kỹ năng thực hành và trình độ ngoại ngữ. Hiện nay, Việt Nam đã nằm trong nhóm 34 nền kinh tế lớn nhất thế giới, tuy nhiên năng suất lao động của ta hiện vẫn đứng thứ 117/181 nước/vùng lãnh thổ được thống kê, chỉ tương đương 11,4% so với Singapore, bằng 35,4% của Malaysia, chưa kể các quốc gia phát triển khác.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển của nền kinh tế, Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống, giáo dục và y tế cho Nhân dân. Tuy nhiên, khi xét đến thể chất, sức khỏe tổng thể và chiều cao trung bình của thanh niên, vẫn tồn tại một khoảng cách rõ rệt so với các nước trong khu vực và các nước phát triển trên thế giới. Chiều cao trung bình của nam giới ở Việt Nam trong lần khảo sát gần nhất vào năm 2020 là 168,1cm, nữ giới là 156,2cm, thấp hơn so với các nước trong khu vực, như: Thái Lan, Hàn Quốc và Nhật Bản. Tuổi thọ của người Việt Nam hiện nay là 74,5 năm, thấp hơn 5 - 10 năm so với Nhật Bản, Hàn Quốc, Đức. Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi ở Việt Nam (19,6%) cũng cao hơn nhiều so với các nước phát triển như Nhật Bản hay Singapore, cho thấy vấn đề dinh dưỡng từ nhỏ vẫn ảnh hưởng lâu dài đến thể chất thanh niên. Trong các cuộc thi đấu thể thao thành tích cao, Việt Nam có thể đạt thành tích tốt trong các môn đòi hỏi kỹ năng nhưng khó cạnh tranh được ở các môn yêu cầu sức mạnh và sức bền.

Một thách thức nữa là việc Việt Nam hiện đang bước vào giai đoạn cuối của thời kỳ dân số vàng trong khi hiện tượng già hóa dân số đang diễn ra với tốc độ rất nhanh. Năm 2011, tỷ lệ người từ 60 tuổi trở lên chiếm trên 10% tổng dân số, đến

năm 2022, tỷ lệ này đã tăng lên khoảng 12,8%, tương đương khoảng 12,5 triệu người cao tuổi. Dự kiến đến năm 2036, tỷ lệ người cao tuổi sẽ đạt 20%, đồng nghĩa với việc Việt Nam bước vào giai đoạn dân số già. Khi dân số già đi, tỷ lệ người lao động giảm, số người phụ thuộc tăng lên, dẫn tới gánh nặng tài chính ngày càng cao cho nhóm dân số trong độ tuổi lao động. Hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe cũng sẽ chịu áp lực ngày càng lớn khi nhu cầu chăm sóc người cao tuổi tăng cao. Đây là thách thức lớn đối với việc hoạch định chiến lược phát triển bền vững để tận dụng hiệu quả nguồn nhân lực trẻ trước khi bước vào giai đoạn dân số già.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ, bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam phải đối mặt với nguy cơ mai một đáng kể. Hiện tượng giao lưu, hội nhập văn hóa trên quy mô toàn cầu mang lại nhiều lợi ích về kinh tế và xã hội nhưng cũng đồng thời tạo ra những thách thức lớn trong việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống. Các xu hướng văn hóa ngoại lai, nếu không được tiếp nhận một cách tinh tế và có chọn lọc, có thể làm lu mờ, thậm chí làm xói mòn những nét đẹp vốn có của văn hóa dân tộc. Một trong những biểu hiện rõ ràng nhất của vấn đề này chính là sự thay đổi trong lối sống và tư duy của giới trẻ. Nhiều thanh niên ngày nay dễ dàng tiếp nhận những giá trị mới, hiện đại từ bên ngoài mà ít quan tâm đến các giá trị truyền thống của dân tộc. Sự phổ biến của các phương tiện truyền thông, mạng xã hội và giải trí quốc tế khiến cho nhiều người trẻ ngày càng xa rời những giá trị văn hóa đặc trưng của dân tộc, như các loại hình nghệ thuật truyền thống, lễ hội dân gian, ẩm thực truyền thống, và cả những giá trị đạo đức, tinh thần đoàn kết cộng đồng vốn là nét đẹp riêng của người Việt. Tệ nạn xã hội, tỷ lệ phạm tội trong giới trẻ ngày càng diễn biến phức tạp và đang len lỏi vào đời sống của một bộ phận không nhỏ thanh, thiếu niên, làm suy yếu nòng cốt của dân tộc.

Trong một thế giới đầy biến động

Thế giới đang bước vào một thời kỳ phát triển đột phá chưa từng có về công nghệ và khoa học kỹ thuật. Sự phát triển nhanh chóng và mạnh mẽ của trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, dữ liệu lớn và tự động hóa đang định hình mạnh mẽ, nhanh chóng cách thức làm việc, sinh hoạt và giao tiếp toàn cầu. Điều này đòi hỏi mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam, phải chuẩn bị kỹ lưỡng một thế hệ trẻ đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe về nguồn nhân lực để hội nhập và phát triển bền vững.

Về mặt trí tuệ, thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay cần hơn bao giờ hết khả năng sáng tạo, tư duy phản biện và kỹ năng xử lý nhanh chóng những thay đổi về công nghệ. Thanh niên phải được đào tạo để trở thành những người tiên phong trong việc làm chủ công nghệ mới, có đủ năng lực nghiên cứu, phát triển và ứng dụng những thành tựu tiên tiến nhất vào thực tiễn. Đồng thời, thế hệ trẻ cần có tư duy toàn cầu, khả năng giao tiếp quốc tế và kỹ năng ngoại ngữ vượt trội để chủ động hội nhập vào môi trường quốc tế, cạnh tranh công bằng và hiệu quả với bạn bè thế giới.

Tuy nhiên, trí tuệ thôi là chưa đủ. Thể chất khỏe mạnh và bản lĩnh vững vàng cũng là điều kiện không thể thiếu để thế hệ trẻ có thể thích nghi và phát triển trong môi trường toàn cầu cạnh tranh ngày càng khốc liệt. Một thế hệ thanh niên khỏe mạnh về thể chất sẽ đảm bảo nguồn lực lao động chất lượng cao, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Do đó, giáo dục thể chất cần được chú trọng hơn nữa, kết hợp với việc xây dựng hệ thống y tế cộng đồng và cơ sở vật chất thể thao hiện đại nhằm cải thiện sức khỏe tổng thể và nâng cao tầm vóc người Việt Nam.

Trong quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng, thế hệ trẻ cũng cần được giáo dục, bồi dưỡng để luôn giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Văn hóa đóng vai trò là nền tảng tinh thần quan trọng trong quá trình phát triển toàn diện của thanh niên Việt Nam. Văn hóa không chỉ giúp định hình bản sắc quốc gia mà còn là sức mạnh mềm quan trọng, giúp Việt Nam khẳng định vị thế và hình ảnh trên trường quốc tế. Đồng thời, phẩm chất đạo đức tốt, tinh thần nhân văn sâu sắc và ý thức trách nhiệm xã hội cao phải được bồi dưỡng thường xuyên, nhằm xây dựng một thế hệ trẻ có đủ năng lực và nhân cách để đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của xã hội và thế giới.

Thực tế cho thấy, các nước phát triển, các cường quốc thế giới và khu vực đều ưu tiên phát triển giáo dục toàn diện, tăng cường thể chất và bảo tồn, phát huy văn hóa dân tộc để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững. Chúng ta cần học tập và áp dụng linh hoạt những bài học quốc tế này để xây dựng một thế hệ thanh niên xuất sắc, đảm bảo đất nước vững bước phát triển trong kỷ nguyên mới.

Trước vận hội mới của đất nước

Sau 80 năm lập nước và 50 năm hoàn toàn thống nhất đất nước và gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đang bước vào giai đoạn có tính đột phá trong phát triển, mở ra những cơ hội nhưng đồng thời cũng đang đứng trước những thách thức chưa từng có. Đất nước hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu, đối diện với những biến đổi mạnh mẽ từ những đột phá về khoa học công nghệ và những biến động toàn cầu.

Hướng tới năm 2045, dấu mốc trọng đại kỷ niệm 100 năm thành lập nước, chúng ta đặt ra mục tiêu chiến lược là phải trở thành một nước phát triển, có thu nhập cao. Để đạt được điều đó, Việt Nam cần có một thế hệ trẻ không chỉ xuất sắc về trí tuệ mà còn vượt trội về thể chất, giàu bản sắc văn hóa, đủ khả năng cạnh tranh và sánh vai với các cường quốc năm châu, khẳng định vị thế đất nước trên trường quốc tế.

Quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là lấy con người làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, vì con người vừa là mục đích cuối cùng, vừa là động lực chính thúc đẩy sự phát triển xã hội. Và, phát triển kinh tế - xã hội phải hướng

tới mục tiêu thỏa mãn nhu cầu tinh thần và vật chất ngày càng cao hơn của nhân dân. Phát triển con người trở thành vấn đề trọng tâm và mang tính chiến lược quyết định sự thành công của đất nước. Vì vậy, công tác thanh niên là vấn đề sống còn của dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Đầu tư và phát triển thế hệ trẻ trở thành ưu tiên chiến lược hàng đầu trong giai đoạn mới. Xây dựng và nuôi dưỡng một thế hệ thanh niên mạnh mẽ, trí tuệ và văn minh chính là nền tảng vững chắc để Việt Nam không ngừng vươn lên, trở thành quốc gia phát triển, biểu tượng của khát vọng, sức mạnh và ý chí dân tộc.

Định hướng phát triển con người mới hướng tới năm 2045

Khoảng thời gian từ 2025 đến 2045 chỉ còn đúng 20 năm. Những em bé được sinh ra trong quãng thời gian này sẽ là lớp thanh - thiếu niên của thế hệ mới, là chủ nhân tương lai của đất nước Việt Nam phát triển hưng thịnh. Để hướng tới năm 2045 với tầm nhìn về một Việt Nam phát triển toàn diện, việc định hướng phát triển con người, đặc biệt là thế hệ trẻ, trở thành ưu tiên chiến lược. Trước hết, cần đầu tư mạnh mẽ vào giáo dục và đào tạo nhằm phát triển trí tuệ và tri thức. Hệ thống giáo dục phải được đổi mới sâu rộng, tập trung phát triển các kỹ năng sáng tạo, STEM (khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán học), ngoại ngữ, kỹ năng số và công nghệ hiện đại. Giáo dục trí tuệ cần đi đôi với giáo dục văn hóa, đạo đức và thẩm mỹ để hình thành những cá nhân toàn diện. Đồng thời, việc thúc đẩy tinh thần tự học, học tập suốt đời, xây dựng một xã hội học tập toàn diện cũng là nhiệm vụ then chốt. Để xây dựng lực lượng tinh hoa, chúng ta cũng cần có các chính sách đặc biệt để thu hút nhân tài trẻ trở về từ nước ngoài, xây dựng đội ngũ nhân lực có khả năng cạnh tranh toàn cầu.

Song song với giáo dục trí tuệ là chiến lược nâng cao sức khỏe và thể chất của người Việt. Cần khuyến khích phát triển thể thao học đường một cách bài bản và hiệu quả nhằm nâng cao tầm vóc người Việt Nam. Chúng ta cần đặt mục tiêu cụ thể đến năm 2045 là chiều cao trung bình của thanh niên Việt Nam phải đạt một mức nào đó ngang bằng với các nước phát triển trong khu vực. Để hiện thực hóa mục tiêu này, việc đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe toàn dân và xây dựng các cơ sở hạ tầng thể thao hiện đại trở thành yêu cầu cấp thiết. Chúng ta cũng cần đặt mục tiêu tăng số lượng vận động viên thể thao thành tích cao, hướng tới giành huy chương tại các giải đấu lớn như ASIAD và Olympic, không chỉ ở các môn đòi hỏi kỹ năng mà cả các môn đòi hỏi thể lực, sức mạnh vượt trội.

Văn hóa là yếu tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển con người. Chúng ta cần tiếp tục đầu tư bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa, nghệ thuật, đồng thời đổi mới và hiện đại hóa để phù hợp với thời đại. Mục tiêu là xây dựng con người Việt Nam giàu bản sắc dân tộc: yêu nước, nhân ái, sáng tạo, hội

nhập mà không hòa tan. Việc thúc đẩy công nghiệp văn hóa, đưa văn hóa trở thành một động lực kinh tế và sức mạnh mềm quốc gia cũng cần được chú trọng.

Trong chiến lược phát triển dân số, chúng ta cần duy trì cơ cấu dân số hợp lý, tận dụng hiệu quả giai đoạn dân số vàng hiện nay trước khi bước vào thời kỳ dân số già. Chất lượng dân số cần được cải thiện thông qua các chương trình sức khỏe, dinh dưỡng và giáo dục toàn diện. Chính sách hỗ trợ các gia đình trẻ, khuyến khích mức sinh thay thế và chăm sóc sức khỏe toàn diện cho trẻ em cần được thực hiện đồng bộ.

Việc bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, lý tưởng và khát vọng cống hiến trong thanh niên trở nên đặc biệt quan trọng. Chúng ta cần tạo môi trường để giới trẻ tham gia tích cực vào các lĩnh vực chuyển đổi số, kinh tế xanh và các dự án văn hóa quốc gia, đồng thời khuyến khích thanh niên hội nhập quốc tế sâu rộng. Qua đó, thanh niên không chỉ tiếp thu tinh hoa thế giới mà còn lan tỏa những giá trị văn hóa đặc sắc của Việt Nam ra quốc tế.

Để hiện thực hóa các mục tiêu lớn này, Đảng và Nhà nước sẽ đầu tư mạnh mẽ và toàn diện nguồn lực nhằm tạo điều kiện tốt nhất cho sự phát triển của thế hệ trẻ, đặc biệt là “*Thế hệ vươn mình*”. Giáo dục, đào tạo, thể thao, văn hóa và chính sách dân số sẽ là những trọng tâm ưu tiên hàng đầu trong chiến lược quốc gia. Mỗi chính sách, mỗi chương trình hành động đều hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống và năng lực cạnh tranh quốc tế của thế hệ trẻ Việt Nam. Đảng và Nhà nước sẽ tiếp tục xây dựng, triển khai các cơ chế, chính sách tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để thanh niên phát triển lành mạnh, toàn diện, hài hòa về đức - trí - thể - mỹ.

Cần nghiên cứu, xây dựng các nhóm chính sách đặc thù, phù hợp nhằm phát huy vai trò tiên phong của thanh niên trong lao động sản xuất, tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, đi đầu trong nghiên cứu và ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số quốc gia, khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực tham gia thực hiện các công trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh và hội nhập quốc tế.

Đồng thời, cần tăng cường các giải pháp xây dựng nguồn nhân lực trẻ chất lượng cao; rà soát, sửa đổi và bổ sung các chính sách trọng điểm quốc gia dành cho tài năng trẻ; có những chính sách đột phá về học tập, phân luồng hướng nghiệp, đào tạo nghề, việc làm, nhà ở, các thiết chế văn hóa, thể thao cho thanh thiếu niên. Cần xác định những giải pháp cụ thể nhằm phòng ngừa, chống và giảm tỷ lệ tội phạm trong thanh niên; triển khai đồng bộ bộ chỉ số thống kê về thanh niên; xây dựng bộ tiêu chí vì sự phát triển thanh niên Việt Nam cấp tỉnh.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cần tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả, nội dung, phương pháp hoạt động theo hướng gắn với mục

tiêu phát triển của địa phương, đất nước, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; coi trọng chiều sâu, hiệu quả thiết thực, bảo đảm tiếp cận sâu, rộng tới mọi tầng lớp thanh thiếu niên. Tổ chức Đoàn cần phát huy tinh thần cống hiến, vai trò xung kích của thanh niên trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh, hội nhập quốc tế; phát triển khoa học công nghệ, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch; tham gia phòng, chống, giảm tỷ lệ tội phạm trong thanh thiếu niên.

Bên cạnh sự hỗ trợ từ Đảng và Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội, sự đồng hành, hợp tác từ gia đình, nhà trường và cộng đồng doanh nghiệp là yếu tố then chốt, không thể thiếu trong hành trình phát triển của thanh niên. Gia đình giữ vai trò nền tảng, nhà trường là nơi rèn luyện trí tuệ và nhân cách, còn các tổ chức, doanh nghiệp sẽ là môi trường lý tưởng để các bạn trẻ thể hiện năng lực sáng tạo, rèn luyện kỹ năng và tích lũy kinh nghiệm thực tế.

Hơn hết, chính thanh niên mới là lực lượng quyết định thành công của các mục tiêu, tầm nhìn này. Mọi thanh niên Việt Nam cần chủ động học tập, rèn luyện và không ngừng phấn đấu để khẳng định bản thân. Thế hệ trẻ cần tự tin bước ra thế giới, mang theo hành trang là tri thức sâu rộng, thể chất khỏe mạnh và tâm hồn giàu bản sắc văn hóa Việt Nam, đồng thời phải rèn luyện bản thân trở thành những công dân toàn cầu mang hồn Việt, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Với tầm nhìn đó, dịp kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước sẽ là cột mốc quan trọng mà đất nước ta hướng tới với niềm tự hào và kỳ vọng. Trên chặng đường 20 năm tiếp theo hướng tới cột mốc đó, chúng ta cùng chia sẻ chung một khát vọng: xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam bản lĩnh, tiến bộ, xuất sắc về trí tuệ, vượt trội về thể chất và đậm đà bản sắc văn hóa, đủ sức tự tin sánh vai cùng bạn bè quốc tế, góp phần đưa đất nước vươn tới hùng cường và phát triển.

VƯỜN MÌNH TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ¹¹

Nhìn lại lịch sử Cách mạng nước ta, hội nhập và phát triển của đất nước luôn gắn liền với những biến chuyển của thời đại. Ngay từ những ngày đầu lập nước, trong bức thư gửi tới Liên hợp quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ tinh thần là Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước, bày tỏ mong muốn “*thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực*”. Đây có thể được coi là “*bản tuyên ngôn*” đầu tiên về cách tiếp cận của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa với cộng đồng quốc tế.

¹¹ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 03/4/2025, <https://special.nhandan.vn/vuon-minh-trong-hoi-nhap-quoc-te/index.html>

Tư tưởng “*kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại*” đó đã được Đảng ta vận dụng sáng tạo trong 80 năm qua, luôn gắn cách mạng nước ta với trào lưu tiên bộ của thời đại và sự nghiệp chung của nhân loại.

Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta xác định muốn hòa bình và phát triển thì phải mở cửa với bên ngoài, hợp tác với các quốc gia khác, trong đó hội nhập quốc tế là hình thức, trình độ phát triển cao của hợp tác quốc tế. Nói cách khác hội nhập quốc tế là “*đặt đất nước vào dòng chảy chính của thời đại, đập cùng nhịp đập, thở cùng hơi thở của thời đại*”, gia tăng sức mạnh của mình thông qua việc gắn kết với thế giới. Đảng đã đề ra chủ trương hội nhập quốc tế, trước là hội nhập kinh tế, sau là hội nhập toàn diện để khơi thông, mở rộng quan hệ với các quốc gia và tổ chức quốc tế, tranh thủ nguồn lực bên ngoài cho phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao vai trò, vị thế của quốc gia, đưa Việt Nam hội nhập vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế quốc tế và nền văn minh nhân loại.

Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên vươn mình tới thịnh vượng, hùng cường, “*dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh*” đòi hỏi phải có tâm thế, vị thế mới và tư duy, cách tiếp cận mới về hội nhập quốc tế. Sự ra đời của Nghị quyết 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về “*Hội nhập quốc tế trong tình hình mới*” là “*quyết sách đột phá*”, đánh dấu bước ngoặt có tính lịch sử trong quá trình hội nhập của đất nước với việc định vị hội nhập quốc tế là động lực quan trọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới. Trong đó hội nhập quốc tế chuyển từ tiếp nhận sang đóng góp, từ hội nhập sâu rộng sang hội nhập đầy đủ, từ vị thế một quốc gia đi sau sang trạng thái một quốc gia vươn lên, tiên phong vào những lĩnh vực mới.

Đảng ta xác định hội nhập quốc tế là chiến lược quan trọng nhằm củng cố vị thế chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an ninh quốc gia, nâng tầm ảnh hưởng của đất nước trên bản đồ thế giới. Hội nhập quốc tế đã từng bước phát triển qua các thời kỳ, từ hội nhập có giới hạn, có chọn lọc, thiên về ý thức hệ, hội nhập kinh tế đơn thuần ban đầu đến “*hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện*” hiện nay. Đại hội Đảng lần thứ IX lần đầu tiên đề ra chủ trương “*hội nhập kinh tế quốc tế*”.

Đại hội Đảng lần thứ XI đánh dấu một bước chuyển trong tư duy từ “*hội nhập kinh tế quốc tế*” sang “*hội nhập quốc tế trên tất cả các lĩnh vực*”. Nghị quyết số 22-NQ/TW về hội nhập quốc tế ngày 10/4/2013 của Bộ Chính trị là sự cụ thể hóa đường lối hội nhập quốc tế với chủ trương “*chủ động và tích cực hội nhập quốc tế*”. Gần đây nhất, tại Đại hội lần thứ XIII của Đảng, định hướng chiến lược này một lần nữa được phát triển, hoàn thiện hơn thành “*chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng có hiệu quả*”.

Trong 40 năm đổi mới, tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam đã đạt những kết quả quan trọng, mang tầm vóc lịch sử. Từ một đất nước bị bao vây cô lập, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 194 quốc gia trên thế giới, có quan hệ Đối

tác chiến lược và Đối tác toàn diện với 34 nước, trong đó có tất cả các thành viên thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc, các nước lớn; là thành viên tích cực của trên 70 tổ chức khu vực và quốc tế, có quan hệ chính trị, quốc phòng, an ninh phát triển sâu rộng, thực chất.

Từ một nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, trình độ thấp, bị bao vây, cấm vận, Việt Nam đã trở thành một trong 34 nền kinh tế lớn nhất thế giới, quy mô kinh tế tăng gần 100 lần so với năm 1986, thu nhập bình quân đầu người tăng từ dưới 100 USD lên gần 5.000 USD. Việc tham gia các thỏa thuận hợp tác, liên kết kinh tế quốc tế đa tầng nấc, nhất là 17 hiệp định thương mại tự do (FTA) đã gắn kết Việt Nam với hơn 60 nền kinh tế chủ chốt, tham gia sâu hơn vào các chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu, đưa Việt Nam lọt vào nhóm 20 nước có quy mô thương mại lớn nhất thế giới; nằm trong nhóm 20 nền kinh tế thu hút nhiều vốn đầu tư nước ngoài nhất thế giới từ năm 2019 đến nay, là một trong 10 quốc gia có lượng kiều hối lớn nhất thế giới.

Tuy nhiên, nhìn nhận một cách tổng thể, nghiêm túc và khách quan, kết quả thực hiện các chủ trương hội nhập quốc tế vẫn còn những điểm chưa thực sự như mong đợi, chưa đạt các mục tiêu đề ra, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển, nhất là vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, rào cản, nút thắt đang cản trở sự phát triển. Hội nhập quốc tế mang lại nhiều cơ hội, nhưng cũng đem lại không ít thách thức và mặt trái như: cạnh tranh không công bằng, tăng trưởng không bền vững, gia tăng khoảng cách giàu nghèo, ô nhiễm môi trường, nguy cơ “*chệch hướng*”, “*xâm lăng văn hóa*”, “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*”, “*sói mòn niềm tin*” trong nội bộ,...

Thế giới đang đứng trước những thay đổi căn bản mang tính thời đại, biến đổi sâu sắc về mọi mặt dưới tác động của các chuyển dịch lớn của chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ. Giai đoạn từ nay đến năm 2030 là giai đoạn quan trọng nhất để định hình và xác lập trật tự thế giới mới. Những thay đổi này đang tạo ra một môi trường quốc tế đa chiều hơn, mở ra những vận hội lớn cùng nhiều thách thức lớn cho đất nước. Trong giai đoạn giao thời, quá độ giữa cái cũ và cái mới, các nước vừa và nhỏ thường bị đặt ở thế bị động, không kịp thích ứng. Trong lần chuyển đổi này, nếu không kịp thời bắt nhịp với thế giới, nhận diện và tranh thủ cơ hội để đặt đất nước vào đúng dòng chảy của thời đại trong 10 năm, 20 năm tới, nguy cơ tụt hậu sẽ hiện hữu hơn bao giờ hết.

Sức mạnh thời đại hiện nay là các xu thế chính trị, kinh tế, xã hội trên thế giới như hòa bình, hợp tác và phát triển, xu thế dân chủ hóa quan hệ quốc tế, xu thế phát triển bền vững, xu thế hợp tác và liên kết kinh tế; là sức mạnh của cộng đồng quốc tế đồng thuận trong kiến tạo, củng cố thế giới đa cực, đa trung tâm, dân chủ, công bằng, bình đẳng, dựa trên luật pháp quốc tế và đặc biệt là cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang mở ra không gian phát triển vô tận dựa trên tri thức và tiềm năng con người.

Đứng trước thời điểm lịch sử, đất nước cần những quyết sách lịch sử. Kế thừa những giá trị đã được khẳng định, Nghị quyết 59 đã nắm bắt được dòng chảy của sức mạnh thời đại và “*nâng tầm*” hội nhập quốc tế với những quan điểm mang tính cách mạng, tính đột phá, tính dân tộc, tính khoa học, tính thời đại cao.

Thứ hết, cùng với quốc phòng, an ninh, “*đẩy mạnh đối ngoại và hội nhập quốc tế*” là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên. Tinh thần trọng yếu thường xuyên trong hội nhập quốc tế là phải tranh thủ nguồn lực, điều kiện thuận lợi bên ngoài cho mục tiêu bảo vệ Tổ quốc và phát triển đất nước từ sớm, từ xa; bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, đảm bảo tốt nhất lợi ích của Nhân dân.

Thứ hai, trong nhận thức, hội nhập quốc tế phải là sự nghiệp của toàn dân, của cả hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước. Người dân và doanh nghiệp là trung tâm, chủ thể, động lực, lực lượng chủ công và đối tượng thụ hưởng các lợi ích của hội nhập quốc tế. Hội nhập nhưng vẫn giữ bản sắc dân tộc, hội nhập, hòa nhập chứ không hòa tan.

Thứ ba, hội nhập quốc tế phải trên cơ sở nội lực có vai trò quyết định, gia tăng nội lực đi đôi với tranh thủ ngoại lực. Nội lực là nguồn lực chính, là gốc rễ cho sức mạnh, vì vậy phải luôn được phát huy để đảm bảo tính chủ động, độc lập, tự cường nhưng đồng thời, cần tranh thủ cao độ mọi nguồn lực từ bên ngoài để kết hợp và bổ sung cho nội lực. Kết hợp nhuần nhuyễn giữa sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại, tạo ra sức mạnh Việt Nam trong kỷ nguyên vươn mình.

Thứ tư, hội nhập quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh, “*hợp tác để đấu tranh và đấu tranh để hợp tác. Chú trọng phần đối tác, hạn chế phần đối tượng*”. Đồng thời, tôn trọng các nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế. Trong hội nhập, phải thể hiện đúng tinh thần “*đối tác tích cực, có trách nhiệm*” của cộng đồng quốc tế, sẵn sàng đóng góp cho những nỗ lực chung của khu vực và thế giới.

Thứ năm, hội nhập quốc tế phải mang tính chất “*đồng bộ, toàn diện, sâu rộng*”, trong đó các lĩnh vực phải gắn kết chặt chẽ, bổ sung cho nhau trong một chiến lược tổng thể, có trọng tâm, trọng điểm với lộ trình và bước đi phù hợp.

Chúng ta đang đứng trước yêu cầu phải có một cuộc cách mạng với những cải cách mạnh mẽ, toàn diện cho phát triển. Cùng với “*tinh thần đổi mới*” về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị của Nghị quyết số 18; “*tư tưởng đột phá*” về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia của Nghị quyết 57; định hướng về hội nhập quốc tế là “*cầm nang hành động*” của Nghị quyết 59 sẽ tạo nên “*bộ ba chiến lược*” trong trọng tâm “*Ổn định lâu dài - Phát triển bền vững - Đời sống nâng cao*” do Đảng đã vạch ra. Giai đoạn Cách mạng hiện nay, chúng ta cần triển khai quyết liệt và hiệu quả theo các hướng sau:

Một là, tư duy, nhận thức và hành động mới trong hội nhập quốc tế phải được quán triệt sâu rộng, đi vào cuộc sống. Theo đó, nhận thức về chủ động, tích cực hội

nhập quốc tế đồng bộ, toàn diện, sâu rộng và hiệu quả là một định hướng chiến lược lớn của Đảng, là một động lực quan trọng để phát triển và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc cần được thống nhất từ Trung ương tới địa phương, đến từng tổ chức, từng người dân và doanh nghiệp. Các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế, các yêu cầu, nhiệm vụ, cơ hội, quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ của Việt Nam trong hội nhập quốc tế cần được phổ biến, quán triệt sâu sắc trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân.

Hai là, hội nhập kinh tế được xác định là trung tâm, hội nhập trên các lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế với ưu tiên hàng đầu là cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng và thúc đẩy chuyển đổi số. Tập trung vào các ngành có lợi thế và tiềm năng, ưu tiên huy động nguồn lực cho những lĩnh vực, dự án then chốt như của hạ tầng chiến lược về giao thông, về năng lượng như đường sắt tốc độ cao, đường cao tốc, hệ thống cảng biển, sân bay; nhà máy điện hạt nhân, điện gió, điện mặt trời; giảm phát thải và trung hoà các-bon để tránh lãng phí và đạt hiệu quả cao, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số và cách mạng công nghiệp 4.0 hiện nay.

Cần tận dụng hiệu quả các cam kết, thỏa thuận, liên kết kinh tế quốc tế, nhất là các FTA thế hệ mới, để tăng cường đan xen lợi ích, không để phụ thuộc vào một số ít đối tác. Hoàn thiện thể chế trong nước nhằm nâng cao năng lực thực thi các cam kết, thỏa thuận quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp nhằm đẩy mạnh thu hút FDI chất lượng cao, nhất là trong các lĩnh vực mới nổi, quan trọng, động lực mới cho tăng năng suất lao động như công nghệ thông tin, viễn thông, chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo... Có chính sách phù hợp để thúc đẩy nhà đầu tư nước ngoài chuyển giao công nghệ, quản trị, kỹ năng chuyên môn cho doanh nghiệp và lao động Việt Nam. Khuyến khích doanh nghiệp Việt Nam đầu tư, kinh doanh có hiệu quả ở nước ngoài, xây dựng các thương hiệu quốc gia mang tầm quốc tế.

Ba là, hội nhập về chính trị, an ninh, quốc phòng phải hướng tới mục tiêu nâng cao tiềm lực, vị thế đất nước, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Hội nhập quốc tế phải phát huy hiệu quả mạng lưới các quan hệ đối tác đã được xác lập để gia tăng tin cậy chính trị, tranh thủ nguồn lực cho phát triển, giải quyết các vấn đề còn tồn tại bằng biện pháp hòa bình, tăng cường hợp tác trên cơ sở tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế. Tăng cường phối hợp với các đối tác để ứng phó hiệu quả với thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống như vấn đề Biển Đông, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực; chống ô nhiễm, dịch bệnh, tội phạm mạng, tội phạm xuyên quốc gia,...

Với thế và lực mới, chúng ta có thể vươn lên đóng vai trò nòng cốt, dẫn dắt, hòa giải trong những lĩnh vực phù hợp; đóng góp tích cực hơn vào hoạt động gìn giữ

hòa bình, cứu hộ, cứu nạn quốc tế; đa dạng hóa hợp tác quốc phòng, an ninh, phát triển nền công nghiệp quốc phòng, an ninh tự lực, tự cường, hiện đại, lưỡng dụng.

Bốn là, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải được xác định là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực phát triển nhanh lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất theo tinh thần của Nghị quyết số 57. Do đó hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phải hướng tới việc đưa các chuẩn mực, quy định về khoa học, công nghệ trong nước tiệm cận với các chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến. Qua đó, nhanh chóng nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, mở rộng không gian phát triển của đất nước, huy động, tranh thủ được nguồn lực quốc tế và phát huy mạnh mẽ nguồn lực trong nước để phát triển các ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn, các ngành mới nổi và các lĩnh vực đổi mới sáng tạo.

Năm là, đẩy mạnh hội nhập toàn diện về văn hóa, xã hội, du lịch, môi trường, giáo dục - đào tạo, y tế và các lĩnh vực khác. Về văn hóa, hội nhập nhưng phải gắn với bảo tồn, phát huy và quảng bá văn hóa dân tộc; phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, công nghiệp nội dung, các sản phẩm, thương hiệu văn hóa có chất lượng và năng lực cạnh tranh toàn cầu. Về y tế, tăng cường hợp tác về nghiên cứu, ứng dụng khoa học trong y tế trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu ngang tầm quốc tế để chữa, trị bệnh theo phương châm “*Đông - Tây y kết hợp*”.

Về giáo dục - đào tạo, đẩy mạnh chuẩn hóa, đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục của các cơ sở đào tạo trong nước ngang tầm khu vực và quốc tế. Về du lịch, mở rộng, đa dạng hóa thị trường, chú trọng các thị trường có tiềm năng, có nguồn khách lớn, có mức chi tiêu cao và lưu trú lâu ngày. Về lao động, triển khai các cơ chế phát triển nhân lực chất lượng cao, nâng cao kỹ năng học tập suốt đời, năng lực và năng suất của lực lượng lao động Việt Nam. Và cao nhất, là xây dựng chiến lược phát triển con người Việt Nam của “*thế hệ vươn mình*”, để đến năm 2045 những chàng trai, cô gái tuổi mười tám, đôi mươi sánh vai cùng bạn bè quốc tế cả về trí tuệ và thể chất.

Sáu là, khắc phục điểm nghẽn về thực thi cam kết, thỏa thuận quốc tế và đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, chính sách. Trong đó, đẩy mạnh việc rà soát, nội luật hóa pháp luật quốc tế để thực hiện đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các nghĩa vụ, cam kết của ta. Các tổ chức, đoàn thể phải tăng cường giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật và các cam kết về hội nhập quốc tế. Các bộ, ngành, địa phương phải đẩy mạnh đôn đốc việc thực hiện các cam kết, thỏa thuận quốc tế. Đồng thời, thể chế hóa, cụ thể hóa các chiến lược hội nhập quốc tế theo ngành, lĩnh vực, nhất là xây dựng, hoàn thiện pháp luật liên quan đến kinh tế xanh, kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi số, giảm phát thải các-bon, không gian vũ trụ.

Bây là, phát huy tinh thần của Nghị quyết số 18 trong hội nhập quốc tế, kiện toàn các cơ quan chuyên trách theo hướng tinh, gọn, mạnh, hiện đại, chuyên nghiệp. Mục tiêu là đưa các cơ chế này hoạt động hiệu quả hơn, tạo chuyển biến trong phối hợp triển khai hội nhập quốc tế giữa các cấp, các ngành, các địa phương và từng người dân, doanh nghiệp. Coi công tác cán bộ là “gốc”, xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác hội nhập, có chuyên môn, kỹ năng cao, ngang tầm quốc tế, có khả năng tham gia hoà giải, giải quyết tranh chấp quốc tế. Đổi mới, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của địa phương, người dân và doanh nghiệp trong tham gia hội nhập quốc tế.

Cuối cùng, hội nhập quốc tế chỉ thành công khi hội nhập trở thành văn hóa tự giác của mọi tổ chức cá nhân, doanh nghiệp, địa phương; phát huy được vai trò trung tâm, sự tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo của cả người dân, doanh nghiệp, địa phương trong gắn kết hội nhập quốc tế và hội nhập trong nước, kết nối giữa các vùng, miền, địa phương, kết nối giữa các ngành, lĩnh vực, kết nối giữa nghiên cứu và triển khai... để đưa hội nhập thành các kết quả cụ thể.

Bác Hồ của chúng ta đã vận dụng sáng tạo tư tưởng kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tìm ra con đường cứu nước, đưa Việt Nam thoát khỏi cảnh nô lệ, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc. Trong thế giới phụ thuộc lẫn nhau như ngày nay, sự phát triển của mỗi quốc gia - dân tộc không thể biệt lập, đứng bên ngoài những tác động của thế giới và thời đại, của thời cuộc và cục diện của nó. Noi gương Bác, chúng ta phải bắt nhịp với sự vận động của thế giới, tìm ra con đường mang lại hòa bình, ổn định, thịnh vượng, phát triển và xây dựng vị thế cao hơn, vững chắc hơn cho đất nước trong kỷ nguyên mới.

Đất nước đang đứng trước cơ hội lớn để vươn mình, nhưng thách thức cũng vô cùng to lớn. Những thành quả của hội nhập cho đến nay đã góp phần tích lũy thế và lực cho sự bứt phá tiếp theo. Tiếp nối tinh thần đó, Nghị quyết số 59 đánh dấu bước chuyển quan trọng của Đảng ta về tư duy và định hướng hội nhập quốc tế trong giai đoạn tới, tạo động lực đưa đất nước tiến tới đài vinh quang của độc lập, tự do, hạnh phúc, phồn thịnh, trường tồn.

NƯỚC VIỆT NAM LÀ MỘT, DÂN TỘC VIỆT NAM LÀ MỘT¹²

Thời khắc lá cờ giải phóng tung bay trên nóc Dinh Độc Lập trưa ngày 30/4/1975 đã đi vào lịch sử dân tộc như một sự kiện trọng đại - ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, non sông thu về một mối. Đó không chỉ là chiến thắng vĩ đại của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ

¹² Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 27/4/2025, <https://special.nhandan.vn/datnuocVietNamlamot-dantocVietNamlamot/index.html>

cứu nước đầy khó khăn gian khổ, mà còn là biểu tượng sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, của ý chí độc lập, tự cường và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Khát vọng về một Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, tự do là ngọn lửa thiêng hun đúc tinh thần dân tộc suốt hàng nghìn năm lịch sử. Từ khi Vua Hùng dựng nước cho tới hôm nay, trải qua bao cuộc kháng chiến chống ngoại xâm giữ gìn giang sơn, bờ cõi, lòng yêu nước, tinh thần dân tộc luôn là sợi chỉ đỏ xuyên suốt chiều dài lịch sử. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ, khát vọng ấy luôn là sức mạnh tinh thần không gì sánh nổi, thôi thúc các tầng lớp nhân dân, muôn người như một, chung sức, đồng lòng, vượt mọi gian nan, thử thách để giành lại nền độc lập vào năm 1945, đánh đuổi thực dân vào năm 1954 và thống nhất đất nước vào năm 1975.

Thắng lợi của dân tộc anh hùng

Chiến thắng ngày 30/4/1975 không chỉ có ý nghĩa kết thúc cuộc chiến tranh kéo dài và khốc liệt nhất trong lịch sử hiện đại Việt Nam, mà còn là mốc son chói lọi trong hành trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Đó là chiến thắng của niềm tin, của ước nguyện độc lập, tự do và thống nhất đất nước; chiến thắng của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam; chiến thắng của chân lý *“Không có gì quý hơn độc lập, tự do”* và của tinh thần yêu nước nồng nàn, ý chí chiến đấu, bất khuất ngàn đời của nhân dân Việt Nam, của các lực lượng tiến bộ và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Chiến thắng 30/04/1975 là thành quả quyết tâm sắt đá của dân tộc Việt Nam về một đất nước thống nhất, không thể bị chia cắt bởi bất kỳ thế lực nào. Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc - đã khẳng định chân lý bất diệt: *“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng chân lý ấy không bao giờ thay đổi”*.

Lời của Bác không chỉ là tuyên ngôn thiêng liêng về chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, mà còn là ngọn đuốc soi đường, là nguồn cảm hứng, truyền sức mạnh cho mọi thế hệ người Việt Nam trong suốt những năm tháng chiến tranh gian khổ và khốc liệt. Chiến thắng 30/04/1975 là minh chứng sống động cho triết lý của thời đại *“Không có gì quý hơn độc lập tự do”*.

Không chỉ là thắng lợi quân sự, Chiến thắng 30/04/1975 còn là sự kết tinh của trí tuệ, bản lĩnh và khát khao mãnh liệt về một nền hòa bình bền vững, về quyền tự quyết của một dân tộc từng bị đô hộ, chia cắt và áp bức. Như lời của đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn *“chiến thắng đó không phải của riêng ai, mà của cả dân tộc Việt Nam”*. Và như nhà thơ Tố Hữu từng viết *“Không nổi đau nào của riêng ai/ Của chung nhân loại chiến công này”*.

Đại thắng mùa Xuân năm 1975 cũng đã để lại dấu ấn mạnh mẽ trên trường quốc tế, cổ vũ sâu sắc phong trào giải phóng dân tộc tại nhiều khu vực Á, Phi, Mỹ Latin; khích lệ các dân tộc đứng lên chống lại chủ nghĩa thực dân mới và giành lại quyền tự do, độc lập. Đó là chiến thắng của công lý trước cường quyền, lời khẳng định trước cộng đồng quốc tế rằng: một dân tộc dù nhỏ bé nhưng nếu có chính nghĩa, đoàn kết và ý chí kiên cường, với sự ủng hộ, giúp đỡ trong sáng của bạn bè quốc tế, của các lực lượng tiến bộ và của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới thì chắc chắn sẽ chiến thắng những thế lực mạnh hơn gấp nhiều lần.

Ý chí, tâm nguyện thống nhất đất nước

Trong suốt 30 năm trường kỳ kháng chiến chống thực dân và đế quốc (1945 - 1975), dân tộc Việt Nam đã phải đối mặt với muôn vàn gian khổ, hy sinh, mất mát nhưng chưa bao giờ, ý chí về một nước Việt Nam độc lập, thống nhất bị lay chuyển.

Trong lời kêu gọi nhân ngày Quốc khánh 02/9/1955, Bác Hồ khẳng định: *“Nước Việt Nam nhất định sẽ thống nhất, vì nước ta là một khối, không ai chia cắt được”*. Trong thư gửi đồng bào cả nước năm 1956, Bác viết *“Thống nhất nước nhà là con đường sống của Nhân dân ta”*. Khi chiến tranh đang ở giai đoạn cam go, ác liệt nhất, ngày 17/7/1966, Người tuyên bố đanh thép rằng *“Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố, xí nghiệp có thể bị tàn phá. Song Nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập tự do. Đến ngày thắng lợi, Nhân dân ta sẽ xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”*. Và đúng như vậy, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta, quân dân Việt Nam đã vượt qua muôn vàn khó khăn, từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh hiện đại, với lòng tin sắt đá vào sức mạnh của chính nghĩa và tinh thần độc lập dân tộc.

Tuyên ngôn *“Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một”* của Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là một chân lý, một định hướng chiến lược, mà còn là mệnh lệnh từ trái tim của cả dân tộc. Trong khói lửa chiến tranh, câu nói ấy trở thành nguồn sức mạnh to lớn, truyền cảm hứng mạnh mẽ, tạo động lực cho hàng triệu người Việt Nam bước ra mặt trận với ý chí *“quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”*. Lời của Bác là lời hiệu triệu thiêng liêng, là biểu tượng của lòng quyết tâm vượt qua mọi đau thương, gian khổ, để giành bằng được độc lập, tự do cho dân tộc, thống nhất cho đất nước và hạnh phúc ấm no cho Nhân dân.

Trong suốt hơn 30 năm kháng chiến và kiến quốc, hàng triệu người con ưu tú của dân tộc đã anh dũng chiến đấu, hy sinh, biết bao gia đình mất mát người thân, làng mạc, đô thị bị tàn phá, bao thế hệ thanh niên phải tạm gác ước mơ học tập, hoài bão tương lai để lên đường bảo vệ Tổ quốc với lời thề *“chưa hết giặc là ta chưa về”*. Những người mẹ tiễn con, vợ tiễn chồng ra trận mà không hẹn ngày trở lại. Những em nhỏ lớn lên trong mưa bom, bão đạn, học chữ dưới hầm, ăn ngô,

khoai, sắn thay cơm. Biết bao bộ đội, thanh niên xung phong, dân công hỏa tuyến đã ngã xuống trên dải đất hình chữ S của Tổ quốc, những chiến sĩ biệt động thành chiến đấu giữa lòng địch, dân quân du kích ở bung biển, làng bản, những chiến sĩ giải phóng quân vượt qua Bến Hải, vượt Trường Sơn,... tất cả đều mang trong mình một niềm tin mãnh liệt: Dân tộc Việt Nam sẽ giành lại quyền làm chủ đất nước mình, Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà.

Chiến thắng 30/4/1975 là thành quả kết tinh từ lý tưởng và ý chí thép của một dân tộc không bao giờ bị khuất phục, từ máu xương của hàng triệu người con đất Việt, từ tình yêu quê hương, đất nước, từ bản lĩnh, niềm tin chiến thắng và quyết tâm không bao giờ lùi bước.

Tròn nửa thế kỷ đã đi qua kể từ ngày nước non liền một dải, nhưng những âm hưởng của khúc khải hoàn vẫn ngân nga trong tâm hồn dân tộc Việt Nam. Nhân dịp kỷ niệm sự kiện trọng đại này, chúng ta thành kính tưởng nhớ Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, Lãnh tụ thiên tài của Đảng và dân tộc ta, Người thầy vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới, Người chiến sỹ lỗi lạc của phong trào cộng sản quốc tế, người đã đặt nền móng tư tưởng cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước; tri ân và tưởng nhớ các đồng chí lãnh đạo tiền bối của Đảng, các Anh hùng liệt sỹ, nhân sỹ, trí thức, đồng bào và chiến sỹ trên khắp mọi miền Tổ quốc đã anh dũng chiến đấu, hy sinh cho lý tưởng cao đẹp đó. Các thế hệ Việt Nam hôm nay và mai sau mãi mãi ghi nhớ công ơn và sự hy sinh to lớn vì độc lập của Tổ quốc, vì hạnh phúc ấm no của nhân dân và vì sự trường tồn, phát triển của dân tộc.

Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với bạn bè quốc tế - các lực lượng tiến bộ, các nước xã hội chủ nghĩa anh em, các tổ chức nhân đạo và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên khắp thế giới - đã đồng hành, giúp đỡ và ủng hộ Việt Nam trong suốt những năm tháng đấu tranh giải phóng dân tộc, cũng như trong sự nghiệp tái thiết và phát triển đất nước sau chiến tranh. Tình cảm và sự hỗ trợ chí nghĩa, chí tình, vô tư trong sáng đó sẽ mãi mãi được nhân dân Việt Nam trân trọng, yêu quý và khắc ghi trong trái tim mình.

Nửa thế kỷ khôi phục, hàn gắn và phát triển

Trong hơn một thế kỷ qua, dân tộc Việt Nam đã trải qua những trang sử bi tráng, phải gánh chịu biết bao đau thương, mất mát dưới ách đô hộ, áp bức của thực dân, phong kiến và đặc biệt là hai cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài hơn ba thập kỷ. Chiến tranh không chỉ lấy đi sinh mạng của hàng triệu người, mà còn để lại những di chứng sâu sắc về thể chất, tinh thần, kinh tế xã hội và môi trường, ảnh hưởng đến cả những thế hệ sinh ra khi tiếng súng đã ngưng. Không có vùng đất nào trên quê hương Việt Nam không có đau thương; không có gia đình nào mà không gánh chịu những mất mát, hy sinh và cho đến nay chúng ta vẫn còn phải khắc phục hậu quả chiến tranh và bom mìn, chất độc da cam...

Nhưng thời gian, lòng nhân ái, đức vị tha đã giúp dân tộc ta từng bước vượt qua nỗi đau, chữa lành vết thương, gác lại quá khứ, tôn trọng sự khác biệt, hướng tới tương lai. Sau 50 năm đất nước thống nhất, chúng ta đã có đủ bản lĩnh, đủ niềm tin, sự tự hào và đủ bao dung để vượt qua đau thương cùng nhau nhìn về phía trước - để cuộc chiến tranh đã qua không còn là hố ngăn cách giữa những người con cùng một dòng máu Lạc Hồng.

Trên hành trình phát triển ấy, chính sách hòa hợp dân tộc luôn được Đảng và Nhà nước xác định là lựa chọn chiến lược lâu dài, là trụ cột trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Chúng ta hiểu rõ những nguyên nhân lịch sử dẫn đến chiến tranh – từ sự can thiệp, chia rẽ bên ngoài cho đến những âm mưu phá hoại tinh thần đoàn kết, gieo rắc thù hận vì mưu đồ chính trị. Nhưng chúng ta cũng hiểu rằng: mọi người Việt Nam, dù ở trong nước hay ngoài nước, dù từng đứng ở phía nào của lịch sử, đều cùng mang một cội nguồn, một ngôn ngữ, một tình yêu dành cho quê hương, đất nước.

Những năm qua, trong các chuyến công tác tới hầu khắp các châu lục, tôi đã có nhiều dịp gặp gỡ hàng ngàn đồng bào Việt Nam đang sinh sống ở nước ngoài - từ những trí thức trẻ lập nghiệp tại châu Âu, châu Mỹ, châu Á, châu Đại Dương đến những doanh nhân thành đạt, nghệ sĩ nổi tiếng, người lao động bình dị ở các “miền đất mới”, kể cả nhiều người thuộc “phía bên kia” trước đây. Mỗi cuộc gặp đều để lại trong tôi một ấn tượng sâu sắc: dù có thể khác biệt về quan điểm chính trị, trải nghiệm lịch sử hay điều kiện sống, họ đều mang trong lòng niềm tự hào dân tộc, đều là “con dân đất Việt” và nỗi nhớ da diết với hai tiếng Quê hương.

Tôi từng chứng kiến nhiều cuộc gặp gỡ đầy cảm động giữa các cựu chiến binh Việt Nam và cựu binh Hoa Kỳ - những người từng đứng ở hai bên chiến tuyến, từng cầm súng đối đầu, nay có thể bắt tay, trò chuyện, chia sẻ với nhau bằng sự thấu hiểu chân thành và không còn mặc cảm. Ngày hôm nay, Việt Nam và Hoa Kỳ - từ cựu thù - đã trở thành đối tác chiến lược toàn diện, cùng hợp tác vì hòa bình, vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì an ninh và ổn định khu vực. Vậy thì không có lý do gì để những người Việt Nam - cùng chung huyết thống, cùng một mẹ Âu Cơ, luôn đau đáu về một đất nước thống nhất, phồn vinh - lại còn mang mãi trong lòng nỗi hận thù, chia rẽ và ngăn cách.

Hòa hợp dân tộc không có nghĩa là quên lãng lịch sử hay xóa nhòa sự khác biệt, mà là chấp nhận những góc nhìn khác nhau trong tinh thần bao dung và tôn trọng, để cùng hướng tới mục tiêu lớn hơn: xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, hùng mạnh, văn minh, thịnh vượng, để các thế hệ mai sau không bao giờ phải chứng kiến chiến tranh, chia ly và hận thù, mất mát như cha ông từng đối mặt.

Chúng ta tin tưởng rằng, mọi người con đất Việt - dù sinh sống ở đâu, dù quá khứ thế nào - đều có thể đồng hành, chung sức, góp phần xây dựng một tương lai

tươi sáng cho dân tộc. Đảng và Nhà nước luôn nhất quán mở rộng vòng tay, trân trọng mọi đóng góp, lắng nghe mọi tiếng nói xây dựng, đoàn kết từ cộng đồng người Việt ở nước ngoài - những người đang góp phần kết nối Việt Nam với thế giới.

Chúng ta không thể viết lại lịch sử, nhưng chúng ta có thể hoạch định lại tương lai. Quá khứ là để ghi nhớ, để tri ân và để rút ra bài học. Tương lai là để cùng nhau xây dựng kiến tạo và phát triển. Đó là lời hứa danh dự của thế hệ hôm nay với những người đã ngã xuống, là tâm nguyện chung của một dân tộc từng trải qua nhiều đau thương nhưng chưa bao giờ khuất phục.

Cách đây 50 năm, dân tộc Việt Nam đã viết nên một bản anh hùng ca chói lọi bằng ý chí sắt đá và bản lĩnh kiên cường - đó là bản hòa ca của ý chí, quyết tâm, thống nhất và hòa bình. Nửa thế kỷ sau, chính dân tộc ấy đang tiếp tục viết nên một bản hùng ca mới - bản hòa ca của đổi mới, hội nhập, phát triển và ý chí vươn lên mạnh mẽ trong thế kỷ XXI. Trước đây, không một người Việt Nam chân chính nào muốn đất nước mình bị chia cắt. Ngày nay, chắc chắn không một người Việt Nam chân chính nào lại không mong đất nước mình ngày càng hùng cường, thịnh vượng, sánh vai cùng các cường quốc năm châu.

Nhìn về phía trước - kế tục và kiến tạo, đổi mới và phát triển

Hơn ai hết, thế hệ hôm nay hiểu rõ rằng độc lập và thống nhất không phải là cái đích cuối cùng, mà là điểm khởi đầu cho một hành trình mới: hành trình xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, giàu mạnh, văn minh, phát triển và trường tồn. Nếu như thế hệ cha anh đã khắc ghi chân lý “*Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một*” bằng những hy sinh mất mát, thì thế hệ hôm nay phải biến lý tưởng đó thành động lực phát triển, thành đôi cánh vươn lên trong thời đại mới.

Tinh thần thống nhất đất nước - từng là niềm tin và ý chí sắt đá để vượt qua khó khăn, thử thách, mưa bom, bão đạn - nay phải trở thành quyết tâm chính trị, ý chí đổi mới và hành động cụ thể để bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Phải làm cho mỗi người Việt Nam, dù ở đâu, dù làm gì, đều tự hào về đất nước, tin tưởng vào tương lai, và có cơ hội đóng góp vào sự phát triển chung.

Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh, khó lường, Việt Nam cần phải có bản lĩnh vững vàng, tỉnh táo, không để bị cuốn vào những vòng xoáy địa - chính trị hay rơi vào thế bị động trước các xung đột quốc tế. Mỗi khúc quanh của lịch sử thế giới đều có thể trở thành cơ hội hoặc thách thức lớn cho các quốc gia nhỏ nếu chuẩn bị tốt hoặc không tốt nội lực. Dân tộc Việt Nam hơn ai hết hiểu rất rõ hậu quả tàn khốc của chiến tranh, chúng ta là dân tộc yêu chuộng hòa bình, không bao giờ muốn chiến tranh xảy ra và sẽ làm mọi điều để chiến tranh không xảy ra. Nhưng, nếu “*kẻ thù buộc chúng ta ôm cây súng*” thì chúng ta sẽ vẫn là người chiến thắng. Hơn lúc nào hết, chúng ta cần xây dựng một nền kinh tế tự lực, tự cường;

một nền quốc phòng - an ninh toàn dân, toàn diện và hiện đại; một hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, một xã hội phát triển, đoàn kết, văn hóa và nhân văn.

Muốn như vậy, nhất thiết phải phát huy trí tuệ và sức mạnh của toàn dân tộc, trong đó có cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài - bộ phận không tách rời của khối đại đoàn kết toàn dân. Trong kỷ nguyên số, kỷ nguyên của kết nối toàn cầu, mỗi người Việt Nam ở khắp năm châu đều có thể góp phần vào công cuộc dựng xây đất nước bằng chính tri thức, sự sáng tạo, lòng yêu nước và trách nhiệm công dân.

Kỷ nguyên mới mà chúng ta đang bước tới - với công nghệ trí tuệ nhân tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh và phát triển bền vững - đòi hỏi phải có tư duy mới, mô hình phát triển mới, con người mới. Trước mắt, chúng ta còn nhiều thách thức về thể chế, năng suất lao động, chất lượng nguồn nhân lực, an ninh môi trường, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và cả những nguy cơ an ninh phi truyền thống. Nhưng lịch sử đã chứng minh: dân tộc Việt Nam chưa từng lùi bước trước gian nan, khó khăn, thách thức. Vấn đề là chúng ta có đủ dũng khí để thay đổi, đủ ý chí để vươn lên, và đủ đoàn kết để biến khó khăn thành động lực phát triển hay không.

Thế hệ hôm nay - từ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức đến công nhân, nông dân, trí thức, doanh nhân, học sinh, sinh viên, mọi tầng lớp nhân dân đều là con Rồng cháu Tiên - cần ý thức sâu sắc rằng: chúng ta đang thừa hưởng những giá trị di sản vĩ đại từ cha ông, và chúng ta có trách nhiệm làm rạng danh đất nước trong thời đại mới. Mỗi hành động hôm nay phải xứng đáng với máu xương đã đổ xuống, với những hy sinh mất mát mà cả dân tộc đã từng gánh chịu.

Chúng ta không thể để đất nước tụt hậu. Chúng ta không thể để dân tộc đánh mất cơ hội. Chúng ta không thể để lặp lại những vòng xoáy của lịch sử. Vì vậy, phải đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết. Chúng ta phải hành động vì tương lai lâu dài chứ không vì thành tích ngắn hạn. Phải kiên định giữ gìn độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định. Đồng thời phải đổi mới mạnh mẽ trong tư duy phát triển, cải cách hành chính, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN, kinh tế thị trường định hướng XHCN, có sự quản lý của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng và xây dựng Xã hội XHCN hiện đại.

Nhìn về phía trước, chúng ta hoàn toàn có quyền tự hào tin tưởng vào sức mạnh nội sinh của dân tộc Việt Nam - một dân tộc đã bao lần đánh thắng ngoại xâm và đứng dậy từ chiến tranh, khẳng định mình trước lịch sử và trước thế giới. Với truyền thống nghìn năm dựng nước và giữ nước, với khát vọng vươn lên không ngừng, với thế hệ trẻ tài năng, hoài bão, yêu nước, sáng tạo và đầy bản lĩnh - Việt Nam nhất định sẽ thành công.

Thế kỷ XXI là thế kỷ của những dân tộc biết làm chủ vận mệnh của mình. Và dân tộc Việt Nam - với tất cả những bài học từ quá khứ, với tất cả sự đoàn kết hôm nay - nhất định sẽ viết tiếp những chương mới rực rỡ trong hành trình phát triển của mình. Vì một nước Việt Nam độc lập, tự do, hạnh phúc, phồn vinh, văn minh, thịnh vượng, có vị thế và tiếng nói quan trọng trong cộng đồng quốc tế.

ĐỘT PHÁ THỂ CHẾ, PHÁP LUẬT ĐỂ ĐẤT NƯỚC VƯỜN MÌNH¹³

Trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn nhận thức sâu sắc vai trò của thể chế, pháp luật đối với sự phát triển của đất nước. Đồng thời, Đảng đưa ra nhiều chủ trương, chính sách về hoàn thiện thể chế, pháp luật phù hợp với từng giai đoạn lịch sử và đạt được nhiều kết quả quan trọng.

Tư duy, nhận thức lý luận về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa không ngừng được hoàn thiện. Nước ta đã hình thành hệ thống pháp luật tương đối đồng bộ, công khai, minh bạch, dễ tiếp cận, cơ bản điều chỉnh tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó phải kể tới các bản Hiến pháp, các Luật, Bộ luật lớn về dân sự, kinh doanh, thương mại, hành chính, hình sự, tố tụng, giải quyết tranh chấp và khoảng 300 luật, bộ luật khác đang còn hiệu lực; tạo nền tảng pháp lý để phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế. Có thể khẳng định, trong 80 năm qua, kể từ khi ra đời của nhà nước Công nông, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta giành được độc lập, thống nhất, tự do, dân chủ, hòa bình, ổn định và phát triển vì chúng ta có Hiến pháp và thực thi thành công Hiến pháp và pháp luật.

Tuy nhiên, thẳng thắn nhìn nhận, công tác xây dựng và thi hành pháp luật vẫn còn không ít hạn chế, bất cập. Một số chủ trương, định hướng của Đảng chưa được thể chế hóa kịp thời, đầy đủ. Tư duy xây dựng pháp luật trong một số lĩnh vực còn thiên về quản lý. Chất lượng pháp luật chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn. Còn có những quy định chòng chéo, mâu thuẫn, chưa rõ ràng, cản trở việc thực thi, không thuận lợi cho việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo, thu hút và khơi thông nguồn lực đầu tư. Việc phân cấp, phân quyền chưa đủ mạnh; thủ tục hành chính còn rườm rà, “*nhiều khúc quanh*”; chi phí tuân thủ pháp luật còn cao. Tổ chức thực thi pháp luật vẫn là khâu yếu; thiếu cơ chế phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả. Chậm nghiên cứu, ban hành chính sách, pháp luật điều chỉnh những vấn đề mới, chưa tạo khuôn khổ pháp lý thuận lợi để thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới.

Hiện nay, thế giới đang đứng trước những thay đổi mang tính thời đại với những diễn biến nhanh, phức tạp, khó lường, khó dự báo. Cùng với đó, cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang mở ra không gian phát triển vô tận dựa trên tri

¹³ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 04/5/2025, <https://special.nhandan.vn/dot-pha-the-che-phap-luat-de-dat-nuoc-vuon-minh/index.html>

thức và tiềm năng con người. Ở trong nước, sau gần 40 năm thực hiện công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu bị chiến tranh tàn phá nặng nề, bị bao vây, cô lập, đến nay Việt Nam đã trở thành hình mẫu phát triển của nhiều nước trên thế giới, “*Nhân dân ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành*”. Quy mô nền kinh tế năm 2024 đứng thứ 32 thế giới. Tiềm lực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, khoa học - công nghệ, quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố. Quan hệ đối ngoại được mở rộng; vị thế, uy tín của đất nước không ngừng được nâng cao.

Để hiện thực hóa khát vọng vươn mình của dân tộc, chúng ta phải giải quyết nhiều việc, trong đó, một nhiệm vụ rất trọng tâm là phải tiếp tục quan tâm hoàn thiện thể chế, pháp luật để giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực, phát huy mọi tiềm năng, thế mạnh của đất nước, tận dụng mọi cơ hội phát triển. Chính vì thế, cùng với việc thực hiện cuộc cách mạng về tinh gọn tổ chức bộ máy, phấn đấu tăng trưởng kinh tế “*hai con số*”, công tác xây dựng và thi hành pháp luật phải được đổi mới căn bản. Đáp ứng đòi hỏi đó, ngày 30/4/2025, trong không khí thiêng liêng và hào hùng của dịp kỷ niệm 50 năm thống nhất đất nước, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về “*Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*” - một Nghị quyết chuyên đề đặc biệt quan trọng với nhiều quyết sách chiến lược. Mục tiêu chính của Nghị quyết là tạo ra một xã hội thực sự dân chủ, bình đẳng, an toàn, minh bạch; Nhân dân thực sự làm chủ; quyết định nhiều vấn đề quan trọng của đất nước; quản lý, quản trị xã hội hiện đại, kiến tạo sự phát triển; nâng cao đời sống mọi mặt cho nhân dân, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.

Nghị quyết đặt ra mục tiêu, đến năm 2030, Việt Nam có hệ thống pháp luật dân chủ, công bằng, đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi với cơ chế tổ chức thực hiện nghiêm minh, nhất quán, bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan sau sắp xếp tổ chức bộ máy, tháo gỡ vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, mở đường cho kiến tạo phát triển, huy động mọi người dân và doanh nghiệp tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội để đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Năm 2025, cơ bản hoàn thành việc tháo gỡ những “*điểm nghẽn*” do quy định pháp luật. Năm 2027, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động của bộ máy nhà nước theo mô hình chính quyền 3 cấp. Năm 2028, hoàn thiện hệ thống pháp luật về đầu tư, kinh doanh, góp phần đưa môi trường đầu tư của Việt Nam nằm trong nhóm 3 nước dẫn đầu ASEAN. Đến năm 2045, Việt Nam có hệ thống pháp luật chất lượng cao, hiện đại, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn đất nước, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người, quyền công dân; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành

chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội; quản trị quốc gia hiện đại với bộ máy nhà nước tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

Theo Nghị quyết số 66-NQ/TW, việc đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật trong thời gian tới cần bám sát 5 quan điểm chỉ đạo, trong đó, quan điểm quan trọng hàng đầu là phải *“bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thi hành pháp luật”*. Nghị quyết cũng xác định *“công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá”* trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Nghị quyết yêu cầu: Xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, *“đứng trên mảnh đất thực tiễn của Việt Nam”*, tiếp thu có chọn lọc giá trị tinh hoa của nhân loại, đảm bảo tính hệ thống, nắm bắt mọi cơ hội, mở đường, khơi thông mọi nguồn lực; đưa thể chế, pháp luật trở thành lợi thế cạnh tranh, nền tảng vững chắc, động lực mạnh mẽ cho phát triển, tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế *“hai con số”*, nâng cao đời sống của Nhân dân, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại của đất nước. Nâng cao hiệu quả thi hành pháp luật, tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật. Nghị quyết xác định: Đầu tư cho công tác xây dựng chính sách, pháp luật là đầu tư cho phát triển.

Để đưa Nghị quyết số 66-NQ/TW vào cuộc sống, mang lại những kết quả thiết thực, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân cần quán triệt, thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết, nhất là những nhiệm vụ, giải pháp cơ bản sau:

Thứ nhất, phải bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng trong công tác xây dựng pháp luật, phát huy cao độ tính Đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật. Các cấp ủy Đảng phải lãnh đạo toàn diện, trực tiếp việc thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng thành pháp luật và tăng cường kiểm tra, giám sát công tác này. Mỗi cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, đi đầu trong chấp hành và tuân thủ pháp luật, lan tỏa tinh thần thượng tôn Hiến pháp, pháp luật. Xác định xây dựng, hoàn thiện thể chế, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc tổ chức thi hành pháp luật là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt, thường xuyên của các bộ, ngành Trung ương. Người đứng đầu Bộ, cơ quan ngang Bộ phải trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo công tác xây dựng pháp luật, chịu trách nhiệm chính về chất lượng chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý của bộ, ngành mình.

Thứ hai, đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật theo hướng vừa bảo đảm yêu cầu quản lý nhà nước, vừa khuyến khích sáng tạo, giải phóng toàn bộ sức sản xuất, khơi thông mọi nguồn lực phát triển. Công tác xây dựng pháp luật phải thể chế hóa đầy đủ, đúng đắn, kịp thời chủ trương, đường lối của Đảng; xuất phát từ lợi ích toàn cục của đất nước; dứt khoát từ bỏ tư duy *“không quản được thì cấm”*; phát huy dân chủ, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ hiệu quả quyền con người,

quyền công dân; bảo đảm sự cân đối, hợp lý giữa mức độ hạn chế quyền với lợi ích chính đáng đạt được.

Các quy định của luật phải mang tính ổn định, đơn giản, dễ thực hiện, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm. Coi trọng, chủ động nghiên cứu chiến lược, chính sách từ sớm, từ thực tiễn, từ kinh nghiệm của thế giới, góp phần tăng cường tính dự báo và nâng cao chất lượng công tác xây dựng pháp luật. Bên cạnh một số bộ luật, luật quy định về quyền con người, quyền công dân, tố tụng tư pháp cần cụ thể, về cơ bản các luật khác, nhất là luật điều chỉnh các nội dung về kiến tạo phát triển chỉ quy định những vấn đề khung, những vấn đề có tính nguyên tắc thuộc thẩm quyền của Quốc hội, còn những vấn đề thực tiễn thường xuyên biến động thì giao Chính phủ, bộ, ngành, địa phương quy định để bảo đảm linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.

Trong thời gian trước mắt, cần tập trung xây dựng môi trường pháp lý thuận lợi, thông thoáng, minh bạch, an toàn, chi phí tuân thủ thấp; triệt để cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện đầu tư, kinh doanh, hành nghề, thủ tục hành chính bất hợp lý; thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh. Bảo đảm thực chất quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản và quyền tự do hợp đồng; sự bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia. Tập trung xây dựng pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Khẩn trương sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật đáp ứng yêu cầu thực hiện chủ trương tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sắp xếp đơn vị hành chính, gắn với phân cấp, phân quyền tối đa theo phương châm “*địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm*” và việc cơ cấu lại không gian phát triển mới ở từng địa bàn. Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp, bổ trợ tư pháp phù hợp với mục tiêu, định hướng cải cách tư pháp.

Thứ ba, tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật. Phát huy cao độ tinh thần phục vụ Nhân dân, tư duy kiến tạo phát triển, hành động vì lợi ích chung của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Ưu tiên bảo đảm hiệu quả thi hành pháp luật nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và trong các lĩnh vực dân sinh quan trọng khác. Tập trung xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội. Chú trọng công tác giải thích pháp luật và hướng dẫn áp dụng pháp luật. Tăng cường đối thoại, tiếp nhận, lắng nghe phản ánh, kiến nghị, giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc về pháp lý của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, địa phương. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của pháp luật sau ban hành, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và xây dựng cơ chế kịp thời nhận diện, xử lý tổng thể, đồng bộ, tháo gỡ nhanh nhất những “điểm nghẽn” có nguyên nhân từ quy định của pháp luật.

Thứ tư, nâng cao hiệu quả công tác hợp tác quốc tế, pháp luật quốc tế. Nâng cao năng lực của các cơ quan, tổ chức Việt Nam để đảm bảo thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ pháp lý quốc tế; tham gia hiệu quả vào việc xây dựng thể chế và pháp luật quốc tế, định hình trật tự pháp lý quốc tế. Xử lý hiệu quả các vấn đề pháp lý quốc tế phát sinh, nhất là tranh chấp đầu tư, thương mại quốc tế. Thực hiện cơ chế đặc biệt thu hút, xét tuyển, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực có trình độ cao, có kinh nghiệm thực tiễn về pháp luật quốc tế và hợp tác quốc tế về pháp luật, giải quyết tranh chấp quốc tế; xây dựng chiến lược tăng cường sự hiện diện của các chuyên gia Việt Nam trong các tổ chức pháp lý quốc tế và cơ quan tài phán quốc tế. Mở rộng hợp tác quốc tế về pháp luật và tư pháp.

Thứ năm, thực hiện các giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực pháp luật; tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, cùng cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng và thi hành pháp luật. Thực hiện chính sách đặc thù, vượt trội, áp dụng chế độ thù lao, thuê khoán tương xứng để thu hút, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tham gia các nhiệm vụ, hoạt động xây dựng pháp luật, thi hành pháp luật. Quan tâm đầu tư nâng cao chất lượng của các cơ sở nghiên cứu chiến lược, chính sách, các cơ sở nghiên cứu pháp luật của các cơ quan Trung ương. Ưu tiên nguồn lực xây dựng, phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu lớn, ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phục vụ đổi mới, hiện đại hóa công tác xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật. Triển khai ngay Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu lớn về pháp luật và Đề án ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong công tác xây dựng, kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật. Đổi mới cơ chế phân bổ, quản lý, sử dụng ngân sách dành cho công tác xây dựng pháp luật trên nguyên tắc kịp thời, đúng, đủ và gắn với khoán chi theo kết quả, sản phẩm của từng nhiệm vụ, hoạt động. Thành lập Quỹ hỗ trợ xây dựng chính sách, pháp luật.

Thể chế, pháp luật có chất lượng, phù hợp với yêu cầu phát triển của thực tiễn và nguyện vọng của Nhân dân là yếu tố hàng đầu quyết định thành công của mỗi quốc gia. Do đó, để đất nước vươn mình phát triển mạnh mẽ, chúng ta dứt khoát nói “không” với bất cứ hạn chế, bất cập nào trong thể chế, pháp luật; không thỏa hiệp với bất kỳ yếu kém nào trong thiết kế chính sách, soạn thảo pháp luật, hay tổ chức thực thi.

Với bản lĩnh cùng kinh nghiệm quý báu mà Đảng ta đã tích lũy được trong 95 năm lãnh đạo sự nghiệp cách mạng của dân tộc, kinh nghiệm của 80 năm lãnh đạo Nhà nước xây dựng thể chế, pháp luật, nhất là kinh nghiệm trong 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, cùng sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự ủng hộ của toàn dân, nhất định chúng ta sẽ thành công trong đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên giàu mạnh, văn minh, thịnh vượng, phát triển. Xây dựng đất nước ta “*bằng mười ngày nay*” như tâm nguyện của bác Hồ từng mong mỏi.

ĐỘNG LỰC MỚI CHO PHÁT TRIỂN KINH TẾ¹⁴

1. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn sáng suốt, đúng đắn của Đảng ta ngay từ khi ra đời và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, là nguyên nhân gốc rễ dẫn đến mọi thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước trước đây cũng như trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Trong đó, chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nhấn mạnh “*là làm cho dân giàu, nước mạnh*”¹⁵; với đặc trưng “*Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới*”¹⁶.

Học thuyết hình thái kinh tế xã hội của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chứng tỏ rằng, hoạt động sản xuất vật chất của con người là cơ sở, nguồn gốc, nguyên nhân quyết định nhất tới sự biến đổi xã hội; sản xuất là hoạt động nền tảng làm phát sinh, phát triển những mối quan hệ xã hội của con người, mang đến sự hợp tác, yếu tố cạnh tranh thúc đẩy sản xuất lên tầm cao mới, đồng thời cũng chính là cơ sở của sự hình thành, biến đổi và phát triển của xã hội loài người. Theo quan niệm của Mác, biến đổi xã hội thực chất và trước hết là sự biến đổi của nền sản xuất vật chất và biến đổi của nền sản xuất vật chất chính là sự biến đổi trung tâm quan trọng nhất quyết định sự biến đổi xã hội. Trong lộ trình biến đổi xã hội, biến đổi về cơ cấu kinh tế kéo theo biến đổi về cơ cấu xã hội và biến đổi hệ thống giá trị, chuẩn mực xã hội. Xuất phát từ “*sự thật hiển nhiên, ... trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, nghĩa là phải lao động, trước khi có thể đấu tranh giành quyền thống trị, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học, ...*”¹⁷, chủ nghĩa Mác đã chỉ ra rằng để con người có thể sống, tồn tại, phát triển thì tất yếu con người phải sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội. Đồng thời, “*Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào*”¹⁸.

¹⁴ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 11/05/2025, <https://special.nhandan.vn/dong-luc-moi-cho-phat-trien-kinh-te-110525/index.html>

¹⁵ Hồ Chí Minh, toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2011, t.9, tr.446.

¹⁶ Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần II, Nxb Chính trị quốc gia, H.2019, tr.502.

¹⁷ Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, H.2002, t.19, tr.166.

¹⁸ Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, sđd, t.23, tr.269.

Bên cạnh đó, theo V.I.Lê-nin, năng suất lao động cao phản ánh bản chất ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản; là tiêu chuẩn quan trọng nhất, chủ yếu nhất tạo nên thắng lợi của chủ nghĩa xã hội *“Xét đến cùng thì năng suất lao động là cái quan trọng nhất, chủ yếu nhất cho thắng lợi của chế độ mới. Chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một năng suất lao động chưa từng thấy dưới chế độ nông nô. Chủ nghĩa tư bản có thể bị đánh bại hẳn và sẽ bị đánh bại hẳn vì chủ nghĩa xã hội tạo ra năng suất lao động mới cao hơn nhiều”*¹⁹.

Như vậy, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội với những đặc trưng mà Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng đã xác định, hoạt động sản xuất vật chất của con người có ý nghĩa quyết định nhất, với năng suất lao động cao là yếu tố then chốt. Thông qua hoạt động sản xuất vật chất để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, tạo ra những biến đổi xã hội tích cực, khắc phục triệt để những hạn chế, bất cập, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; qua đó, hoàn thành thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, chuyển sang giai đoạn cao của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa như Mác đã dự báo trong tác phẩm Phê phán cương lĩnh Gôta *“Khi mà cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân, sức sản xuất của họ cũng ngày càng tăng lên và tất cả các nguồn của cải xã hội đều tuôn ra dồi dào - chỉ khi đó người ta mới có thể vượt hẳn ra khỏi giới hạn chật hẹp của pháp quyền tư sản và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu”*²⁰.

2. Thực tiễn phát triển kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân ở Trung Quốc và Nga, cũng như qua 40 năm đổi mới ở Việt Nam đã để lại những bài học hết sức quý báu. Với Nga, ngay cả trong thời kỳ phát triển kinh tế kế hoạch hóa tập trung, Chính sách kinh tế mới phát triển các thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân, của V. Lê-nin từ năm 1921 đến năm 1991 đã giúp kinh tế Nga phát triển vượt bậc. Trong thời kỳ này, Nước Nga cùng với nhiều nước kém phát triển khác trong Liên bang Xô viết trở thành cường quốc đạt tới trình độ cao trong nhiều lĩnh vực như năng lượng, công nghiệp, vũ trụ. Với Trung Quốc, bắt đầu từ chính sách *“Cải cách và Mở cửa”* năm 1978, sửa đổi hiến pháp năm 1988 theo hướng tăng cường bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp tư nhân, công nhận kinh tế tư nhân là một phần quan trọng của nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa tại Đại hội Đảng Cộng sản Trung Quốc lần thứ XV năm 1997, cam kết bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của kinh tế cá thể và kinh tế tư doanh, kinh tế tư nhân của Trung Quốc đã có bước phát triển bùng nổ, với sự ra đời của nhiều tập đoàn lớn không chỉ thống trị thị trường nội địa mà còn vươn ra thị trường quốc tế,

¹⁹ V.I. Lê-nin, toàn tập, Nxb CTQG, H.2005, t.39, tr.25.

²⁰ Mác và Ph. Ăngghen, toàn tập, sđd, t.19, tr.36.

đóng vai trò quan trọng trong các lĩnh vực công nghệ, viễn thông và thương mại điện tử. Hàng loạt doanh nghiệp tư nhân chiếm phần lớn trong các ngành công nghiệp như sản xuất, dịch vụ, đặc biệt là công nghệ cao đã đóng góp hơn 60% GDP, tạo ra 80% việc làm ở thành thị và hơn 70% phát minh, sáng chế trong nền kinh tế Trung Quốc.

Ở Việt Nam, với việc nền kinh tế nhiều thành phần được thừa nhận chính thức trong văn kiện Đại hội VI của Đảng; khẳng định khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển ở Đại hội VII và tiếp tục nhấn mạnh ở Đại hội VIII; có bước phát triển tại Đại hội IX khi Đảng ta khẳng định kinh tế tư bản tư nhân là thành phần kinh tế có vị trí quan trọng lâu dài trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, lần đầu tiên ban hành Nghị quyết chuyên đề “*Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân*”; nhấn mạnh vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế và quy định cụ thể vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân ở Đại hội X; khẳng định mạnh mẽ, dứt khoát về vai trò của kinh tế tư nhân như là một động lực quan trọng của nền kinh tế tại Đại hội XII, XIII, kinh tế tư nhân đã có những bước phát triển khởi sắc. Từ chỗ chỉ tồn tại “*thoi thóp*”, “*cầm chừng*” trong cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, bị phân biệt đối xử không chỉ trong ý thức xã hội mà trong cả cơ chế, chính sách nhà nước, kinh tế tư nhân đã vươn lên mạnh mẽ trong thời kỳ đổi mới, đóng góp ngày càng nhiều cho ngân sách nhà nước, tạo việc làm cho xã hội, phát huy những tiềm năng, lợi thế sẵn có ở mỗi địa phương cũng như trong cả nước, góp phần quan trọng phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, khẳng định vai trò, động lực quan trọng trong hội nhập quốc tế.

Có thể thấy, với tầm nhìn, chính sách đúng đắn, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế tư nhân là sự lựa chọn sống còn để thúc đẩy sản xuất vật chất, tạo ra sự biến đổi xã hội, “*sức bật*” về trình độ công nghệ, đào tạo nghề, gia tăng khả năng hấp thu vốn, thúc đẩy tăng năng suất lao động, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội. Để phát triển kinh tế tư nhân, vấn đề quan trọng, cốt lõi nhất là tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với những thay đổi có tính bước ngoặt về tư duy, nhận thức, hành động, tạo thành đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng so với kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước trước đây.

3. Ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân, với các mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp đột phá, chưa từng có tiền lệ; định hình quan điểm mới của Đảng về phát triển kinh tế tư nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có sự quản lý của Nhà nước dưới sự lãnh đạo của Đảng; thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân

- động lực mới phát triển kinh tế trong thời gian tới. Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 68, cần tập trung thực hiện một số công tác cấp bách, sau đây:

Thứ nhất, triển khai quyết liệt, hiệu quả các công tác sớm đưa Nghị quyết của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. Ngay trong Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV, Quốc hội sẽ thảo luận và ban hành Nghị quyết về phát triển kinh tế tư nhân với các cơ chế, chính sách ưu đãi cụ thể, khả thi, hiệu quả. Lập Ban Chỉ đạo quốc gia triển khai Nghị quyết số 68 do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban, định kỳ hàng tháng rà soát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết của các bộ, ngành, địa phương, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng lúng túng, thực hiện theo cách riêng gây mất hiệu lực chính sách Trung ương. Thường xuyên công khai kết quả thực hiện, lấy đây là một trong những tiêu chí đánh giá năng lực, việc thực hiện chức trách nhiệm vụ, nhất là đối với người đứng đầu. Thúc đẩy, tạo sự đổi mới mạnh mẽ tư duy hành chính từ kiểm soát sang đồng hành, coi doanh nghiệp là đối tượng “*phục vụ*” thay vì đối tượng “*quản lý*”, đảm bảo nguyên tắc “*nói đi đôi với làm*” thống nhất trong toàn hệ thống chính trị. Chính phủ sớm ban hành Chỉ thị yêu cầu các bộ, ngành, địa phương chuyển toàn bộ quy trình hành chính sang hậu kiểm, trừ một số lĩnh vực đặc thù (an ninh, quốc phòng, ...); có hướng dẫn cụ thể về trách nhiệm công vụ của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp trong hỗ trợ doanh nghiệp, gắn với công tác thi đua, khen thưởng; chuẩn hóa toàn bộ quy trình cấp phép đầu tư theo mô hình điện tử, rút ngắn thời gian công bố kết quả.

Thứ hai, khẩn trương thể chế hóa các quan điểm của Đảng thành pháp luật và bảo đảm thực hiện nghiêm minh trong toàn hệ thống chính trị, doanh nghiệp, người dân. Nghiên cứu xây dựng Luật phát triển kinh tế tư nhân và sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật có liên quan, bảo đảm thể chế hóa đầy đủ các chủ trương nêu tại Nghị quyết số 68. Trong đó, thiết lập hệ thống cạnh tranh công bằng, xác định rõ danh sách các hành vi tác động tiêu cực đến tiếp cận thị trường và phân biệt đối xử trong cạnh tranh thị trường đối với kinh tế tư nhân. Tạo ra cơ chế thúc đẩy đầu tư và hỗ trợ tài chính, yêu cầu các tổ chức tài chính thiết lập hệ thống đánh giá tín dụng phù hợp với kinh tế tư nhân và hỗ trợ tài chính. Khuyến khích phát triển khoa học công nghệ, doanh nghiệp tư nhân đi đầu trong các dự án lớn, trọng điểm quốc gia và thiết lập các cơ sở hạ tầng nghiên cứu đổi mới sáng tạo quốc gia. Thiết lập hệ thống bảo vệ quyền và lợi ích của các chủ thể tham gia thị trường, phân biệt rõ ràng giữa tranh chấp kinh tế và tội phạm hình sự, nghiêm cấm các hành vi lạm dụng pháp luật trong quản lý thị trường. Đưa ra các biện pháp nhằm hỗ trợ dịch vụ thủ tục và chính sách cho kinh tế tư nhân, chuẩn hóa các thủ tục hành chính và chính sách. Sửa đổi Bộ luật Hình sự, tách bạch rõ hành vi gian lận - trục lợi với sai sót hành chính thông thường.

Thứ ba, đặc biệt quan tâm hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, thúc đẩy phát triển xã hội có tư tưởng khởi nghiệp, khát vọng làm chủ, đặc biệt trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo. Triển khai ngay gói tín dụng ưu đãi riêng cho doanh nghiệp vừa

và nhỏ, thông qua quỹ bảo lãnh tín dụng nhà nước. Dành quỹ đất ưu tiên 5 - 10% tại các khu công nghiệp công nghệ cao cho startup thuê với giá ưu đãi. Mở rộng mô hình sandbox pháp lý toàn quốc, cho phép thử nghiệm thực tế với fintech, AI, nông nghiệp số trong khung thời gian bảo vệ pháp lý rõ ràng. Xây dựng trung tâm tư vấn pháp lý miễn phí hoặc trợ giá cho doanh nghiệp vừa và nhỏ tại các địa phương.

Thứ tư, xây dựng đội ngũ doanh nhân thật sự trở thành “*chiến sỹ*” trên mặt trận kinh tế, tham gia thực chất trong hoạch định chính sách. Bảo vệ, hỗ trợ, khuyến khích, tôn vinh đội ngũ doanh nhân có lòng yêu nước, tinh thần dân tộc, ý thức tuân thủ pháp luật, có khát vọng vươn lên làm giàu cho mình và góp phần làm giàu cho đất nước, có kiến thức và năng lực quản trị kinh doanh trong nền kinh tế thị trường, có trách nhiệm với người lao động và cộng đồng xã hội. Tạo điều kiện thuận lợi để doanh nhân tham gia phản biện chính sách, đóng góp vào quá trình hoạch định và thực thi chiến lược phát triển. Các bộ ngành khi xây dựng luật, nghị định cần lắng nghe thấu đáo ý kiến của người dân, doanh nghiệp, nhất là các doanh nhân thực chiến. Hỗ trợ ngân sách và chuyên môn để xây dựng các hiệp hội ngành nghề mạnh, độc lập, có năng lực phản biện chính sách. Khuyến khích thành lập Hội đồng doanh nhân tư nhân cấp quốc gia, tư vấn trực tiếp cho Chính phủ trong chiến lược kinh tế - công nghiệp dài hạn.

Chúng ta có truyền thống quật cường, lòng yêu nước nồng nàn, cơ sở lý luận, thực tiễn, cơ sở chính trị - pháp lý chặt chẽ, toàn diện; với khát vọng, ý chí, sự thống nhất đồng lòng, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp, doanh nhân và toàn dân trong thực hiện mục tiêu “*ổn định, phát triển chất lượng cao, nâng cao đời sống mọi mặt của người dân*”, nhất định chúng ta sẽ thực hiện thắng lợi Nghị quyết, sớm đưa kinh tế tư nhân phát triển xứng tầm, thật sự trở thành động lực quan trọng nhất, trụ cột bảo đảm sự phát triển vững mạnh của nền kinh tế quốc gia, hiện thực khát vọng xây dựng nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

THỰC HÀNH TIẾT KIỆM²¹

Tiết kiệm và chống lãng phí là hai thành tố gắn bó hữu cơ với nhau, là hai trụ cột để đi tới thịnh vượng, giàu có đối với cả phạm vi gia đình, đất nước và xã hội. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là điều cần làm trong cuộc sống của từng cá nhân và toàn xã hội, là “*hòn đá tảng*” góp phần xây dựng một xã hội văn minh, phát triển bền vững. Đó phải là trách nhiệm chung và cần trở thành nếp sống, thành văn hóa hàng ngày của mỗi chúng ta.

Văn hóa Việt Nam là nền văn hóa gắn liền với sự đề cao lối sống tiết kiệm, giản dị. Từ đó, việc thực hành tiết kiệm của người Việt đã được đúc kết thành ca

²¹ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 01/6/2025, <https://special.nhandan.vn/thuc-hanh-tiet-kiem/index.html>

dao, tục ngữ, truyền miệng từ đời này sang đời khác²², như “*Khéo ăn thì no, khéo co thì ấm*”, “*Ít chất chiu hơn nhiều phung phí*”, “*Ai ơi chớ bỏ ruộng hoang/Bao nhiêu tấc đất tấc vàng bấy nhiêu*”, “*Được mùa chớ phụ ngô khoai/Đến khi thất bát lấy ai bạn cùng*”, “*nên ăn có chừng, nên dùng có mực*”, “*Tiết kiệm sẵn có đồng tiền/Phòng khi túng lỡ không phiên lụy ai*”...

Chủ tịch Hồ Chí Minh - người thầy của cách mạng Việt Nam là tấm gương sáng về thực hành tiết kiệm. Ngay sau khi lãnh đạo Cách mạng tháng Tám thành công, trước nguy cơ giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm đe dọa, tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa diễn ra ngày 03/09/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa ra 6 vấn đề cấp bách, trong đó Người đặc biệt đề cao việc phát động phong trào tăng gia tiết kiệm để chống đói, xây dựng đất nước. Bác Hồ đã nhiều lần giải thích rõ về tiết kiệm để mọi người hiểu cho đúng, để thực hiện cho tốt: “*Kiệm là thế nào? Là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi, ...; Tiết kiệm không phải là bủn xỉn. Khi không nên tiêu xài thì một đồng xu cũng không nên tiêu. Khi có việc đáng làm, việc ích lợi cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng. Như thế mới đúng là kiệm. Tiết kiệm phải kiên quyết chống xa xỉ, ... Vì vậy, xa xỉ có tội với Tổ quốc, với đồng bào*”²³. Bác coi tiết kiệm là một nghệ thuật quan trọng của đời sống xã hội. Bác nhấn mạnh phải tiết kiệm sức lao động: “*một người làm bằng hai, ba người*”²⁴; tiết kiệm thời gian: “*Làm việc phải đến đúng giờ, chớ đến trễ, về sớm. Làm cho chóng, cho chu đáo. Việc ngày nào, nên làm xong ngày ấy, chớ để chờ ngày mai. Phải nhớ rằng: Dân đã lấy tiền mồ hôi nước mắt để trả lương cho ta trong những thì giờ đó. Ai lười biếng tức là lừa gạt dân*”²⁵. Bác yêu cầu Chính phủ phải tiết kiệm tiền của, tiết kiệm sức dân, tiết kiệm xương máu của bộ đội, chiến sỹ và nhân dân: “*Phải biết quý trọng sức người là vốn quý nhất của ta. Chúng ta cần hết lòng chăm sóc sức khỏe và sử dụng thật hợp lý sức lao động của nhân dân ta*”²⁶, “*Của cải hết, có thể lại làm ra; thời giờ qua, thời giờ lại đến. Nhưng bộ đội hy sinh là hy sinh xương máu, có khi hy sinh cả tính mệnh*”²⁷ nên “*phải giữ gìn từng giọt máu của đồng bào để xây đắp tương lai của Tổ quốc*”²⁸. Hay tiết kiệm lời nói: “*nói ít, làm nhiều*”²⁹, “*bắt đầu bằng hành động*”³⁰.

Trong các giai đoạn cách mạng, Đảng, Nhà nước ta đặc biệt quan tâm vấn đề thực hành tiết kiệm, coi đây là quốc sách hàng đầu. Trong chiến tranh, dưới sự lãnh

²² Xem thêm: Vũ Ngọc Phan, Tục ngữ ca dao, dân ca Việt Nam, NXB Văn học, 1996; Phúc Hải, Tuyển chọn tục ngữ ca dao dân ca Việt Nam, NXB Thời đại, 2014; Mai Khanh, Thành ngữ - tục ngữ, ca dao - dân ca Việt Nam, NXB Văn học, 2022...

²³ Sđd, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 6, tr.122-124.

²⁴ Sđd, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 4, tr.181.

²⁵ Sđd, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5, tr.122.

²⁶ Sđd, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 13, tr.70.

²⁷ Sđd, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 7, tr.335.

²⁸ Sđd, tập 4, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tr.229.

²⁹ Sđd, tập 5, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tr.217.

³⁰ Sđd, tập 3, Hồ Chí Minh, Toàn tập, tr.457.

đạo của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh, với sự đi đầu nêu gương của Bác, của cán bộ, đảng viên, việc chi tiêu hợp lý, thực hành tiết kiệm, mỗi người dân đều thắt lưng buộc bụng, nhịn ăn, nhịn mặc, hy sinh mọi quyền lợi vật chất cá nhân để dồn sức cho tiền tuyến, giúp tập trung nguồn lực giải phóng đất nước. Bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta đã có nhiều chủ trương, ban hành nhiều Chỉ thị về vấn đề này, như Chỉ thị số 21-CT/TW, ngày 21/12/2012 của Ban Bí thư khóa XI về việc đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị số 27-CT/TW, ngày 25/12/2023 của Bộ Chính trị khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị khóa XIII về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh xác định rõ “*Tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền sâu rộng... các quan điểm và tám gương đạo đức Hồ Chí Minh về:.... cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư*”; Quy định số 37-QĐ/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm, không cho phép đảng viên “*Tổ chức việc cưới, việc tang và các sự kiện khác của cá nhân, gia đình xa hoa, lãng phí hoặc nhằm mục đích vụ lợi*”. Thể chế hóa chủ trương của Đảng, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa X đã ban hành Pháp lệnh về việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 1998; được Quốc hội khóa XI nâng lên thành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2005 và được Quốc hội khóa XIII sửa đổi, bổ sung ban hành Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013; Hiến pháp năm 2013 cũng hiến định “*Cơ quan, tổ chức, cá nhân phải thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng, chống tham nhũng trong hoạt động kinh tế - xã hội và quản lý nhà nước*” (Điều 56); hàng năm và theo giai đoạn, Chính phủ đều ban hành Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, thực hành tiết kiệm trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Các tổ chức, cá nhân, nhất là cán bộ, đảng viên đã chú trọng thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên, nâng cao vai trò của người đứng đầu trong thực hành tiết kiệm. Một số cơ quan, đơn vị khi tổ chức đại hội hay các dịp kỷ niệm ngày thành lập đã có văn bản thông báo “*thực hành tiết kiệm, không nhận hoa chúc mừng*”. Nhiều hội nghị sơ kết, tổng kết đã được các cấp, các ngành tổ chức theo hướng ngắn gọn, đơn giản, tiết kiệm thời gian, không sử dụng tài liệu giấy, tổ chức họp trực tuyến để tiết kiệm chi phí. Việc sử dụng xe chung cho cán bộ cấp cao trong các chuyến công tác cũng được triển khai ở nhiều nơi. Tình trạng đất bị bỏ hoang, quy hoạch “*treo*” từng bước được khắc phục. Quản lý, sử dụng trụ sở làm việc cơ bản đã thực hiện đúng mục đích và định mức, tiêu chuẩn. Nhiều doanh nghiệp tăng cường quản lý các định mức liên quan đến chi phí sản xuất, nhất là các chi phí gián tiếp để hạ giá thành sản phẩm; cắt giảm chi phí sản xuất kinh doanh, tăng cường

quản lý định mức tiêu hao để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, từ cuối năm 2024 đến nay, thực hiện các kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã lãnh đạo, chỉ đạo cơ bản hoàn thành việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc ở cấp Trung ương và địa phương; qua đó tinh giảm đầu mối, tiết kiệm chi phí, tạo điều kiện để thực hiện ngay chủ trương miễn giảm học phí cho học sinh. Ngoài ra, theo tính toán sơ bộ, khi thực hiện chủ trương mà Hội nghị Trung ương 11 khóa XIII đã thống nhất về sáp nhập tỉnh, không tổ chức cấp huyện và sáp nhập cấp xã, riêng tiết kiệm chi thường xuyên hàng năm, theo tính toán sơ bộ, khoản tiết kiệm của chi thường xuyên của ngân sách nhà nước giai đoạn 2025 - 2030 là hơn 20.000 tỷ đồng/năm; giai đoạn 2030 trở đi mỗi năm tiết kiệm trên 30.000 tỷ đồng. Đó là chúng ta chưa tính giá trị cụ thể của hơn 18.500 trụ sở các cơ quan, đơn vị không còn chức năng “*công sở*” khi triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Bên cạnh kết quả, việc thực hành tiết kiệm vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, đạt hiệu quả rất thấp. Các chủ trương, chính sách tiết kiệm chưa thật sự phát huy hiệu quả; sự lãng phí, thất thoát tài sản, ngân sách nhà nước đã và đang diễn ra trên phạm vi rộng gây nhiều hệ lụy nghiêm trọng. Thực hành tiết kiệm chưa thành nề nếp thường xuyên; tiết kiệm chưa trở thành ý thức thường trực của một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân. Lãng phí không chỉ tồn tại ở các cơ quan Nhà nước mà ngay trong hoạt động xã hội của người dân. Xu hướng sinh dùng hàng ngoại, hàng xa xỉ, hàng hiệu, tặng quà biếu với giá trị lớn; tâm lý hưởng thụ của một bộ phận người dân, nhất là lớp trẻ, trong khi thu nhập bình quân của cả nước mới vượt qua ngưỡng thu nhập trung bình, năng suất lao động thấp,... là những biểu hiện đáng lo ngại của việc thực hành tiết kiệm. Bên cạnh những cán bộ, đảng viên luôn nêu cao tính đảng, gương mẫu, đi đầu trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, có tinh thần trách nhiệm cao trong quản lý, sử dụng, tiết kiệm tài sản công, không rơi vào “*vòng xoáy*” của quyền lực, tiền tài, xa hoa, hưởng thụ,... vẫn còn một bộ phận không ít cán bộ, đảng viên, trong đó có cả người đứng đầu, thiếu tinh thần trách nhiệm, thích hưởng thụ, thích vật chất, gây thất thoát kinh phí, tài sản, lãng phí trong tiêu dùng, sử dụng công quỹ cho chi tiêu cá nhân, nhóm lợi ích.

Nguyên nhân chủ yếu của những tồn tại, hạn chế nêu trên là do ý thức trách nhiệm, sự quyết tâm của một số cơ quan, tổ chức và cá nhân chưa cao, chưa thường xuyên, thiếu quyết liệt, cơ chế chính sách, nội quy, qui định chưa đầy đủ, rõ ràng, nhiều kẽ hở. Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí có lúc, có nơi còn hình thức, chiếu lệ. Một số bộ, ngành, địa phương chưa thực sự tự giác trong việc xây dựng các giải pháp để triển khai việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong lĩnh vực, phạm vi được giao quản lý. Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chưa thật sự đi vào thực tiễn cuộc sống, các quy định còn chung chung, dẫn đến chưa có cơ chế, biện pháp hiệu quả trong triển khai. Chương trình thực hành tiết kiệm,

chống lãng phí còn mang tính hình thức, chưa đi vào thực tế cuộc sống của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương, mỗi gia đình và từng cá nhân, chưa đưa ra được các mục tiêu, chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể. Nhiều lãng phí, sai phạm đã được phát hiện nhưng chậm được xử lý; chưa kịp thời tuyên dương, khen thưởng người thực hiện tiết kiệm hoặc phát hiện lãng phí khiến việc tuân thủ pháp luật chưa nghiêm. Công tác thanh tra, kiểm tra về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại các cấp, các ngành hiệu quả chưa cao.

Hội nghị Trung ương 11 khóa XIII đã thống nhất rất cao những quyết sách lịch sử, trong đó, tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, sáp nhập một số tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập xã, tạo tiền đề tạo chuyển biến căn bản trong thực hành tiết kiệm ở nước ta trong giai đoạn mới. Để đạt yêu cầu cao nhất trong giai đoạn cách mạng mới mà Hội nghị Trung ương 11 đã thống nhất, đó là *“phát triển chất lượng cao, phát triển nhanh và phát triển bền vững”*, *“chủ động, tự cường và tự chủ trong phát triển”* nhằm đạt mục tiêu cao nhất *“ổn định, phát triển và nâng cao đời sống của Nhân dân”*, thực hiện thắng lợi hai mục tiêu 100 năm, cùng với sắp xếp tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, cần tập trung thực hiện tốt một số vấn đề, sau đây:

Thứ nhất, thống nhất nhận thức, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là một trong những giải pháp căn cơ nhất để đất nước vượt qua mọi bão giông trong bối cảnh tình hình quốc tế có nhiều biến động, tác động trực tiếp, nhiều mặt đến phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an sinh. Thực tế lịch sử đã chứng minh, tiết kiệm là một trong những yếu tố then chốt tạo ra tiềm lực to lớn để toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta, dù là một đất nước nghèo nàn về kinh tế, cuộc sống vật chất của người dân khó khăn, thậm chí trong hoàn cảnh *“giặc đói”* hoành hành, nhưng chúng ta vẫn *“thắt lưng buộc bụng”*, dồn sức cho kháng chiến, dành cơm gạo cho chiến trường và đã đánh thắng bọn thực dân, đế quốc xâm lược hùng mạnh, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Trước những khó khăn, thách thức mới, với truyền thống kiên cường, bất khuất, với sự đồng tâm hiệp lực của cả hệ thống chính trị, toàn dân, phát huy cao độ việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sẽ tạo nguồn sức mạnh nội sinh, nội lực to lớn thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế, giúp đất nước vững vàng tiến lên, đạt các mục tiêu chiến lược, đồng thời chăm lo tốt hơn cho đời sống người dân. Do vậy, mọi công dân và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp cần có kế hoạch cụ thể, thực hiện thu-chi hợp lý; cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý phải gương mẫu, vận động gia đình, nhân dân tích cực tham gia; mọi ngành, mọi nghề, mọi nhà, mọi người đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động sản xuất, triệt để thực hành tiết kiệm, hạn chế tới mức thấp nhất sự lãng phí cả về thời gian, tiền bạc, của cải, sức lực.

Thứ hai, triển khai mạnh mẽ các giải pháp căn bản nhằm tạo chuyển biến thực chất trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trọng tâm là: (i) Tập trung hoàn thiện thể chế, tạo cơ sở khắc phục triệt để những lãng phí do thể chế gây ra, xóa bỏ những rào cản, khó khăn, vướng mắc cản trở phát triển, khơi thông các điểm nghẽn tạo nền tảng cho phát triển, nhất là các vấn đề liên quan đến đầu thầu, ngân sách, đầu tư công, kinh tế tư nhân, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và cuộc Cách mạng về sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị. Sớm nghiên cứu, sửa đổi bổ sung Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo cơ sở chính trị pháp lý toàn diện, vững chắc cho thực hành tiết kiệm ở mọi ngành, mọi nghề, mọi cán bộ, đảng viên và người dân. (ii) Cắt giảm tối đa thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ, tạo thuận lợi cao nhất cho người dân và doanh nghiệp; chuyển từ tiền kiểm sang hậu kiểm, xóa bỏ cơ chế “xin - cho”; phân cấp, phân quyền cho cơ quan, địa phương có thẩm quyền giải quyết và chịu trách nhiệm. Trong năm 2025, đảm bảo 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp được thực hiện trực tuyến, thông suốt, hiệu quả; 100% thủ tục hành chính không bị giới hạn bởi địa giới hành chính cấp tỉnh. (iii) Sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh, gọn, mạnh, muốn hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, yếu tố rất căn cốt đó là phải tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ có kiến thức, kỹ năng, thái độ làm việc đúng đắn để đạt hiệu quả cao nhất ở mỗi lĩnh vực mà họ đảm trách. Trong đó, kỹ năng quản lý, thực thi nhiệm vụ; sự say mê, nhiệt huyết và trách nhiệm trong mỗi công việc, mỗi nhiệm vụ được giao; văn hóa chuẩn mực trong giao tiếp, ứng xử, ý thức chủ động tiết kiệm,... là những yêu cầu đặt ra đối với cán bộ trong tổ chức bộ máy mới. (iv) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính nhà nước gắn với huy động các nguồn lực xã hội và sắp xếp, tinh gọn bộ máy. Tăng cường quản lý, sử dụng tài sản công, đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, tập trung vào việc sắp xếp, xử lý tài sản, đặc biệt là nhà, đất gắn với việc sắp xếp, tổ chức tinh gọn bộ máy. Kiên quyết triệt để tiết kiệm các khoản chi chưa thực sự cần thiết để bảo đảm nguồn lực cho phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, bổ sung vốn đầu tư phát triển và phát triển kinh tế; phấn đấu tăng cao hơn nữa tỷ lệ chi đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, hỗ trợ kinh tế tư nhân phát triển. (v) Tạo hành lang pháp lý, nguồn lực để kinh tế tư nhân phát triển, thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội, tạo điều kiện để mọi người dân đều có cơ hội đóng góp, tăng năng suất lao động, làm giàu cho bản thân, gia đình và xã hội.

Thứ ba, xây dựng văn hóa tiết kiệm; đưa thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trở thành “tự giác”, “tự nguyện”, “com ăn nước uống, áo mặc hàng ngày”. Nghiên cứu phát động và duy trì thường niên “Ngày toàn dân thực hành tiết kiệm” để thúc đẩy, lan tỏa phong trào toàn xã hội nêu cao ý thức thực hành tiết kiệm. Đẩy mạnh

cuộc vận động “*Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”; kịp thời khen thưởng, biểu dương những tấm gương cán bộ, chiến sỹ, người dân có những sáng kiến trong công tác, phát triển kinh tế mang lại hiệu quả thiết thực trong thực hành tiết kiệm, có hình thức xử lý nghiêm đối với những tập thể, cá nhân, trước hết là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong hệ thống chính trị, đảng viên chưa thực hiện đầy đủ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tiếp tục đẩy mạnh đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lầy dầy là một trong những giải pháp căn cơ góp phần xây dựng văn hoá tiết kiệm.

Trong Báo cáo trước Đại hội lần thứ IV của Quốc tế Cộng sản, V.I. Lênin nhấn mạnh “*Dù sao, chúng tôi cũng phải tinh giản bộ máy nhà nước đó, phải hết sức tiết kiệm, càng nhiều càng tốt. Chúng tôi tiết kiệm về mọi mặt, đến cả những chi phí về trường học. Phải làm như thế vì chúng tôi biết rằng, nếu không cứu vãn được công nghiệp nặng, nếu không khôi phục được công nghiệp nặng, thì chúng tôi sẽ không thể xây dựng được công nghiệp nào cả, và nếu không có công nghiệp, thì nói chung, chúng tôi sẽ diệt vong, không còn là một nước độc lập nữa*”³¹; Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu nhấn mạnh “*Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, tiết kiệm là một chính sách lớn, một đạo đức lớn, một nếp làm việc và nếp sống không bao giờ được lơ là*”³²; để đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên mới và thành công, nhất định toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải ra sức thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

SỨC MẠNH CỦA ĐOÀN KẾT³³

“*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công*”- Câu nói bất hủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh từ giữa thế kỷ XX đến nay vẫn vẹn nguyên giá trị thời sự. Sức mạnh của tinh thần đoàn kết không chỉ là bài học được đúc kết từ thực tiễn cuộc sống ngàn đời của nhân loại, mà còn là cội nguồn làm nên những thành tựu vĩ đại của xã hội loài người. Điều này đặc biệt đúng trong lịch sử cách mạng Việt Nam gần một thế kỷ qua. Trong giai đoạn hiện nay, khi cả nước đã và đang thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức của hệ thống chính trị; sáp nhập các đơn vị hành chính, “*sắp xếp lại giang sơn*”, tổ chức không gian phát triển bền vững cho đất nước, tinh thần đoàn kết càng phải được phát huy mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Với tầm nhìn chiến lược và bản lĩnh lãnh đạo của Đảng, chúng ta kiên quyết giữ vững và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, coi đó là “*mạch nguồn*”, là “*sợi chỉ đỏ*” xuyên suốt, bảo đảm mọi đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước được thực hiện triệt để, nhất quán, hiệu quả, đáp ứng tốt nhất mọi nguyện vọng chính đáng của Nhân dân.

³¹ Sđd, V.I. Lênin, Toàn tập, NXB CTQG-ST, H.2005, tập 45, tr.333-334.

³² Báo Nhân dân, số 2149 ngày 05/02/1960, tr.2.

³³ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 29/6/2025, https://special.nhandan.vn/Suc_manh_cua_doan_ket/index.html

Đoàn kết - chân lý của mọi thời đại

Từ thuở bình minh của nhân loại, tinh thần cộng đồng và đoàn kết đã là yếu tố sống còn để xã hội loài người tồn tại và phát triển. Ông cha ta đúc kết trong tục ngữ: *“Một cây làm chẳng nên non, ba cây chụm lại nên hòn núi cao”*. Sức mạnh tập thể luôn lớn hơn tổng sức mạnh của từng cá nhân; *“bó đũa”* bao giờ cũng vững chắc hơn *“đôi đũa”*. Khi con người biết hợp quần, đoàn kết, chung sức đồng lòng, thì sức mạnh tính theo cấp số nhân vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm. Lịch sử các dân tộc trên thế giới cho thấy một cộng đồng gắn bó bền chặt sẽ đủ sức chiến thắng thiên tai địch họa, còn chia rẽ phân ly chỉ chuốc lấy suy vong. Chính vì lẽ đó, thông điệp *“đoàn kết là sức mạnh”* trở thành chân lý phổ quát, được lưu truyền ở mọi chế độ xã hội suốt hàng nghìn năm nay.

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, tinh thần đoàn kết lại càng được thể hiện rõ và trở thành một truyền thống quý báu. Từ thời Văn Lang, Âu Lạc tới các triều đại Đinh - Lê - Lý - Trần cho tới ngày nay, sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc luôn được đề cao. Xã hội phát triển, non sông bờ cõi bền vững, mở mang cũng do sức mạnh đoàn kết mà có. Nguyễn Trãi từng tổng kết: *“Đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”*, *“Thuyền bị lật, mới tin rằng dân như nước”*, *“Trống sỹ một lòng phụ tử/ Hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”*. Bài học lịch sử ấy thấm sâu vào tư tưởng ông cha: *“Để trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong”*. Khi lòng dân đồng thuận, trên dưới một lòng, thì không thế lực ngoại xâm nào khuất phục nổi dân tộc ta.

Đặc biệt, từ khi có Đảng Cộng sản lãnh đạo, truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc càng được nâng lên tầm cao mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người kế thừa xuất sắc tinh thần *“nước lấy dân làm gốc”* của dân tộc, đồng thời vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, xây dựng khối liên minh công-nông-trí thức và Mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. Người khẳng định: *“Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta. Đoàn kết chặt chẽ, thì chúng ta nhất định có thể khắc phục mọi khó khăn, phát triển mọi thuận lợi và làm tròn mọi nhiệm vụ nhân dân giao phó cho chúng ta”*. Lịch sử cách mạng Việt Nam đã chứng minh lời dạy ấy: Khi nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do; trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì sẽ bị xâm lấn. Từ Cách mạng Tháng Tám 1945 đến Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954, rồi Đại thắng Mùa Xuân 1975 cho tới hiện nay, tất cả những mốc son chói lọi đó đều là kết tinh của sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc – từ lòng yêu nước nồng nàn đến ý chí *“thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ”*. Chính sức mạnh nhân dân, sự đồng tâm hiệp lực của hàng triệu con người Việt Nam yêu nước, đã làm nên kỳ tích đánh bại những đế quốc hùng mạnh bậc nhất thế giới trong thế kỷ XX. Chúng ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày hôm nay phần nhiều do sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc bồi đắp nên.

Trái lại, lịch sử cũng không thiếu những bài học đau xót về mất đoàn kết dẫn đến thất bại. Cuộc đấu tranh chống thực dân cuối thế kỷ XIX của nhân dân ta đã thất bại có nguyên nhân sâu xa là cả nước không đoàn kết được thành một khối thống nhất. Nhiều cuộc khởi nghĩa anh dũng rốt cuộc bị dập tắt vì thiếu sự phối hợp, đồng lòng giữa các lực lượng và lãnh tụ đương thời. Bài học “*chia rẽ thì chết*” luôn nhắc nhở: chỉ một mâu thuẫn, phân biệt nội bộ cũng đủ làm suy yếu sức mạnh chung, tạo kẽ hở để kẻ thù “*chia để trị*”. Sự sụp đổ của một số đảng phái và chế độ trên thế giới cũng cho thấy: khi đoàn kết trong Đảng và trong xã hội bị phá vỡ, khi lợi ích nhóm hay tư tưởng cục bộ lấn át mục tiêu chung, thì thất bại là điều khó tránh khỏi. Ngược lại, đoàn kết chặt chẽ chính là “*lực lượng vô địch*” tạo nên sức mạnh vô song giúp chúng ta khắc phục mọi khó khăn, giành lấy thắng lợi vẻ vang.

Từ những thành bại trong lịch sử, có thể rút ra chân lý: Đoàn kết là vấn đề sống còn, quyết định thành bại của cách mạng. Nhờ đoàn kết, chúng ta biến nguy thành an, hóa giải được mọi âm mưu “*chia rẽ, phá hoại*” của kẻ thù. Ngược lại, mất đoàn kết dù chỉ cục bộ cũng làm suy yếu sức mạnh, thậm chí tiêu tan thành quả cách mạng. Vì vậy, xây dựng và giữ gìn đoàn kết luôn phải là mối quan tâm hàng đầu của mọi tổ chức cách mạng chân chính.

Đoàn kết là chiến lược xuyên suốt của Đảng

Ngay từ khi ra đời, Đảng Cộng sản Việt Nam đã kiên định đường lối đại đoàn kết toàn dân tộc, coi đó vừa là mục tiêu vừa là nguồn sức mạnh quyết định thắng lợi sự nghiệp cách mạng. Đảng luôn xác định giữ vững đoàn kết nội bộ là nguyên tắc sống còn trong công tác xây dựng Đảng. Trong suốt tiến trình cách mạng, Đảng ta đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị nhằm củng cố và phát huy sức mạnh đoàn kết. Ngay từ năm 1943, Đảng đã đề ra Đề cương văn hóa Việt Nam với ba nguyên tắc vận động, trong đó có “*đại chúng hóa*” - tức mọi việc phải vì lợi ích đại chúng, quy tụ được đông đảo quần chúng tham gia. Ngày 03/02/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bài viết “*Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân*” đã cảnh báo thói bè phái, địa phương chủ nghĩa là kẻ thù của đoàn kết, cần kiên quyết quét sạch. Trước lúc đi xa, trong *Di chúc* (1969), Người tha thiết căn dặn Đảng ta phải giữ gìn sự đoàn kết thống nhất như giữ gìn con người của mắt mình. Thực hiện lời dạy đó, Đảng xác định giữ vững đoàn kết nội bộ là nguyên tắc sống còn, là yêu cầu hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng. Sức mạnh của một dân tộc chính là sự đoàn kết, thống nhất giữa chính quyền và người dân.

Đảng ta đã ban hành những nghị quyết chuyên đề về phát huy sức mạnh đại đoàn kết. Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX số 23-NQ/TW (2003) lần đầu đề ra nhiệm vụ “*phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*”. Sau 20 năm, đến Hội nghị Trung ương 8 khóa XIII (năm 2023), Đảng tiếp tục ban hành Nghị quyết 43-NQ/TW (2023) về tăng cường truyền thống và sức mạnh đại đoàn kết trong giai đoạn mới. Nghị quyết

43 một lần nữa khẳng định: Đại đoàn kết toàn dân tộc là truyền thống quý báu, là đường lối chiến lược xuyên suốt của Đảng; là nguồn sức mạnh to lớn, nhân tố quyết định mọi thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết cũng chỉ ra rằng đoàn kết trong Đảng chính là hạt nhân để xây dựng đoàn kết trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội: trước hết nội bộ Đảng, từ Trung ương đến cơ sở, phải thật sự thống nhất ý chí và hành động; mỗi cán bộ, đảng viên đặt lợi ích chung lên trên hết, chấp hành nghiêm kỷ luật, ngăn chặn mọi biểu hiện bè phái, “*lợi ích nhóm*” gây tổn hại đoàn kết.

Đòi hỏi tất yếu của đổi mới

Đất nước ta đang tiến hành quyết liệt chủ trương đổi mới mà Đảng ta đã đề ra từ Đại hội lần thứ VI, cải cách mạnh mẽ tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; sắp xếp lại đơn vị hành chính các cấp và triển khai vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Mục tiêu là tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, quản trị nhà nước, đồng thời thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ hơn cho địa phương. Mô hình này không chỉ cắt bỏ cấp trung gian không cần thiết, mà điều quan trọng hơn là tổ chức lại không gian cho phát triển bền vững, để chính quyền gần dân, sát dân, vì dân, phục vụ Nhân dân được tốt hơn; Trung ương cũng phân định rõ thẩm quyền và trao quyền chủ động nhiều hơn cho chính quyền địa phương để mỗi nơi năng động, sáng tạo, phát triển phù hợp thực tiễn.

Từ Trung ương đến địa phương đều đang vào cuộc quyết liệt, đồng bộ với mục tiêu kép: vừa tinh gọn bộ máy, vừa nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân tốt hơn, để đời sống Nhân dân không ngừng được cải thiện. Tuy nhiên, việc tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; sắp xếp lại đơn vị hành chính cũng tác động, ảnh hưởng đến một bộ phận cán bộ, đảng viên, công chức,... điều đó đòi hỏi sự công minh, đồng thuận và quyết tâm chính trị rất cao và đặc biệt là sự hy sinh lợi ích cá nhân. Nếu thiếu đoàn kết thống nhất từ trên xuống dưới, quá trình thực hiện sẽ rất dễ phát sinh vướng mắc, bất cập. Do đó, đoàn kết trong toàn hệ thống chính trị chính là chìa khóa thành công của cải cách này. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương để kịp thời tháo gỡ khó khăn; sự đồng lòng của đội ngũ cán bộ, công chức và Nhân dân sẽ tạo nền tảng ổn định triển khai hiệu quả mô hình mới. Chưa bao giờ yêu cầu “*trên dưới đồng lòng, dọc ngang thông suốt*” trong bộ máy của hệ thống chính trị lại quan trọng như lúc này.

Trong quá trình sắp xếp, tổ chức lại bộ máy, việc thiếu đoàn kết có thể làm nảy sinh nhiều thách thức và nguy cơ chia rẽ. Trước hết là lo ngại trong đội ngũ cán bộ, bởi khi sáp nhập, một số người sẽ mất vị trí hoặc phải chuyển đổi công tác. Nếu không có những chính sách rõ ràng và hợp lý dành cho số cán bộ bị ảnh hưởng do quá trình tổ chức lại hệ thống, rất dễ phát sinh tâm lý tiêu cực, trạng thái “*bằng mặt không bằng lòng*”, gây mất đoàn kết nội bộ. Bên cạnh đó, tâm lý cục bộ

địa phương cũng là một vấn đề đáng lưu ý, bởi mỗi cá nhân đều có tình cảm đặc biệt và niềm tự hào với quê hương, bản quán hay nơi mình đã từng gắn bó. Khi sáp nhập địa phương, những băn khoăn về tên gọi mới, vị trí trụ sở, hay việc phân bổ nhân sự dễ tạo nên tâm lý so sánh thiệt hơn, cản trở quá trình hợp nhất. Thêm vào đó, khác biệt về văn hóa, tập quán và trình độ phát triển giữa các đơn vị hành chính cũng đặt ra thách thức lớn. Việc sáp nhập giữa tỉnh miền núi với tỉnh đồng bằng, hay giữa tỉnh “giàu” với tỉnh “nghèo” đòi hỏi đội ngũ lãnh đạo phải thực sự công tâm và có tầm nhìn, nhằm bảo đảm cân đối nguồn lực và hài hòa lợi ích phát triển. Thiếu công bằng trong phân bổ nguồn lực rất dễ dẫn tới bất bình đẳng vùng miền, làm rạn nứt khối đoàn kết chung. Trong khi đó, các thế lực thù địch luôn sẵn sàng lợi dụng những khó khăn này để tung tin xuyên tạc, gây chia rẽ giữa Đảng, chính quyền với nhân dân. Nếu cán bộ, đảng viên và nhân dân thiếu cảnh giác sẽ mắc phải những âm mưu chống phá đó, làm ảnh hưởng lớn đến mục tiêu sắp xếp bộ máy và ổn định, phát triển đất nước.

Tóm lại, thiếu đoàn kết, đồng thuận sẽ làm chệch hướng hoặc kìm hãm hiệu quả vận hành bộ máy. Bởi vậy, giữ gìn đoàn kết chính là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu - là điều kiện tiên quyết để mọi công việc cải cách khác diễn ra thuận lợi. Để giữ gìn và củng cố đoàn kết trong không gian phát triển mới, cần triển khai đồng bộ một số giải pháp quan trọng sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo thống nhất. Trong giai đoạn sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị, vai trò lãnh đạo tập trung từ Trung ương đến địa phương phải được duy trì và phát huy cao độ. Các cấp ủy, chính quyền cần bảo đảm sự thống nhất trong triển khai các nghị quyết, kết luận, chỉ thị, hướng dẫn của Trung ương, tránh tình trạng cục bộ, tự ý làm trái quy định chung. Đồng thời, cần phát huy tối đa vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong việc tập hợp, vận động Nhân dân, tạo sự đồng thuận sâu rộng. Mọi chủ trương, chính sách khi xây dựng và thực hiện đều phải đặt lợi ích của nhân dân làm trung tâm, gắn kết chặt chẽ mối quan hệ giữa Đảng với Nhân dân, làm sao để nhân dân hiểu, tin tưởng, đồng tình và tích cực ủng hộ.

Hai là, đề cao trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo. Mỗi cán bộ, đảng viên phải thực sự là tấm gương về giữ gìn đoàn kết nội bộ, luôn đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân. Việc sắp xếp, bố trí cán bộ sau sáp nhập phải được tiến hành một cách công khai, minh bạch, bảo đảm công bằng, đúng tiêu chí, kiên quyết đấu tranh với các biểu hiện bè phái, “*lợi ích nhóm*”, hay tư tưởng cục bộ vùng miền. Song song với đó, kỷ luật hành chính cần được tăng cường mạnh mẽ nhằm ngăn ngừa và chấn chỉnh kịp thời những biểu hiện tiêu cực, trì trệ trong thời gian chuyển tiếp. Đặc biệt, phải thường xuyên biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tập thể hy sinh lợi ích riêng vì đại cục, tạo động lực và lan tỏa tinh thần đoàn kết, vì lợi ích chung trong toàn hệ thống.

Ba là, tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật nhằm bảo đảm hài hòa lợi ích và công bằng xã hội, góp phần củng cố đoàn kết trong quá trình tái cơ cấu. Cần tiếp tục xây dựng, ban hành và thực thi các chính sách hỗ trợ hợp lý, thiết thực đối với các địa phương và cán bộ chịu tác động trực tiếp từ quá trình sáp nhập, từ các chính sách hỗ trợ tài chính, phụ cấp, động viên, khen thưởng, khuyến khích,... đến công tác an sinh xã hội, đầu tư hạ tầng cho các địa phương mới sáp nhập. Ngoài ra, cần rà soát, chỉnh sửa và bổ sung kịp thời các quy định pháp luật liên quan, bảo đảm tính đồng bộ, rõ ràng và dễ thực hiện, giảm tối đa các vướng mắc pháp lý. Công tác giám sát, kiểm tra việc thực thi các quy định pháp luật phải được tăng cường, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm nhằm giữ vững kỷ cương phép nước, tạo dựng niềm tin và sự đồng thuận rộng rãi trong Nhân dân.

Bốn là, đẩy mạnh công tác tư tưởng, tuyên truyền sâu rộng trong toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về ý nghĩa, lợi ích của việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, giúp mọi người hiểu rõ đây là chủ trương đúng đắn, cần thiết và có lợi cho phát triển lâu dài của đất nước, từ đó đồng lòng, tự giác thực hiện. Việc tuyên truyền cần kết hợp hiệu quả giữa giáo dục lịch sử, truyền thống đoàn kết toàn dân tộc với việc giải thích rõ ràng các chủ trương cụ thể, minh bạch thông tin về lộ trình và các vấn đề nhân sự, tài chính liên quan đến sáp nhập. Đồng thời, phải chủ động đấu tranh, phản bác những luận điệu sai trái, xuyên tạc của các thế lực thù địch, ngăn chặn kịp thời những tin đồn gây mất ổn định xã hội. Đặc biệt, cần tăng cường đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo với nhân dân, giúp giải tỏa những băn khoăn, nghi ngờ, củng cố vững chắc niềm tin và sự đoàn kết trong toàn xã hội.

Năm là, phát huy mạnh mẽ “*tinh Đảng*” và bản lĩnh chính trị trong mỗi tổ chức Đảng và từng đảng viên. Mọi cán bộ, đảng viên cần phải kiên định đặt lợi ích chung của đất nước, của Đảng lên trên hết, chấp hành nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ và kỷ luật Đảng. Những ý kiến khác biệt trong nội bộ cần được đưa ra thảo luận dân chủ, thẳng thắn và xây dựng; sau khi đã thống nhất thì phải đoàn kết, nghiêm túc thực hiện, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng bè phái, cục bộ địa phương, gây rạn nứt đoàn kết nội bộ. Người đứng đầu các tổ chức Đảng phải là trung tâm đoàn kết, là hạt nhân gương mẫu trong việc giải quyết hài hòa các mâu thuẫn phát sinh, đồng thời luôn cảnh giác cao độ và kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ, phá hoại của các thế lực thù địch. Chỉ khi thống nhất về tư tưởng và hành động từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, khối đoàn kết toàn Đảng và toàn dân mới thực sự vững chắc, tạo nên sức mạnh để hoàn thành tốt nhiệm vụ sắp xếp lại bộ máy, đưa đất nước bước vào một giai đoạn phát triển mới.

Đoàn kết đã, đang và sẽ mãi là sức mạnh vô địch của cách mạng Việt Nam. Trong giai đoạn chuyển mình sắp xếp lại bộ máy đầy thách thức hiện nay, tinh thần ấy càng phải được quán triệt sâu sắc và phát huy cao độ. Lịch sử giao cho chúng ta nhiệm vụ hết sức quan trọng là kiến tạo một bộ máy tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả,

đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh, bền vững của đất nước trong thời kỳ mới. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, không có “vũ khí” nào lợi hại và hiệu quả hơn sự đồng tâm nhất trí của cả hệ thống chính trị và sự ủng hộ của toàn dân. Như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đúc kết: “*Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết - Thành công, thành công, đại thành công!*”.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, với bản lĩnh và trí tuệ tập thể cùng truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc vững chắc, công cuộc tinh gọn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; sắp xếp lại đơn vị hành chính và vận hành chính quyền địa phương hai cấp nhất định sẽ đạt được kết quả tốt đẹp, tạo tiền đề đưa đất nước bước vào giai đoạn phát triển mới như Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã đề ra. Sức mạnh của đoàn kết một lần nữa sẽ giúp chúng ta vượt qua mọi trở ngại, biến thách thức thành cơ hội, đưa đất nước vững vàng tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên phồn vinh, thịnh vượng, hội nhập và phát triển bền vững vì cuộc sống ấm no, hạnh phúc của Nhân dân.

VIỆT NAM VỮNG BƯỚC TIẾN VÀO KỶ NGUYÊN MỚI VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC³⁴

1. Hơn 95 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta, dân tộc ta đã vượt qua biết bao khó khăn, gian khổ, muôn vàn hy sinh, mất mát để giành những thắng lợi vô cùng vẻ vang, vĩ đại. Đặc biệt, sau gần 40 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử. Từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá, bị bao vây, cô lập, đến nay Việt Nam đã trở thành nước đang phát triển, có thu nhập trung bình, quốc phòng, an ninh vững chắc, hội nhập ngày càng sâu, rộng vào nền chính trị thế giới, nền kinh tế toàn cầu, nền văn minh nhân loại; đảm nhiệm trọng trách, phát huy tích cực vai trò tại nhiều tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng. Một Việt Nam ổn định, phát triển ngày càng bền vững, đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao; chủ động, có trách nhiệm, tin cậy, chân thành trong quan hệ quốc tế, đã trở thành biểu tượng của hòa bình, hữu nghị, hình mẫu cho sự phát triển của nhiều quốc gia trên thế giới. Đây là những tiền đề để đất nước ta vững tin tiến vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, bắt đầu từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Kỷ nguyên mới với các định hướng chiến lược lớn của Đảng, tạo sự phát triển vượt bậc, bứt phá, tăng tốc trên tất cả các lĩnh vực, hiện thực hóa khát vọng xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu; mọi người dân đều

³⁴ Nguồn: Báo Nhân dân điện tử, cập nhật ngày 02/7/2025, <https://nhandan.vn/special/viet-nam-vung-tien-va-ky-nguyen-moi/index.html>

có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hòa bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. Để đạt được mục tiêu đưa dân tộc tới tương lai rạng ngời, Đảng ta không ngừng tự đổi mới phương thức, nâng cao năng lực và sức chiến đấu, xây dựng Đảng thực sự là đạo đức, là văn minh với sứ mệnh cao cả, người cầm lái vĩ đại lãnh đạo Nhà nước và xã hội. Xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Đổi mới mạnh mẽ cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ; khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự lực, tự cường, tự tin, tự chủ, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước của con người Việt Nam, nhất là thế hệ trẻ; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; chăm lo xây dựng, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hệ thống chính trị với sự đồng thuận, nhất trí cao đang quyết tâm thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả nhằm tạo sức mạnh tổng hợp, không gian phát triển mới cho đất nước, xây dựng chính quyền gần dân, trọng dân, sát dân, phục vụ nhân dân, đủ năng lực thực hiện 3 nhiệm vụ trọng tâm trong kỷ nguyên mới, gồm giữ vững, duy trì môi trường hòa bình, ổn định; phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; nâng cao đời sống của Nhân dân, tất cả vì Nhân dân.

Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc đó là kỷ nguyên đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, với Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số. Chúng ta đang đứng trước thời điểm lịch sử, cơ hội lịch sử để phát triển nhanh, bền vững, song cũng đứng trước yêu cầu rất cao về sự đột phá mang tính cách mạng, khoa học, kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt trong các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội. Việc tiếp tục đổi mới tư duy kinh tế, phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thích ứng với kinh tế tri thức, trên cơ sở từng bước làm chủ, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến là một yêu cầu khách quan, cấp bách để đất nước ta vượt lên, rút ngắn khoảng cách tụt hậu với thế giới và khu vực.

Sự thành công của công cuộc kiến tạo kỷ nguyên mới đòi hỏi nền kinh tế độc lập, tự chủ trình độ cao, chất lượng cao, có sức cạnh tranh và tham gia hiệu quả vào chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; nền quốc phòng, an ninh toàn dân, toàn diện, hiện đại có đủ năng lực bảo vệ vững chắc độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định chính trị, xã hội; sự phát triển bền vững của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, văn hóa, con người Việt Nam trong thế giới không ngừng biến đổi. Đó là bước phát triển biện chứng của tư duy, lý luận, phương châm, quan điểm xuyên suốt “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội”, sự tiếp nối những thành tựu cơ bản, bao trùm của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Trong gần một thế kỷ lãnh đạo cách mạng Việt Nam, để bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ độc lập, thống nhất, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, phục vụ sự nghiệp phát triển đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta không ngừng bổ sung, phát triển quan điểm về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy. Cụ thể hóa Cương lĩnh chính trị và văn kiện các kỳ Đại hội, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị, kết luận để lãnh đạo, chỉ đạo toàn quân, toàn dân ta thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc như: Nghị quyết Trung ương 8 (khóa IX, XI, XIII) về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Nghị quyết số 24-NQ/TW, ngày 16/4/2018 về Chiến lược quốc phòng Việt Nam; Nghị quyết số 08-NQ/TW (1998), Nghị quyết số 51-NQ/TW (2019) về Chiến lược bảo vệ an ninh quốc gia cùng nhiều nghị quyết chuyên đề quan trọng khác về quốc phòng, an ninh. Thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước đã xây dựng, ban hành mới và bổ sung, không ngừng hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, tạo cơ sở chính trị - pháp lý quan trọng để bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống, xây dựng môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước.

Thế giới đang trong giai đoạn thay đổi có tính thời đại, định hình trật tự, cục diện mới. Xu thế hợp tác, phát triển là chủ đạo trong quan hệ quốc tế; song cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, các trung tâm quyền lực tiếp tục diễn biến phức tạp, ngày càng gay gắt hơn trên các không gian truyền thông và phi truyền thông. Xung đột, chiến tranh diễn ra ở nhiều khu vực, không loại trừ nguy cơ lan rộng. Sự phát triển, chạy đua, cạnh tranh về khoa học kỹ thuật và công nghệ gây ra những biến đổi sâu sắc, đã và đang làm thay đổi phương thức hoạt động, tổ chức, cách thức tiến hành chiến tranh, can dự/can thiệp của các nước. Xu hướng vận động của tình hình thế giới tạo ra cơ hội để Việt Nam đạt mục tiêu chiến lược 100 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, tạo tiền đề vững chắc đạt mục tiêu 100 năm thành lập Nước; nhưng cũng phải đối mặt với những thách thức trong giữ vững độc lập, tự chủ, từ đó tác động trực tiếp, thách thức đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

Ở trong nước, bốn nguy cơ mà Đảng ta đã chỉ ra vẫn còn tồn tại, có mặt còn gay gắt hơn. Các thế lực thù địch, phản động ráo riết thực hiện chiến lược “*diễn biến hòa bình*” với nhiều thủ đoạn thâm độc, tinh vi, ngày càng công khai trực diện, đan xen và nguy hiểm; thúc đẩy quá trình “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hóa*” trong nội bộ, đòi “*phi chính trị hóa*” lực lượng vũ trang. Bên cạnh đó, xuất hiện các thách thức, nguy cơ mới, phi truyền thống như: Nguy cơ xâm phạm chủ quyền quốc gia trên không gian mạng, chiến tranh mạng; các thách thức an ninh môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, an ninh nguồn nước, dịch bệnh, an ninh lương thực. Hoạt động của tội phạm có tổ chức, xuyên quốc gia, tội phạm xâm phạm trật tự, an toàn xã hội diễn biến phức tạp, tính chất “*quốc tế hóa*” ngày càng gia tăng, có thể chuyển hóa thành nguy cơ đe dọa an ninh quốc gia; tội phạm kinh tế, chức vụ có sự cấu kết chặt chẽ với các cán bộ thoái hóa biến chất trong bộ máy

nhà nước, gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, đe dọa trực diện đến an ninh chính trị và lòng tin của Nhân dân với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Chúng ta đang đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn về khoa học, công nghệ, tạo ra thách thức về an ninh, an toàn thông tin, dữ liệu; đồng thời tội phạm sử dụng thành tựu khoa học, công nghệ gia tăng trong bối cảnh chuyển đổi số, xây dựng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số. Thực tế nêu trên đang hàng ngày, hàng giờ đe dọa trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc.

3. Hội nghị Trung ương 11, khóa XIII đã thống nhất mục tiêu cao nhất của Đại hội XIV là quyết định những vấn đề chiến lược để bảo đảm “*ổn định, phát triển và nâng cao đời sống của nhân dân*”; yêu cầu cao của giai đoạn tới là “*phát triển chất lượng cao và phát triển bền vững*”, “*chủ động và tự chủ trong phát triển*”; quyết tâm “*xác lập mô hình tăng trưởng mới*” lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia làm động lực chủ yếu, kinh tế tư nhân là một trong những động lực quan trọng nhất; “*xây dựng nền giáo dục quốc dân hiện đại, ngang tầm khu vực và thế giới*”, triển khai mạnh mẽ nội hàm “*Đảng ta là đạo đức, là văn minh*”, mô hình điểm về các tỉnh “*xã hội chủ nghĩa*”, các xã “*xã hội chủ nghĩa*”, đặt ra yêu cầu rất mới đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc. Trong 3 nhiệm vụ chiến lược của kỷ nguyên mới gồm giữ vững, duy trì môi trường hòa bình, ổn định; phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững; nâng cao đời sống của Nhân dân, tất cả vì Nhân dân, thì bảo đảm môi trường hòa bình, ổn định, an ninh, an toàn để xây dựng và phát triển đất nước là điều cực kỳ cần thiết. Muốn vậy, ngoài tự chủ, vững vàng về kinh tế, chúng ta phải xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, bảo đảm chiến đấu và chiến thắng trong mọi hình thái chiến tranh, đặc biệt là chiến tranh công nghệ cao, tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm, sau đây:

Một là, tổ chức nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận, nghệ thuật, học thuyết bảo vệ Tổ quốc; lý luận, nghệ thuật, học thuyết quốc phòng; lý luận, nghệ thuật, học thuyết bảo vệ an ninh quốc gia, tạo cơ sở lý luận vững chắc để xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong kỷ nguyên mới. Trên nền tảng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nét độc đáo, đặc sắc và những bài học kinh nghiệm quý trong lịch sử, bám sát tình hình thực tế trong nước, thế giới có liên quan tới nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, công tác quốc phòng, an ninh để tổ chức những nghiên cứu lớn nêu trên. Xác định đây là một trong những định hướng trọng điểm trong công tác nghiên cứu lý luận của Đảng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tập trung luận giải, định hình sâu sắc, đầy đủ hơn về tính toàn dân, toàn diện của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Xây dựng, hình thành lý luận, quan điểm về thế trận bảo vệ Tổ quốc - thế trận tổng hợp, bao trùm, là sự liên kết chặt chẽ trong - ngoài, trên - dưới, với trụ cột là “*thế trận lòng dân*” gắn chặt với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân vững chắc; từ đó xây dựng cơ chế, chính sách cùng các điều kiện bảo đảm cho sự

vận hành của thể trận này phù hợp với thực tiễn, tình hình mới. Nghiên cứu, tham mưu để bổ sung, hoàn thiện và làm rõ hơn các phương châm, quan điểm về đối tác, đối tượng, về quan điểm, định hướng, mục tiêu, yêu cầu, phương châm, nguyên tắc, chủ thể, nội dung, hình thức, biện pháp, cơ sở chính trị - pháp lý và bài học kinh nghiệm bảo vệ chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân, chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững ổn định chính trị, xã hội; sự phát triển bền vững của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, văn hóa, con người Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Nghiên cứu, hoàn thiện lý luận về bảo vệ Tổ quốc theo phương diện đối nội và đối ngoại. Về đối ngoại, chủ động ứng phó, ngăn chặn với các âm mưu của các thế lực thù địch xâm phạm chủ quyền, toàn vẹn, thống nhất lãnh thổ; chủ quyền quốc gia trên không gian mạng. Về đối nội, bảo đảm sự ổn định từ bên trong, vai trò lãnh đạo của Đảng, đoàn kết dân tộc; trật tự, kỷ cương xã hội để giữ cho “*trong ấm, ngoài êm*”.

Hai là, thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, tổng kết thực tiễn thi hành pháp luật về bảo vệ Tổ quốc; nghiên cứu tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế để xây dựng, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật về bảo vệ Tổ quốc phù hợp với thực tiễn mới. Trong đó, tập trung rà soát các văn bản pháp luật liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, địa bàn có sự giao thoa giữa các cơ quan, đơn vị để xác định mức độ, tiêu chí hoàn thiện, từ đó lập kế hoạch xây dựng mới hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Trước mắt, ưu tiên nghiên cứu, xây dựng, bổ sung, hoàn thiện quy định pháp luật làm cơ sở trực tiếp cho nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc; quy định pháp luật hướng đến mọi người dân được sống ấm no, tự do, hạnh phúc trong môi trường hòa bình; xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, lành mạnh và bảo đảm, thực thi đầy đủ quyền con người, quyền công dân được hiến định trong Hiến pháp năm 2013; về vai trò của nhân dân và xây dựng “*thế trận lòng dân*” trong bảo vệ Tổ quốc. Từng bước bổ sung quy định xử lý, ứng phó với các thách thức an ninh phi truyền thống trong hệ thống văn bản pháp luật thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

Ba là, xây dựng Quân đội nhân dân tinh, gọn, mạnh, giữ vững và phát huy truyền thống, phẩm chất cao đẹp “Bộ đội Cụ Hồ”; xây dựng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; giữ vững và phát huy truyền thống, phẩm chất Công an nhân dân “Vì nước quên thân, vì dân phục vụ”. Trong đó, chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, chỉ huy, nhất là cán bộ cấp chiến dịch, chiến lược đủ phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, với cơ cấu hợp lý, bản lĩnh chính trị vững vàng, năng lực công tác, chiến đấu cao, phẩm chất đạo đức cách mạng trong sáng, làm chủ khoa học, kỹ thuật và công nghệ; là hình mẫu của lòng trung thành với Tổ quốc, Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, gắn bó mật thiết với Nhân dân, vì Nhân dân phục vụ. Kiên định, sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, chấp nhận gian khổ, hy

sinh vì mục tiêu, lý tưởng của Đảng, vì Tổ quốc. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương và các kết luận, hướng dẫn của Đảng để sắp xếp tổ chức bộ máy quân đội, công an, cơ cấu đội ngũ cán bộ, bảo đảm thật sự tinh, gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; đổi mới phương pháp tổ chức công tác để nâng cao hiệu quả công tác, chiến đấu. Nghiên cứu đổi mới cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng thu hút, đào tạo nhân tài, nguồn nhân lực chất lượng cao, chính sách hậu phương đối với lực lượng vũ trang nhân dân đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Nâng cao tinh thần cách mạng, sẵn sàng khắc phục mọi khó khăn, gian khổ, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung, hoàn thành tốt nhiệm vụ của cán bộ, chiến sĩ. Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ đối với lực lượng vũ trang nhân dân. Đồng thời, đẩy mạnh đấu tranh, phòng, chống âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động đòi “phi chính trị hóa” Quân đội nhân dân và Công an nhân dân. Lực lượng vũ trang nhân dân phải gương mẫu, đi đầu trên mặt trận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng; đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, quan liêu, lãng phí; luôn là chỗ dựa vững chắc của nhân dân trong sự nghiệp quốc phòng, an ninh.

Bốn là, thống nhất nhận thức nhiệm vụ công tác quốc phòng, an ninh không chỉ bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, mà còn trở thành động lực quan trọng, trực tiếp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế của đất nước trong kỷ nguyên mới. Để đáp ứng được yêu cầu này, lực lượng vũ trang cần tiên phong, gương mẫu, đi đầu trong thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; gắn với Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030. Mỗi cán bộ, chiến sĩ nêu cao tinh thần học tập suốt đời; tiên phong, gương mẫu trong thực hiện phong trào “*Bình dân học vụ số*”, chuyển đổi quá trình học tập, rèn luyện và ứng dụng tri thức, kỹ năng số trở thành nhu cầu tự thân, góp phần quan trọng nâng cao năng lực công tác, chiến đấu. Tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh, tập trung các nguồn lực, có các giải pháp đột phá, sáng tạo, đi tắt, đón đầu, tranh thủ kinh nghiệm quốc tế, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ tiên tiến để xây dựng nền công nghiệp quốc phòng, an ninh chủ động, tự lực, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại, trở thành mũi nhọn của công nghiệp quốc gia. Ưu tiên nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ sản xuất các loại vũ khí chiến lược, trang thiết bị nghiệp vụ, công nghệ viễn thông, công nghệ số, công nghệ dữ liệu,... Đặc biệt, cần kịp thời nắm bắt những kỹ thuật tiên tiến, công nghệ mới nhất trên thế giới để vừa nghiên cứu ứng dụng vào công tác, chiến đấu; vừa chủ động phát hiện những phương thức, thủ đoạn hoạt động mới của các thế lực thù địch, phản động và các loại tội phạm sử dụng các thành tựu khoa học, công nghệ mới để phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

Năm là, tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh cả về bề rộng, chiều sâu; đối ngoại quốc phòng, an ninh tiếp tục làm tốt vai trò đi trước, mở đường cho hoạt động đối ngoại của đất nước, phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, phát huy thế mạnh vị trí địa chiến lược đặc thù; tạo dựng tiềm lực, sức mạnh quốc phòng, an ninh, tranh thủ thời cơ và nguồn lực bên ngoài, chuyển hóa thách thức thành cơ hội, góp phần phục vụ phát triển đất nước và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam. Kiên quyết, kiên trì thực hiện chính sách quốc phòng “*bốn không*”, đan xen lợi ích, giữ cân bằng chiến lược và không để cuốn vào cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, nhằm bảo đảm “*Đảng vững, nước giàu, dân yên, quân mạnh, thêm bạn, bớt thù*”. Nâng tầm, mở rộng đóng góp của Việt Nam cho hòa bình, an ninh, hợp tác, phát triển và tiến bộ của nhân loại; lan tỏa mạnh mẽ hình ảnh đất nước Việt Nam yêu chuộng hòa bình, sẵn sàng làm cầu nối giải quyết xung đột, hạ nhiệt các điểm nóng; tham gia tích cực các sứ mệnh gìn giữ hòa bình, cứu hộ cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa; tích cực đấu tranh với âm mưu, hoạt động chống phá Việt Nam; giải quyết hiệu quả các thách thức, các mối đe dọa an ninh quốc gia, đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tăng cường các hoạt động trên các diễn đàn đa phương, chủ động phối hợp, tham gia quá trình xây dựng pháp luật, tiêu chuẩn mới liên quan đến quốc phòng, an ninh, tạo lập cơ sở vững chắc, góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa. Tiếp tục phát huy cao độ, hiệu quả công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược, không để bị động, bất ngờ trước những biến động mau lẹ về chính trị, kinh tế, an ninh trên thế giới và khu vực, sự điều chỉnh chính sách, chiến lược của các đối tác, tranh thủ tối đa thời cơ thuận lợi, giảm thiểu tối đa những tác động tiêu cực đến sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Mở rộng hợp tác quốc tế, chú trọng hợp tác với các đối tác tin cậy, truyền thống, các đối tác có tiềm lực, thế mạnh về khoa học, công nghệ, ưu tiên tập trung thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài, nhất là công nghệ nguồn, công nghệ chiến lược và đào tạo nguồn nhân lực quốc phòng, an ninh chất lượng cao phục vụ sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.